

Sổ đặc biệt về

Nguyễn Du và Truyện Kiều



BACH KHÓA

GIAI PHẨM

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HẠM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

870đ.

MỘT NĂM

1700đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu	: 175đ
— Nhật-bản, Đại-han, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
		oOo		
1 trang trống	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trống	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trống	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon.
Đ.T. 25.539.

Kiểm duyệt số 169 BTT/PHNT/GPĐS
Ngày 15-II-1972

B Á C H K H O A

A:

NGUYỄN VĂN TRUNG qua sự phê bình nhiên cứu Truyện Kiều và Nguyễn Du, xưa và nay, đặt những vấn đề về « Phê bình cũ, Phê bình mới » (Đàm thoại)	05
TRẦN NGỌC NINH ý nghĩa Truyện Kiều trong dân gian	13
BÙI HỮU SÙNG nghệ thuật « Vang và Bóng » trong truyện Kiều	23
VŨ HẠNH hai nàng Thúy Kiều	37
khách viễn phương, người là ai ?	42
DOÃN QUỐC SĨ tiếng đàn của Kiều	45
VŨ VĂN KÍNH cụ Nghè Mai, một giọt máu đào của họ Nguyễn Tiên-Điền	51
VÕ PHIẾN văn đọc, văn xem	53
VŨ HOÀNG CHƯƠNG hỏi ai người khóc ? (thơ)	63
NGUYỄN DU thơ chữ Hán: Tản linh Lô giang — Long vĩ giang đầu (VŨ HOÀNG CHƯƠNG dịch)	64 65
U cư — Ngẫu đề (QUÁCH TẤN dịch)	67
BÁCH KHOA đàm thoại với Phạm Thiên Thư về cuốn « tục Kiều » Đoàn Trường Vô Thanh	71

TỪ MINH George McGovern và Sargent Shriver, hai kẻ chiến bại	77
TỬ DIỆP thời sự khoa học (Giải Nobel Khoa học)	85
TỪ MINH thời sự thể giới	87
THU THỦY thời sự văn nghệ.	90

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

Địa chỉ: 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại: 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

GIÁ: 80\$ Công sở: 160\$

Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Bạn đọc thân mến

Cách đây 7 năm nhân dịp kỷ niệm 200 năm Nguyễn Du, Bách Khoa đã ra một số đặc biệt (số 209 ngày 15-9-1965) về cuộc đời và tác phẩm của tác giả Truyện Kiều.

Từ ngày ấy đến nay, khi xem lại tác phẩm của Nguyễn Du, cái nhìn của độc giả và nhà phê bình đã có đổi thay và một vài quan niệm mới đã được áp dụng vào việc nghiên cứu Truyện Kiều. Do đó trên số Bách Khoa đặc biệt lần này chúng tôi đã mời Giáo sư Nguyễn Văn Trung — trong một cuộc đàm thoại — nhận định về những chiều hướng phê bình Truyện Kiều từ trước tới nay và nêu lên một số vấn đề trong việc tìm hiểu cuộc đời và tác phẩm Nguyễn Du. Cũng vào dịp này, Giáo sư Trần Ngọc Ninh đang viết một cuốn sách, với một lối nhìn mới, nhan đề là « Ý nghĩa truyện Kiều ». Chúng tôi đã xin trích đăng một vài chương, trong đó tác giả so sánh cơ-cấu Truyện Kiều với cơ-cấu các truyện cổ tích, huyền thoại Tấm Cám và Trầu Cau để rút ra một ý nghĩa cho tác phẩm. Giáo sư Bùi Hữu Sùng cũng có nhã ý dành cho Bách Khoa một bài giới thiệu một vài quan niệm về Phê-bình Cơ-cấu áp dụng trong Truyện Kiều và dùng phương pháp Cơ cấu, nghiên cứu lời văn Truyện Kiều để tìm ra được nghệ thuật « Vang và Bóng » của tác giả. Bài trên đây cũng rút ra từ cuốn « Bóng vang và Cơ cấu trong Truyện Kiều » sẽ xuất bản. Nhà văn Vũ Hạnh đã « đọc lại Truyện Kiều » một lần, cách đây ngoài 7 năm và loạt bài của ông đã gom lại thành một tác phẩm mang tên như trên, xuất bản từ năm 1966. Lần này ông « đọc lại Truyện Kiều lần thứ 2 » và do đó đã có hai bài trên Bách-Khoa số này trình bày sự sáng tạo của Nguyễn Du khi so sánh Kiều với cuốn truyện của Thanh Tâm Tài Tử. Trong dịp lễ kỷ niệm húy nhật thứ 152 của Nguyễn Du (17-9-72) do Đoàn Văn-nghệ Thanh-niên Sinh-viên Học-sinh Tiên-Rồng tổ chức tại Saigon, Nhà văn Doãn Quốc Sỹ có nói chuyện về 5 tiếng đàn của nàng Kiều và bài « Tiếng đàn của Kiều » cũng được đăng lại nguyên văn trên số đặc biệt này. Cũng trong số này ông Vũ văn Kính cho ta biết về số phận Cụ Nghè Mai, cháu năm đời của thi hào Nguyễn Du tại Hà-tĩnh và nhà văn Võ Phiến bàn luận về « Văn đọc, Văn xem », nói về địa vị của Truyện Kiều cùng các truyện văn vần trong văn học thành văn của ta ngày trước và địa vị của các « văn đọc » vào ngày nay, thời đại của « văn xem ». Sau hết các nhà thơ Vũ Hoàng Chương và Quách Tấn có dịch một số thơ chữ Hán của Nguyễn Du và có lựa cho Bách Khoa giới thiệu cùng quý bạn đọc vài bài thơ dịch của hai nhà thơ tên tuổi.

Mong rằng quý bạn đọc sẽ hài lòng một phần nào về số báo đặc biệt này, ra trong một dịp khó khăn gấp bội lần số kỷ niệm 200 năm Nguyễn Du trước đây.

Ban chủ trương BÁCH-KHOA

Qua sự phê bình, nghiên cứu
Truyện Kiều và Nguyễn Du, xưa và nay,
đặt những vấn đề về :

Phê bình cũ Phê bình mới

Bách Khoa đàm thoại với Giáo-sư Nguyễn-
Văn-Trung và Giáo-sư Bùi-Hữu-Sủng

BÁCH KHOA : Nguyễn Du và Truyện Kiều là những đề tài của rất nhiều cuốn sách, bài báo từ trước tới nay, nhất là vào dịp kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du (1965). Ông là người đã đọc được khá nhiều sách báo và đã giảng dạy về Nguyễn Du và Truyện Kiều tại Đại học Văn khoa Saigon. Vậy xin ông cho biết, qua các sách báo đó, những điều nào ông còn chưa thỏa mãn và những vấn đề nào ông thấy còn cần phải đặt ra cho các nhà phê bình, nghiên cứu, sau những công trình biên khảo đã được xuất bản rồi.

NGUYỄN VĂN TRUNG : Truyện Kiều là một tác phẩm đặc biệt vì đã được mọi tầng lớp dân chúng thưởng thức, không phải chỉ có các nhà nho mới ngâm vịnh Kiều, các nhà văn nhà thơ mới coi Kiều như một nguồn cảm hứng, không phải chỉ có các nhà phê bình nghiên cứu mới đọc Kiều mới tìm cái hay cái đẹp của văn chương Kiều, mới xét ý nghĩa Truyện Kiều mà cả những tầng lớp bình dân ai cũng thuộc được dăm ba câu Kiều đề ngâm nga, đề tập Kiều, bói Kiều v.v... Truyện Kiều là tác phẩm được nói đến nhiều nhất từ xưa tới nay, một tác phẩm mà sự bàn luận đã trở thành phong

trào suy tôn hay đả kích (thí dụ năm 1919-24 do Phạm Quỳnh) cũng như gây ra nhiều cuộc tranh luận, bút chiến, đã vượt mọi tầng lớp xã hội cũng như vượt các địa phương, vượt thời đại. Truyện Kiều không phải chỉ phổ biến ở quê hương Nguyễn Du, mà lan ra Bắc, tràn vào Nam, cho tới ngày nay những cuộc kỷ niệm Nguyễn Du hàng năm, những số báo đặc biệt về Nguyễn Du về Truyện Kiều hầu như thành tập tục không thể không có được.

Trước hết, Truyện Kiều một phần có được những phong trào đề cao như vậy là vì nó đã bị chính trị lợi dụng, bị các chế độ chính trị lợi dụng... Những người làm chính trị đã dùng Truyện Kiều như tác phẩm biện hộ cho thái độ chính trị của mình chẳng hạn Phạm Quỳnh. Bởi vậy vấn đề được nêu ra đầu tiên là tại sao chỉ riêng Truyện Kiều là bị chính trị lợi dụng như vậy, Truyện Kiều chứa đựng một nội dung thế nào mà những nhân vật, chế độ chính trị, có thể khai thác có lợi cho mình được, trong khi với các tác phẩm thơ văn khác, chính trị lại không thể lợi dụng được hoặc đã lợi dụng nhưng không thành công,

chẳng hạn trường hợp « Lục vân Tiên » của Nguyễn đình Chiểu.

Đó là một vấn đề cần tìm hiểu.

Mặt khác, Truyện Kiều được nói đến nhiều như vậy thì vấn đề thứ hai được đặt ra là giá trị của nó về tư tưởng, về cốt truyện, về nội dung ra sao, có những đặc điểm gì có khả năng lôi cuốn và gây thích thú cho mọi tầng lớp nhân dân được? Còn về lời văn thì giá trị văn chương Truyện Kiều ra sao, có những đặc điểm gì mà tác phẩm được lưu truyền hàng trăm năm qua các thời đại, vượt mọi địa phương như một tác phẩm luôn luôn hiện đại. Tôi bất mãn vì chưa thấy có nhà phê bình và nghiên cứu nào nêu lên được một cách qui mô những đặc điểm của Truyện Kiều, có giá trị như một tác phẩm văn chương, bởi vì nếu lời văn trong Truyện Kiều có phần tinh luyện của thứ văn chương bác học thì nó cũng có tính chất của nền văn chương bình dân, nghĩa là nó phối hợp được cả hai nền văn chương bác học và bình dân, nó có tính cách phổ biến và vượt lên khỏi cá tính địa phương của tác phẩm.

Nếu đọc những bài, những sách viết về Nguyễn Du và Truyện Kiều từ trước đến nay, phải nhận rằng đã có nhiều phê bình, nghiên cứu thiếu nghiêm chỉnh. Người ta ít đề cập đến chính tác phẩm mà chỉ viết về những điều mà chúng tôi gọi là chung quanh tác phẩm, chung quanh Truyện Kiều mà thôi. Thí dụ người ta nói đến những vấn đề liên quan tới Nguyễn

Du, tới cuộc đời, tới con người, tới xã hội Nguyễn Du v.v... qua Truyện Kiều, như thế Truyện Kiều chỉ còn là một cái cớ để họ đặt những vấn đề về tâm-lý-học, về xã-hội-học, về dân-tộc-học, về lịch-sử...

Muốn thực hiện những công trình biên khảo như vậy một cách nghiêm chỉnh, người ta phải kiếm ra được những tư liệu sử học và văn học đầy đủ. Thí dụ tìm hiểu Tâm sự Nguyễn Du qua Truyện Kiều hoặc xã hội Nguyễn Du qua Truyện Kiều tức là người ta muốn tìm hiểu những sự thực tâm lý và lịch sử qua một tác phẩm tưởng tượng trong khi các tài liệu về Nguyễn Du, về thời đại Nguyễn Du thực là thiếu sót. Chúng ta thử xét một vấn đề đã được tranh luận sôi nổi là « Tâm sự Nguyễn Du qua truyện Kiều » Từ trước đến nay người ta vẫn gán cho ông cái tâm sự « hoài Lê », và giả thuyết này được dựng lên như một tín điều và tệ hơn nữa là người ta đã bắt các sinh viên học sinh học như một vấn đề giáo khoa. Tôi nghĩ rằng người ta có thể làm việc đó, nhưng muốn làm việc đó một cách nghiêm chỉnh, muốn đặt vấn đề tâm sự hoài Lê của Nguyễn Du, người ta phải căn cứ vào các tư liệu như gia phả, bút ký, hồi ký, di cảo v.v... của ông, chứ không thể chỉ căn cứ vào Truyện Kiều, là một sáng tác phẩm chứ không phải là một tài liệu để nghiên cứu.

Như chúng ta đều biết tài liệu về Nguyễn Du có rất ít, nhưng nếu người ta tìm hiểu tâm sự Nguyễn Du qua những bài thơ chữ Hán của ông, như cuốn « *Bác hành thi tập* »

chẳng hạn, thì còn có lý, vì đây là những bài thơ ông ghi lại những cảm xúc khi đi qua những nơi này nơi khác trên đường đi sứ — nên chúng tôi gọi là một cuốn nhật ký gián tiếp của Nguyễn Du, và các bài thơ có gắn liền với cuộc đời Nguyễn Du thực. Còn truyện Kiều, ngược lại, có vẻ rất xa cách ít liên quan đến cuộc đời Nguyễn Du, nên khó có thể căn cứ vào đó mà tìm hiểu gì về tâm sự, về xã hội Nguyễn Du được. Ngay thời điểm sáng tác của Truyện Kiều cũng chưa định rõ được là Truyện Kiều được viết ra trước hay sau khi Nguyễn Du ra làm quan với triều Nguyễn, thì làm sao mà có thể chứng minh tâm sự hoài Lê của Nguyễn Du qua Truyện Kiều được. Với tư cách một người nhận định, tôi nghĩ người ta có quyền làm những suy diễn qua một tác phẩm như Truyện Kiều nhưng tôi chống lại thái độ khẳng định, quyết đoán trong trường hợp Truyện Kiều, mà đáng lý những điều suy diễn chỉ nên coi như một giả thuyết có giá trị rất tương đối.

Tôi muốn nói thêm rằng, thực ra Nguyễn Du có hoài Lê hay không thì điều đó cũng không ăn nhập gì với Truyện Kiều, xét như một tác phẩm văn chương, nếu người ta muốn phê bình nghiên cứu chính Truyện Kiều. Nghĩa là có hay không có tâm sự không làm cho chính bản thân Truyện Kiều thêm hay bớt giá trị, xét như một tác phẩm văn chương. Nhưng người ta đã mất thì giờ bàn nhiều về những vấn đề chung quanh Truyện Kiều như tôi đã trình bày,

chứ không chú trọng đi vào chính tác phẩm để tìm hiểu giá trị văn chương, nghệ thuật của tác phẩm đó. Một tác giả có thể gửi vào tác phẩm của mình rất nhiều tâm sự, nhiều chủ đích, nhiều tư tưởng... Những tâm sự này, những chủ đích tư tưởng này thường không phải là cố định, có thể lúc bắt đầu viết, tác giả định thế này rồi một thời gian sau, khi tác phẩm được hình thành, chủ đích hay tư tưởng của người viết lại thay đổi. Nên đuổi bắt tâm sự, tư tưởng của tác giả trong một tác phẩm là chuyện có thể làm, nếu có tư liệu lịch sử, tuy cũng rất khó đạt được; nhưng đó chưa phải là chính việc phê bình văn học. Điều làm cho nhà nghiên cứu phê bình chú ý và phải tìm hiểu, chưa hẳn là tâm sự này nọ của tác giả hay giải thích này nọ, mà người đọc, qua các thế hệ, đã gán cho tác giả, tác phẩm, nhưng là *tại sao* tác phẩm có khả năng thích hợp với những gán ghép, giải thích đó như thể vẫn chờ đợi chúng và tác phẩm nào càng tuyệt tác như Truyện Kiều, khả năng thích hợp trên càng lớn. Sự kiện đó cho thấy sự suy diễn của các nhà phê bình và những người nghiên cứu, ai nấy đều thấy tác phẩm như chứa đựng thật nhiều tư tưởng, nhiều chủ đích, sắc thái khác nhau và luận ra thế nào cũng có vẻ đúng có vẻ hay cả. Đó là trường hợp Truyện Kiều mà xưa kia người ta cho là phản ánh tâm sự hoài Lê, thuyết Tài Mệnh tương đối... và ngày nay

người ta đi tìm tình yêu trong Truyện Kiều, khái niệm tự do trong Truyện Kiều, như Nguyễn Sa viết : « Những nẻo đường tự do trong Truyện Kiều », Lê Tuyên viết : « Không gian và thời gian trong Truyện Kiều », ngoài Bíc thì nói về chủ nghĩa nhân đạo, quyền sống con người trong Truyện Kiều, trong Nam thì nói về thân phận bi đát của con người trong Truyện Kiều.. Và những chủ đề nêu trên, tưởng như thực sự có chứa đựng trong Truyện Kiều trong khi Nguyễn Du chắc gì khi viết ra Truyện Kiều đã nghĩ đến những khái niệm tự do, không gian, thời gian, hay thân phận, quyền sống ?

Đọc cuốn *Thư mục về Nguyễn Du* do ông Lê ngọc Trụ và ông Bửu Cầm biên soạn năm 1965, tôi có cảm tưởng là có rất nhiều bài viết về cuộc đời Nguyễn Du, nhưng tôi không thấy bài nào dựa được trên những tài liệu đặc biệt cả. Phần lớn cũng chỉ lại là những suy diễn qua những thi phẩm của Nguyễn Du mà thôi. Nếu sưu tập nghiêm chỉnh được những tài liệu xác đáng, tôi chỉ mong có những nhà biên khảo viết được một tiểu sử Nguyễn Du dày độ 50 trang cũng quý lắm rồi.

Tóm lại, với tình trạng thiếu thốn tài liệu như hiện nay, chúng ta không mong tìm hiểu được đời sống tình cảm, tình ái, hay đời sống chính trị của Nguyễn Du, cũng không mong tìm ra được đúng tư tưởng hay tâm sự của Nguyễn Du, và chúng ta nên ít chú trọng vào những vấn đề xoay quanh Truyện Kiều, mà đi thẳng vào

Truyện Kiều như là một tác phẩm văn chương. Tôi mong có những nhà phê bình nghiên cứu sẽ tìm hiểu những chủ đề, những cơ cấu trong nội dung Truyện Kiều, tại sao cốt truyện đó lại làm say mê mọi tầng lớp dân chúng qua các thời đại được. Rồi các vị đó sẽ cho chúng ta hiểu rõ bút pháp của Nguyễn Du, cách cấu tạo lời thơ của Nguyễn Du, ngôn ngữ trong thơ Nguyễn Du v.v... bằng những phương pháp phê bình mới ngày nay.

Trước kia người ta thẩm định giá trị một tác phẩm bằng cách là coi tác phẩm đó có phản ánh một cách trung thực tâm lý, xã hội của tác giả hay không. Nay đã đến lúc phải thay đổi chiều hướng nghiên cứu : không thể và cũng không cần tìm hiểu tâm lý, xã hội của Nguyễn Du qua Truyện Kiều, vì Truyện Kiều không thể phản ánh một cách trung thực, đầy đủ, những thực tại lịch sử. Nhưng người ta có thể tìm hiểu tâm lý, xã hội của chính Truyện Kiều, của các nhân vật trong Truyện Kiều sinh hoạt trong cái xã hội của Kim Trọng, Vương Quan. Người ta không còn tìm hiểu giấc mơ của Nguyễn Du qua *Từ Hải* nữa mà chỉ tìm hiểu ngay chính giấc mơ của *Từ Hải*. Giấc mơ của Nguyễn Du, bao giờ tìm ra được tài liệu liên quan tới hăng hay.

Mặt khác ngày xưa người ta không đặt nặng liên-hệ giữa tác phẩm và tác giả. Với quan niệm văn chương là của chung, một tác phẩm văn thơ

(xem tiếp trang 92)

Ý-nghĩa Truyện Kiều trong dân gian

CƠ-CẤU VÀ Ý-NGHĨA

Cái ý-nghĩa thời-đại và dân-tộc của *Truyện Kiều* là ở trong cái cơ-cấu của truyện, như đã được kể bởi Nguyễn Du.

Cốt truyện là của Thanh Tâm tài-nhân, một tác-giả vô-danh đã viết ra *Kim Vân Kiều Truyện* như câu chuyện của một mối tình « duyên chi chắp duyên em » và « tái sinh duyên ».

Cũng như rất nhiều tá-giả cồ-điền của Tây Âu, Corneille, Racine, Molière ở Pháp, Shakespeare, Benson, Milton ở Anh, Schiller, Goethe ở Đức, Nguyễn Du đã mượn một truyện đề làm một truyện. *Kim Vân Kiều Truyện* thì chỉ là một truyện lỡ làng duyên kiếp, mà tác-phẩm của Nguyễn Du thì đã thấm đượm hồn dân-tộc để thành một truyện mà ý-nghĩa là cuộc đời.

Trong nền văn-chương thế-giới, *Truyện Kiều*, cũng như bản trường ca *Rubaiyat* của Omar Khayyam xứ Ba-tư, *Bhavagad Gita* của Ấn-độ, đã tự-nhiên thành một áng văn tiêu biểu cho cả một dân-tộc (1). Không có một tác-phẩm văn-chương nào đã phổ biến sâu-rộng như thế trong dân-gian, từ những người thượng-lưu trí-thức cho đến người nông-dân hay lao-động cần-cù không biết đọc biết

viết và chưa bao giờ ra khỏi lũy tre xanh.

Vì đâu mà có cái hiện-tượng lạ-lùng như vậy? Không phải vì cái cốt truyện của Thanh Tâm tài-nhân, cũng không hẳn vì văn-chương của Nguyễn Du, mà là vì cái ý-nghĩa mà người dân Việt-nam đã nhìn thấy trong truyện, vì cái tâm-hồn của dân-tộc đã được phản chiếu qua tập *Đoạn-trường tân-thanh* của Tố Như, và Tố Như đã làm cho nổi lên đề cho người dân Việt nhận thấy.

Cho đến giữa thế-kỷ thứ 19 người nông-dân Việt-nam vẫn còn sống một đời sống thuần-hậu, chất-phác, rất tình-cảm và cũng rất thực-tế. Đời sống trong các làng mạc bao vây bởi những lũy tre xanh, tuy không tránh được những rung-chuyển của những thời biến loạn, nhưng tương đối cũng còn êm đềm; cái nhịp sống theo mùa-màng cũng vẫn có, và vẫn còn một nền tín-nguỡng tự-nhiên trong cái khung cảnh của văn-hóa dân-tộc. Trên đầu vẫn có một Ông Trời với cái triều-đình tuồng-chèo của ông, nhưng ông còn xa xôi hơn cả cái triều-đình của

(1) Trần-Ngọc-Ninh : Diễn-văn khai-mạc Lễ Kỷ niệm 200 năm cụ Nguyễn Du — Văn hóa Nguyệt san, Năm 24 : quyền 10-11, 1965.

ông vua tại-vị ở chốn kinh-đô. Gần hơn là ông thần làng, và cái thế-giới của ma quỷ. Trong cõi nhân-gian, thì những giá-trị tinh-thần vẫn còn được luân-lưu bởi những huyền-thoại đã suy tàn thành chuyện cổ-tích, với một mớ tín-điều của Nho-Phật truyền lại.

Truyện Kiều của Nguyễn Du đã lồng vào trong cái khung cảnh ấy. Và người dân Việt-nam ngày xưa đã thu nhận *Truyện Kiều* như một cổ-tích, vì cái cơ-cấu của *Truyện Kiều* là cơ-cấu của một cổ-tích. Về phương diện này, *Truyện Kiều* không khác gì một chuyện (1) như Tấm Cám chẳng hạn.

Chúng ta ai cũng biết chuyện Con Tấm, Con Cám. Tuổi trẻ của chúng ta đã được nuôi dưỡng bằng chuyện ấy và những chuyện cổ khác. Chuyện Con Tấm Con Cám đã được truyền lại từ ít nhất là thời Nhà Lý cho đến ngày nay, và ta vẫn còn có thể kể lại mãi mãi cho con cháu ta mà không bao giờ sai một chữ, lệch một giọng và quên một điểm ngưng.

Về phương-diện cơ-cấu, chuyện có hai phần, mỗi phần có một cái đề với ba hình-thức khác nhau. Câu chuyện có một kiến-trúc đối-xứng rõ rệt. Trong phần thứ nhất, con Tấm bị em là con Cám (hoặc con Cám bị con Tấm, tùy theo truyền-thuyết của mỗi vùng) chèn ép, tất cả là ba lần. Trong ba lần, cái sở-hữu của con Tấm bị con Cám cướp lấy và phá đi: lần thứ nhất là cái rổ cá, lần thứ hai là con cá còn sót lại, và lần thứ ba là cái quyền đi xem hội vua. Mỗi lần, con Tấm khóc, và Bụt lại hiện

ra nói: « Làm sao ma con khóc », rồi Bụt chỉ cho con Tấm làm một việc gì đó, bằng cái còn lại. Lần cuối cùng, Bụt giúp con Tấm để cho nó lấy lại cái quyền mà nó đã bị tước đoạt, rồi Bụt lại dùng những cái xương con cá bóng mà làm thành ra quần áo đẹp cho con Tấm đi dự hội và lấy vua.

Trong phần thứ hai, con Cám vẫn tiếp tục làm hại con Tấm, nhưng lần này là làm hại chính thân người chị ghẻ của nó, trong ba hồi, đối lại với ba hồi của phần trên: lần đầu, nó giết con Tấm, thì con Tấm thành con chim vàng oanh; nó giết con chim vàng oanh, và đồ lông con chim vào dưới gốc cây thị, thì cây thị mọc trái; và cuối cùng thì cái trái đó chính là cái áo để che cho con Tấm trở lại được với vua. Những lần này Bụt không hiện ra nữa, nhưng con Tấm đã có chân mệnh làm vợ vua rồi và con Cám không làm gì nổi.

Mỗi lần, trong câu chuyện cổ, lại nhắc lại một xây dựng mẫu mực trong đó có một cơ-cấu, nghĩa là một liên-hệ giữa các thoại-tổ giống như những liên-hệ giữa các ngữ-tổ của một ngôn ngữ.

Con Tấm và con Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Trong xã-hội cổ thời của ta, sự đối lập Tấm/Cám tức là sự đối lập con vợ trước/con

(1) Theo một ý kiến mà Triều Sơn, một người bạn đã quá cố, nói với tôi khi anh đang viết cuốn *Nuôi Sẹo*, tôi dùng chữ *truyện* (tr-) khi nào đã viết thành văn, và chữ *chuyện* (ch-) khi nào người ta nói.

vợ sau, là một điều được chấp nhận là tự nhiên, nhất là đối với con gái. Đây là một vấn-đề phụ thuộc vào hệ-

thống thân-tộc của xã-hội phụ-hệ, ở ngoài sự chú ý hiện-tại của chúng ta.

So sánh từng hồi một của hai phần trong chuyện Tấm Cám, ta thấy các thoại-tố đi từng cặp.

Phần đầu

Phần cuối

Hồi thứ nhất

Con Tấm « lội cho sâu, gội đầu cho sạch »	:	Con Tấm leo lên cây cau (cao) để chặt cau
Cái rô cá của con Tấm	:	Sự sống của con Tấm
Con Cám cướp cái rô cá của con Tấm	:	Con Cám lấy đời sống của con Tấm
Còn lại một con cá bống	:	Còn lại cái hồn
Ông Bụt hiện ra	:	O
Ông Bụt làm cho con cá bống là sở-hữu thực của con Tấm :	:	Cái hồn thành con chim vàng- oanh.

Hồi thứ hai

Con cá bống được nuôi bằng cơm: ngươi là « cơm vàng cơm bạc » :	:	Con chim vàng-oanh ở trong vườn của nhà vua.
ở dưới giếng.	:	
Con Cám giết con cá bống và vứt xương.	:	Con chim vàng-oanh nói
Con gà biết nói và chỉ chỗ vứt xương cho con Tấm.	:	Con chim vàng-oanh biết nói được vua nhận.
	:	Con Cám giết chim
Bụt hiện ra	:	O
Con Tấm nhặt cái còn thừa lại của sự sở-hữu của mình và dấu đi vào dưới chân giường.	:	Bộ lông chim được đồ xuống gốc thị. Hồn con Tấm chui vào quả thị.

Hồi thứ ba

Con Tấm không được đi dự hội	:	Con Tấm ở trong quả thị, rớt vào bị của bà lão, và ở nhà bà lão.
Con Tấm ở nhà nhặt đậu	:	Con Tấm làm cơm cho bà lão.
Bụt hiện ra	:	O

Xương cá thành quần áo cho	:	Bà lão khám phá ra vỏ thị
con Tấm	:	là áo ngoài của con Tấm.
Con Tấm đánh rơi giày	:	Con Tấm tìm trầu
Vua nhặt được giày (là một	:	Vua nhận được cái dấu-hiệu
dấu-hiệu) và lấy con Tấm	:	trong miếng trầu và đón
	:	con Tấm về.

Các thoại-tố đi từng cặp, đối nhau trong hình-thức và giống nhau trong ý-nghĩa. Chẳng hạn như trong hồi thứ hai, ta có hai cái liên-hệ thuộc con cá bống và con chim vàng-oanh.

<i>xương con cá</i>	:	<i>Lông con chim</i>
<i>con cá</i>		<i>con chim</i>

tức là :

<i>cái ở trong</i>	:	<i>cái ở ngoài</i>
<i>con vật dưới nước</i>		<i>con vật trên trời</i>

Con cá bống lại đối lại con chim vàng-oanh, vì con cá bống không nói, mà con chim thì biết nói. Trong phần đầu, con gà đã nói vì gà cũng là loài chim, nhưng con bống thì chỉ biết nghe. Những sự đối nghịch này, được theo cho tới cách ăn uống, là một phần rất quan-trọng của văn-hóa : khi ta ăn cá thì ta ăn cả da cá, nhưng ta vớt xương, nhưng khi ta ăn chim thì ta nhai cả xương, và dĩ nhiên là lông chim bị vớt bỏ. Có lẽ người ta đã tin rằng những phần ấy là cả bản vật-chất của sự lộn kiếp đối với hai giống này.

Những liên-hệ tương-tự cũng có thể tìm thấy được ở những đoạn khác của chuyện. Các ý-nghĩa này nằm ở trong cái cơ-cấu của huyền thoại. Khi dân-tộc đã phát triển qua cái giai-đoạn sơ khai của văn hóa, thì huyền thoại biến cái đi và chỉ còn là những cổ tích, trong đó người ta lại nhồi vào những ý nghĩa khác. Chuyện

Con Tấm Con Cám đã thành ra một chuyện xưa mà người ta kể lại, thứ nhất là để mua vui, và sau nữa là để răn ta đừng làm điều ác, vì lúc nào cũng có Trời Phật theo dõi từng hành vi của ta, và ở ác thì sẽ gặp ác, ở hiền thì ắt sẽ lại gặp hiền.

Trong cái môi-trường văn-hóa của dân-tộc Việt-nam, *Truyện Kiều* không những có một xây dựng giống như một chuyện cổ-tích, *Truyện Kiều* lại chính là chuyện *Con Tấm Con Cám* lật ngược. Người dân quê Việt-nam đã nhận thấy ở tác-phẩm của Nguyễn Du những âm-hưởng thâm trầm của đời xưa để lại, và đã đón ngay *Truyện Kiều* vào cái kho tàng của nền văn-hóa dân-tộc.

Câu chuyện có từng hồi, và mỗi hồi là một xây dựng mẫu mực trong đó có một cơ-cấu rõ ràng. Tôi kể lại cốt chuyện như một thứ cổ-tích.

Hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân là hai người trái nghịch với nhau,

mặc dầu họ cùng cha cùng mẹ. Có một người em trai nữa và người em trai này nghiêng về phía chị trong tình cảm nhưng lại giống cô em trong tính nết ; không biết tên người này là gì, chỉ biết tên chữ gọi là Quan.

Thúy Kiều tự cho mình là đẹp và tài giỏi hơn người, nên có những tham vọng với cao, nhưng lại luôn luôn e sợ rằng đời mình sẽ không được như ý. Còn Thúy Vân thì tuy không xấu, nhưng lại an phận thủ thường.

Ngày Thanh-minh, mấy chị em cũng đi chơi Xuân. Gặp mà một người con gái nổi tiếng là đẹp mà chết yêu, Thúy Kiều bỗng thấy lo lắng cho đời mình, không biết ngày sau thế nào ; từ đó luôn luôn bị ám ảnh bởi bóng ma của người con gái. Lại có một người con trai, nguyên có quen biết Quan, đi tới chỗ đó và cô gái mới lớn lên bỗng thấy chớm nở trong lòng một mối tình đầu rất mơ hồ. Đến khi về nhà, thao thức mãi với những chuyện đã xảy ra lúc ban ngày. Bóng ma của Đạm Tiên, tức là người con gái chết yêu, bỗng hiện lên giữa lúc ấy và bảo cho Kiều biết rằng nàng sẽ gặp nhiều sự khổ trong đời.

Sau đó thì là những chuyện đoạn trường đã xảy ra cho Thúy Kiều. Trong mỗi đề, Kiều gặp một người và tin rằng người ấy có thể cứu được nàng ra khỏi cái số-mệnh đau khổ mà Đạm Tiên đã báo mộng cho nàng biết. Nàng bầu víu lấy người ấy, bầy đủ cách để buộc đời mình vào đời người kia để thoát khỏi kiếp phong-trần.

Nàng đem tất cả cái tài-năng của mình ra đề mà phá số. Nhưng mỗi lần, lại có một kẻ lợi dụng ngay cái nhược-điểm của nàng để làm cho nàng bị đặt lại vào trong cái số-mệnh đoạn-trường tiền định của nàng. Và sau cùng, không còn một chút ảo-vọng gì nữa, và đã hoàn toàn thấy rằng mình bất lực rồi, nàng tự vẫn ở sông Tiền Đường.

Hồi thứ nhất :

Thúy Kiều gặp lại Kim Trọng người con trai ngày Thanh Minh. Tất cả là một cuộc mưu mô sắp đặt bởi người con gái nhỏ này đã thức trắng nhiều đêm để nghĩ cách cưỡng lại mệnh Trời. Nàng sẵn sàng làm tất cả để thoát khỏi định mệnh. Nàng bỏ rơi cái thoa cài tóc ở bụi cây. Nàng gấn bó keo sơn với Kim Trọng. Nàng làm cho Kim Trọng say mê. Nhưng nàng cũng rất thành thực với chàng Kim và nói rõ cho chàng biết rằng nàng lo ngại cho tương lai phận mỏng như thế nào. Kim Trọng hứa sống chết với Kiều, nhưng nàng còn sợ rằng chưa đủ và đã đi rồi lại còn trở lại để cắt tóc và viết lời thề dưới mặt trăng với nhau. Và nàng đã tính trước cả, nên đến phút cuối cùng đã cương quyết từ chối chàng để khỏi bị bỏ rơi như Thôi Oanh Oanh.

Kim Trọng đã được Kiều coi là vị cứu tinh có thể giúp được nàng tránh khỏi kiếp đoạn trường. Nhưng định-mệnh đã đến ngay lúc ấy một cách kinh hoàng, và phá tất cả những dự tính của Kiều. Kim Trọng vừa từ biệt nàng để về Liêu đông thụ tang

chú thì cha của Thúy Kiều bị bắt vì sự đồ vạ của một thằng bán tơ nào đó không biết. Thế là tất cả súp đồ và định-mệnh đã thắng :

Điều đâu ai buộc ? ai làm ?

này ai đan đập giệt giằm bồng dưng ?

Ai ? Còn ai khác là Định-mệnh, mà thằng bán tơ chỉ là một khí-cụ.

Hồi thứ hai :

Kiều biết là mình thua và đành gạt bỏ cái hình ảnh của Kim Trọng để báo hiếu cho cha bằng cách bán mình và khuất thân đi lấy lẽ một tên trọc phú. Nàng tự coi là đã lỗi thề với chàng Kim nên trước khi lên đường còn trao lại cho em cái trách-nhiệm là đừng làm mất cái mối tơ duyên của nàng với Kim Trọng. Ngay sau lúc đó nàng bị thất vọng một lần thứ hai, là vì Mã Giám sinh, người đã mua nàng để cho cha nàng được tự do, đã xử sự với nàng một cách « hôi tanh », như một thứ con buôn gì đó. Nhưng còn làm sao khác được, và nàng đành thừa với cha mẹ, xin cha mẹ nói với Mã Giám sinh mà buộc mình cả vào đến một kẻ mà nàng khinh miệt, để tránh những sự có thể còn đau khổ hơn nữa. Mã Giám sinh cũng thề sẽ che chở nàng.

Nhưng khi về đến Lâm-chuy thì cả đến những cái hi vọng mỏng manh ấy cũng mất hết. Thúy Kiều bị trao vào tay Tú bà. Nàng tự vẫn và bóng ma Đạm Tiên lại hiện ra để bảo nàng biết rằng chưa hết.

Hồi thứ ba :

Bắt đầu từ đây là chân-mệnh của Thúy Kiều, và bóng ma Đạm Tiên sẽ không trở lại nữa, cho đến lúc hết cái kiếp đoan-trường của Kiều.

Thúy Kiều được Tú bà hứa là sẽ đổi đãi tử tế và tìm nơi gả chồng ; nàng buộc Tú bà phải thề có trời là không lừa dối nàng, và sau đó nàng được ra ở lầu Ngưng Bích.

Ở đây nàng gặp Sở Khanh. Kiều không còn ảo vọng gì về cái tương lai sẽ đến với nàng, mặc dầu đã có lời thề của Tú bà. Nàng tự hỏi không biết kiếp phong-trần đến bao giờ mới thôi.

Một lần nữa, nàng lại muốn trốn. Sở Khanh có cái bề ngoài của kẻ có học. Sở Khanh còn đáng tin hơn Tú bà ; Sở Khanh cũng chịu thề với nàng. Nàng có thề gì với Tú bà và Mã Giám sinh đâu mà phải giữ. Và nàng lại liều một lần nữa, thử xem có thoát được khỏi cái định-mệnh đã nắm được nàng trong tay không. Nàng dùng tài năng của nàng mà đoán ra cái mật-mã được Sở Khanh gửi tới. Nhưng vừa ra khỏi cửa thì nàng đã hiểu ngay rằng một lần nữa, nàng lại thất bại. Sở Khanh chỉ là một đồng một cốt với Tú bà. Đó là tay sai cuối cùng của định mệnh. Vòng lưới đã thắt lại. Tú bà bắt được quả tang Kiều phá ước.

Không còn một chút nghị-lực nào nữa, Kiều cúi đầu trước định-mệnh :

Chút lòng trinh bạch từ nay xin chừa

Hồi thứ tư :

Kiều đã đành chịu « lấy thân mà trả nợ đời » và nhận cái kiếp đoan-trường nhục nhã của mình.

Bỗng hi vọng lại bưng trở lại với Thúc sinh. Người khách chơi này say mê nàng đến nỗi đã bày mưu cứu nàng ra khỏi chốn lầu xanh. Thúy Kiều lần này không những lại buộc mình vào với Thúc sinh, hai người cùng nhau chỉ non thề biển, nàng còn tìm cách gỡ tất cả những sự đe dọa có thể đến với nàng. Thúy Kiều gọi cho Thúc sinh « tính sao cho trọn mọi đường », đề khỏi phải trở lại kiếp lầu xanh. Nàng đâu có ngờ rằng chàng Thúc, con người đa mưu đã gạt được Tú bà, lại chỉ là một anh chàng không có nghị-lực, chỉ tính đường dẫu diễm.

Sự thử-thách đầu tiên đã đến khi cha Thúc sinh bắt phải trả Kiều về nhà chứa. Nhưng Kiều đã thoát nạn nhờ sự dàn xếp của ông quan phủ.

Thế nhưng còn vợ cả của Thúc sinh. Kiều dục Thúc sinh nói với vợ cả, nhưng Thúc sinh vẫn chần chừ và việc phải đến đã đến : Hoạn thư, là vợ Thúc sinh, đã cho người bắt Kiều về, đề đánh đập và hành hạ bằng tinh thần một cách tinh xảo. Thúc sinh không dám có một lời che chở cho Kiều, và Kiều đành trốn đi với mấy món đồ vàng bạc ăn cắp để hộ thân. Cuộc đời phong-trần lại bắt đầu trở lại.

Hồi thứ năm :

Nàng gặp sư Giác Duyên và tưởng có

thề yên thân nương nấu cửa Phật. Nhưng cái quá khứ khốn nạn không rời khỏi nàng. Một người đi lễ chùa đã nhận thấy những đồ vàng bạc kia là của nhà họ Hoạn. Giác Duyên sợ hãi nên giới thiệu nàng sang ở nhà Bạc bà. Bạc bà ép nàng phải lấy cháu là Bạc Hạnh. Thúy Kiều cũng phải nghe nhưng cũng bắt phải thề trước Trời Đất, và làm lễ tơ hồng hẵn hoi; nhưng cũng không thoát nỗi sự sắp đặt của cô cháu nhà họ Bạc và lại bị bán vào lầu xanh một lần nữa.

Hồi thứ sáu :

Từ Hải là một khách chơi từ phương xa lại, đã bỏ tiền ra mua Kiều về. Ít lâu sau Từ Hải bỏ đi, và Kiều muốn đi theo sát nhưng Từ Hải không chịu. Khi Từ Hải trở về, thì đã thành một người tướng giặc có uy danh, hùng cứ một phương. Từ Hải cho Kiều được trả ân trả oán ở đời, và Kiều đã tưởng rằng mình có thể yên ổn mà sống nốt những ngày còn lại. Nhưng ít lâu sau, Hồ Tôn Hiến đem binh tướng của nhà vua đến đề dọp giặc. Họ Hồ lập kế chiêu an và cho người đến nói với Kiều. Kiều không mong gì hơn là được trở thành một vị mệnh, phụ phu nhân trong triều, và nàng đã khuyên Từ Hải hàng, vì chỉ có thế họa may mới chấm dứt hết được những nỗi đau khổ còn có thể chờ đón nàng. Nhưng Kiều không ngờ rằng đây mới là sự đau đớn nhất trong đời nàng, vì chính Kiều sẽ phải nhúng tay vào cái chết của Từ Hải và bóp nát cuộc đời của mình. Họ Hồ đã thừa cơ Từ Hải không đề phòng và giết Từ, rồi



bắt Kiều gảy đàn trước tiệc khao quân, lại còn ép nàng trắng gió.

Đến sáng, Hồ Tôn Hiến bắt nàng phải lấy người thờ-quan để ém nhem những chuyện đêm hôm trước.

Kiều tự vẫn và chấm dứt cuộc đời đau khổ của nàng. Sự đau khổ cuối cùng pha lẫn sự hối-nhối và sự tủi-nhục đã đẩy Kiều gieo mình vào cái bao la của sông nước mà kết liễu một kiếp sống.

Trong sáu hồi, Nguyễn Du đã kể lại câu chuyện nàng Kiều như một cuộc đời bạc mệnh mẫu mực, ngược lại với đời con Tấm. Con Tấm không có một chút sắc sảo khôn ngoan nào cả, con Tấm suốt đời bị mẹ con Con Cám lừa dối và hành hạ. Nhưng con Tấm có ông Bụt thương, ông Bụt thấy nó khóc thì lại hiện ra và nó cứ làm theo ông Bụt bảo mặc dầu những việc nó làm chẳng có nghĩa lí gì cả. Đó là lòng tin tuyệt đối. Và cứ mỗi lần con Cám đim con Tấm xuống thì con Tấm lại lên cao hơn. Còn Thúy Kiều thì sáu lần định lấy tài sắc của mình ra mà chống lại với một cái định-mệnh vô hình, nhưng lần nào cũng bị thua và càng ngày càng sa đọa.

Trong mỗi hồi, có một người là cái cọc để Thúy Kiều bám vào cho khỏi chết đuối. Nhưng mỗi lần Kiều vừa đụng vào cái cọc thì cái cọc lại được cất đi và ở ngay chỗ ấy, chỉ thấy có một luồng nước xoáy, để vùn nàng vào trong cái cửa của địa ngục.

Những cái ảo-ảnh của hi-vọng có nhiều tên : Kim Trọng, Mã Giám sinh,

Sở Khanh, Thúc sinh, Bạc bà, Từ Hải, Hồ Tôn Hiến đã nối tiếp nhau để cho Kiều níu lấy mà cưỡng lại sự lôi cuốn của định-mệnh.

Lúc đầu thì định-mệnh còn che mặt và dùng những kẻ vô hình, vô danh làm tay sai. Cái chết của chú chàng Kim đã tự nhiên đến, cùng một lúc với sự cung xưng của một thằng bán tơ nào đó. Thằng bán tơ nào? tơ gì? nó ở đâu? nó nói gì? Không ai biết. Chỉ cần một sợi tơ mỏng mảnh của định-mệnh cũng đủ để rút Kiều ra khỏi cuộc đời êm đềm với gia đình và những xây-dựng vững vàng nhất mà tài trí của nàng đã tạo ra, để ném nàng vào cuộc đoan-trường.

Nhưng những kẻ tay sai sau của định-mệnh không còn vô danh nữa. Chúng là những con người có xương có thịt. Chúng biết cưỡng bách Kiều; chúng biết đánh đập Kiều, chúng có kĩ-thuật làm ô nhục xác thịt của Kiều; chúng có cách hành hạ tâm trí của Kiều : Chúng là Tú bà, là Hoạn thư, là Bạc bà, Bạc sinh, là Hồ Tôn Hiến. Tất cả đều là những tay cự phách trong nghề riêng của mình. Mỗi người cầm đầu một tổ-chức, Thúy Kiều bắt đầu chỉ là một đứa con gái nhỏ : mười lăm tuổi,

đầu xanh đã tội tình gì !

Những tay sai ấy của định-mệnh đã dùng tiền tài và thế-lực, sức mạnh và mưu trí, và tung cả cái tổ-chức dưới quyền ra để mà bao vây Thúy Kiều không cho ra thoát, rồi xoay ngang, vắn dọc, cho đến khi Thúy

Kiều đã mất hết không còn một chút ảo vọng gì nữa và chỉ còn cách cuối cùng là tự hủy diệt đi, mới thôi.

Mỗi lần Thúy Kiều lại tính. Có những lúc Kiều tính toán sắp đặt đã kỹ càng và nàng có vẻ tin tưởng. Cũng có lúc tất cả mọi sự như liên kết với nhau để hại nàng và nàng chỉ còn cách là liều mà thôi. Thúy Kiều không ngần ngại trước một cái gì cả. Liều một, chứ liều ba, liều bảy, nàng cũng liều. Miễn là thoát ra khỏi móng vuốt của định-mệnh. Và nàng sẵn sàng trả bất cứ một giá nào.

Sự xây-dựng của chuyện thực là rõ ràng. Kiều sắp đặt hết cách, không để hở một cái kẽ nào cả. Định-mệnh đánh xuống, ở một đường tơ, và Kiều ngã. Nàng bò dậy và liều chạy, nhưng mạng lưới đã dăng ra để quây nàng lại ; mệt mỏi, nàng đành chịu. Ba lần như vậy tất cả.

Với Kim Trọng : sự sắp đặt thực là trọn vẹn về tất cả mọi mặt. Định-mệnh đánh xuống ở Liêu-Đông, bắt chàng Kim phải đi vắng, để dùng một thằng bán tơ mà cột Kiều vào chân Mã Giám sinh với Tú bà. Kiều chưa hiểu nên định thoát thân bằng sự chết, nhưng không được ; đến khi biết là chưa được phép chết, thì Kiều vùng lên để chạy theo tên Sở Khanh ; nhưng Tú bà đã tung lưới mà bắt Kiều lại.

Với Thúc sinh : một lần nữa, Kiều lại cố gắng sắp đặt để cho đầu vào đó. Nhưng kế-hoạch của nàng không qua được cái giai-đoạn dự

thảo ; Thúc sinh có trách-nhiệm thì hành kế-hoạch đã không làm. Vì thế, Kiều bị Thúc ông lôi ra đến cửa quan, nhưng nàng thoát nạn. Nàng tưởng Thúc sinh được bài học ấy sẽ nghe lời nàng. Nhưng một lần nữa, Thúc sinh lại tránh né trách-nhiệm. Hoạn-thư đánh xuống một đòn vũ-bão, và dùng ngay Thúc sinh để hành hạ Kiều. Như con mèo vờn con chuột, Hoạn thư đã thả Kiều, rồi lại bắt Kiều rồi mới thả cho đi hẳn, nhưng không quên « phái người » đến tận am Chiêu Ân để săn đuổi kẻ tình địch phải cao chạy xa bay. Kiều cố bấu víu lấy Sư Giác Duyên trong một lúc nhưng rồi cũng lại bị mạng lưới của Bạc bà bắt trở về lầu xanh.

Với Từ Hải : Kiều lại cố xây dựng một lần nữa sự an-ninh của bản thân. Nàng báo ân báo oán để răn những kẻ đã thề bồi với nàng mà lại phản nàng :

Thề sao thì lại cứ sao gia hình.

Máu rơi thịt nát tan tành,

Ai ai trông thấy hồn kinh phách rờ.

Giết cái quá-khứ đi chưa đủ, còn phải xây dựng tương-lai cho thực vững vàng. Kiều xui Từ Hải hàng để tránh cái cảnh

chiếc bách giữa dòng,

e dề sóng gió, hãi hùng cỏ hoa.

Nhưng định-mệnh lại đã phục binh chờ nàng : Hồ Tôn Hiến tung quân ra giết Từ Hải và đem nàng về trong quân. Cái câu « sống làm vợ khắp người ta » mà Kiều nói ở đầu truyện

sẽ không thể đầy đủ nếu Kiều không bị ép làm vợ một đêm của chính kẻ đã lừa nàng để giết chồng nàng. Sáng hôm sau, Hồ Tôn Hiến gả nàng cho tên thổ-quan. Kiều không vùng lên để chạy nữa. Không một lời cãi, nàng xuống thuyền của thổ-quan,

Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.
 đề rồi trong đêm, tự hỏi không hiểu rồi ngày mai sẽ còn phải đi đâu đề chôn vùi cái kiếp đoan-trường của mình cho đến hết. Sông Tiền-đường đã giải thoát nàng.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRAN NGỌC NINH

ĐÃ PHÁT HÀNH

KỂ SÔNG ĐÃ CHẾT

tác phẩm mới nhất của DƯƠNG NGHIÊM MẬU

GIAO ĐIỂM xuất bản

Hà-nội 1954... với những nhân vật điển hình quay cuồng trong cơn lốc lịch sử.

tiếng nói

Pectal
FORT



trị các chứng **HO**



ho gà ho khan
 ho từng cơn
 ho ra đàm
 cảm-suyễn
 sưng cuống phổi

, BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL
FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan
 ho từng cơn
 ho ra đàm
 cảm suyễn
 sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

Nghệ-thuật « Vang và Bóng » trong Truyện Kiều

« Nếu có, bao giờ, một tấm gương phản ánh được tâm tư,
thì chính là tập sách này ».

V. HUGO (Les contemplations)

PHẦN I:

TỪ THỜI-GIAN THẦN-THOẠI ĐẾN PHÊ-BÌNH CƠ-CẦU

« Bạn có biết chăng? Ngọn nước
Hoàng-Hà tự lưng trời tuôn xuống biển,
không hề lộn trở lại. » (1) Đối với các
nhà thơ như Lý-Thái-Bạch, Cao-Bá-
Quát, ngày tháng cứ cuồn-cuộn chảy
như dòng nước lũ không bao giờ
quay về nguồn. Trong một đêm du
thuyền trên biển hồ, thi-sĩ Lamartine
đã muốn kéo dài hạnh-phúc bên tình
nhân; ông nín lấy cánh Thời-gian
van xin Thời-gian hãy ngưng bay.
Triết-gia đọc tới lời thỉnh-cầu trên
trong bài thơ « Hồ Xưa », đã hỏi :
« Nếu ngưng được, thì ngưng đến
bao giờ ? ». Câu hỏi rơi vào khoảng
lặng thinh, không một tiếng vang trả
lời. Trong khi đó, Thời-gian cứ thần
nhiên bay đi đều mỗi ngày chúng ta
giật mình, xao-xuyến khi chợt nhìn
vào « Đài gương, mái tóc bạc, sớm như
tơ mà tối đã như sương » (1)

Trái lại, đọc thần-thoại hay đoạn
kết Truyện Kiều, chúng ta không
cảm thấy cái ngao-ngán hay cái xao-
xuyến nói trên. Ở đây, Thời-gian có
khả-năng phục-hồi, có phép mầu
nhiệm : hoặc trở về nguồn, hoặc dừng

lại tô điểm cho cảnh vật, cải tử
hoàn-sanh cho con người. Chính
Thời-gian đã cứu sống Thúy-Kiều,
chuyên chở nàng từ cõi âm về cõi
dương. Chính Thời-gian đã đưa nàng
về đoàn-tụ với cha mẹ cùng hai em.
Chính Thời-gian đã nối lại mối lương
duyên Kim-Kiều bị gián-đoạn trong
mười lăm năm. Và cũng nhờ phép
lạ của Thời-gian, thế-giới Kiều, sau
mười lăm năm chìm đắm vào bóng
tối, nay tái xuất hiện và cảnh-vật
thêm xanh tươi :

Hoa tàn mà lại thêm tươi,

*Trăng tàn mà lại bằng mười năm
xưa.*

Đây là nói mặt khách-quan của
Thời-gian. Nay nhìn vào chính bản-
thân của nó, nó cũng tỏ ra rất co-
giãn, nhu-nhuễn, biến-hóa vô chừng.
Thu vào lòng Kim-Kiều, nó cũng
mang màu sắc tâm-lý như một chu-kỳ
(la durée) trong triết-thuyết Berg-
son :

(1) Theo Lý-Thái-Bạch.

Một ngày đằng đằng xem bằng ba thu.

Thử xét, làm thí-dụ, hai tiếng « trăm năm » rải rác từ đầu đến cuối sách. « Trăm năm » mở câu thứ nhất; các nhà chú-thích vội lầm tưởng nó nói về « đời người : một khoảng trăm năm ». Nhưng qua các trang sau, nó nói về cuộc hôn-nhân :

Trăm năm biết có duyên gì hay không.

Càng về cuối sách, nghĩa của nó càng biến đổi đột ngột. Nó thu hẹp lại thành mười lăm năm, quãng đời lưu lạc của Kiều.

Những từ sen ngó đàn tơ

Mười lăm năm ấy bây giờ là đây

Chưa thôi. Mười lăm năm lại rút ngắn còn một đêm, một giấc chiêm bao. Đọc đến đoạn cuối độc giả tưởng chừng mọi việc đã diễn biến quá mười lăm năm. Chợt tới câu « Gà gáy sáng, trời vừa rạng đông », mới ngả ngửa ra khi chợt nhớ lại đoạn đầu có câu : « Mặt trời gác núi, chiêm đà thu không ».

Té ra trăm năm không dài hơn mười hai giờ đêm, không dài hơn một đêm, một giấc mơ. Thế là một câu chuyện « hão », hư cấu, bịa đặt. Dưới ngòi bút lông của Nguyễn Du, Thời gian đã được « Thần-thoại-hóa » hơn cả trong các chuyện thần-thoại, hơn cả trong Nam-hoa-kinh của Trang Tử. Sau tiệc đoàn viên và lễ hợp cấn, Thời gian lại biến một lần chót. Nó đứng lại để dài ra bằng « nghìn năm » bằng « muôn đời ».

Trăm năm : một cuộc hôn-nhân :
15 năm : một đêm chiêm bao : nghìn

năm hạnh phúc : bìa muôn đời.

Phương trình trên, dưới cái bề ngoài nghịch-lý, mang ở trong nhiều ý nghĩa, tùy theo mỗi thời đại.

Vào thời-đại nho-sĩ, nó hàm một ý nghĩa nhân sinh : đời người thoáng qua như một giấc mộng. Giòng tư tưởng ấy chảy dài từ Lão-Trang, Lý-Thái-Bạch, Nguyễn-Bỉnh-Khiêm, Nguyễn-Du, Cao-Bá-Quát đến Nguyễn-Khuyến, Chu-Mạnh-Trinh. Ngòi bút của mấy Cụ, mỗi khi lập lại tích « Hồ-diệp » rất sung sướng là lướt, vờn bay với bướm. Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa bướm và khi tỉnh dậy, ông tự hỏi : « Biết đâu Trang này không phải từ con bướm kia biến thành. » Rồi trên môi các Cụ nở một nụ cười triết lý thanh thản tựa như một cao tăng ngự từ bên gác nhìn lại bên mê, nơi trần tục. Vừa đây, một triết gia Tây-phương khuyên chúng ta luyện tập lấy đôi mắt biết nhìn ngược lại cuộc nhân sinh (regarder la vie à rebours). Nói gì đến triết-gia cao siêu ấy. Ngay từ địa hạt văn-học thế-kỷ XX, « nhìn ngược » lên Truyện Kiều hồi đầu thế kỷ XIX, chúng ta cũng nhận ra vài phương-diện ngộ nghĩnh bất ngờ đối với mắt phê-bình cũ.

Đối với « nhân-chúng-học » ngày nay, mười lăm năm hay một giấc mơ đoạn-trường đều là một trường đời để Thúy Kiều học làm « người lớn » qua các bài học đau đớn về thể xác và tâm hồn. Nếu trong một bộ-lạc sắc-dân, một thanh niên bị khổ-nhục và đuổi vào rừng hoang trước khi được trở về « thành nhân » (adulte)

thì ở đây Thúy-Kiều phải lưu-lạc, đầy ải : nào « thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần » nào « vòng giáo dựng, gương trần » nào « trước hàm rồng cá » nào « kẻ lưng hùm sói », chết đi sống lại mới đến được tái hồi Kim-Trọng. Nói khác đi ngày nay Truyện-Kiều là một thứ tiểu-thuyết dạy làm người (roman d'apprentissage) như David Copperfield hay Wilhelm Meister.

— Dưới sự rọi kính của tâm-phân-học, giấc ngủ của Truyện Kiều giống một « giấc ngủ khai-tâm ». Tựa tựa như trong cổ-tích Pháp, một công-chúa nằm ngủ trong rừng cho đến lúc một hoàng-tử tới gọi dậy đón về làm vợ : ở đây cần hiểu theo cái nghĩa « érotique » hơn là cái nghĩa ngây thơ của các em độc-giả tí-hon. Và dưới những câu thơ « cầm tú » của Đoạn Trường Tân-Thanh, xin độc-giả đừng quên điềm sau đây : trong tiểu-thuyết của Thanh-Tâm Tài Nhân, hai lần Kim-Trọng nắn nỉ được yêu Thúy-Kiều bằng thẻ xác, hai lần ấy, Nguyễn-Du thay bằng Kim-Trọng yêu-cầu hai lần Thúy-Kiều gảy đàn cho mình nghe và Kiều thỏa mãn ngay. Thơ và đàn đã dùng thay thế cho thú nhục-dục ! Một ý-nghĩa, hai hình thức ! Những giấc ngủ khai-tâm (sommeil initiatique) tương-tự như trên cũng thấy rải-rác trong chuyện cổ Hy-Lạp. Chàng Epiménide phải đến kinh thành Nhã-diễn ngủ trong hang một giấc 56 năm, sau đó, mới trở nên « anh hùng » có tài làm mưa gió như phép « hô phong hoán vũ » của người phù-thủy cao tay.

— Đối với Phê-bình Cơ-cấu, ý nghĩa của phương trình Thời-gian trên lại khác. Phê-bình Cơ-cấu không đứng từ ngoài, hoặc từ thuyết Lão Trang, từ thuyết Bergson, Marx, Freud nói « ghé vào ». Phê-bình Cơ-cấu bước thẳng vào trong lòng « chính-văn » rồi từ chính-văn (le texte) khám phá cái hay, cái độc đáo của tác-phẩm. Ví-dụ, nhìn vào phương-trình Thời-gian trên, Phê-bình cơ-cấu phân ra năm loại Thời gian :

Loại 1. — Thời gian của các biến-cố đã thực sự xảy ra trong mười lăm năm, dưới thời Gia-tĩnh triều Minh (thời gian lịch sử).

Loại 2. — Thời-gian của độc giả dành ra để « kể » hay đọc hơn ba ngàn câu lục-bát (Temps de lecture). Thời Nguyễn-Du người « kể » phải đề tới vài buổi tối và Nguyễn-Du đã ghi như trong một tờ biên-bản :

Nhời quê cóp nhật đông dài

Mua vui cũng được một vài trống canh.

Loại 3. — Thời-gian theo nhân-sinh-quan của tác-giả : Nguyễn-Du nhìn cuộc đời như một giấc điệp (đã nói rõ ở trên) (Temps philosophique).

Loại 4. — Thời-gian của ngòi bút khi tung hoành, khi thiết thực khi trào lộng, khi « bốc đồng » (Temps de l'écriture) tùy theo âm điệu, ảnh tượng do hình dạng chữ viết gợi lên. Mỗi một chữ Nôm là một bức họa, là một « nốt » đàn : Chữ để ra chữ.

Loại 5.— Thời-gian sản xuất : nghĩa là thời gian tác-giả đã đề ra viết từ câu 1 đến hết câu chót. Hiện nay chưa biết rõ Nguyễn-Du soạn Truyện Kiều vào năm nào (1809 ?) và viết trong bao nhiêu lâu. Có giống như Goethe viết đi viết lại vở kịch Faust hơn 20 năm chẳng ? Tục truyền : Nguyễn Du viết xong trong một đêm và sáng hôm sau đầu bạc phơ. Theo một tài liệu đáng tin, năm 30 tuổi tóc ông đã bạc. Nhưng chắc gì đã bạc tại duyên nợ với Kiều ?

Có phân loại Thời-gian như trên, Phê-bình Cơ-cấu mới xác-định đâu là vai trò của độc-giả, của tác-giả, của thế-giới hư-cấu (Univers imaginaire), của nền tảng ý-thức-hệ v.v... Phải vài chục trang giấy mới trình bày đầy đủ các vai trò trên. Ở đây tôi chỉ mượn « thời-gian » làm một thí-dụ cụ thể cho việc giới-thiệu Phê-bình Cơ-cấu. Tuy vậy cũng xin mở một cái ngoặc (Chẳng hạn câu này :

Phong-tình có lục còn truyền sử xanh
Rằng : « ... »

Xin hỏi : đã mở hai ngoặc kép sau tiếng « rằng » : Vậy đến câu nào thì sẽ khép hai ngoặc lại ? Vì giữa hai cái ngoặc ấy sẽ là lời của Người-kể-chuyện, của Lục-Phong-tình, không hoàn-toàn của tác-giả nữa. Nếu vậy, thì cái triết-lý chữ Tâm là ý-thức-hệ của Lục-Phong-tình, của người kể chuyện (Le narrateur) ; còn triết-lý của Nguyễn-Du chỉ thu gọn ở trang đầu trong « Tài mệnh ghét nhau » thôi à ? Và tại sao Nguyễn-Du lại ẩn mình dưới cái mặt nạ của Người-kể-chuyện

hay của nhà Sư Tam-Hợp ? Và khi người kể chuyện phát ngôn, thì lúc nào Nguyễn-Du đứng trước hay đứng sau người ấy ? Việc dùng chủ-từ và chấm câu tối ư quan trọng) xin đóng ngoặc.)

Biết bao câu hỏi hứng thú do phê-bình cơ-cấu đưa ra ! Nhưng đề áp-dụng phương-pháp mới, phải bắt đầu từ đâu chứ ? Tác-động thứ nhất phải làm những gì ? (vạn sự khởi đầu nan).

Trước hết phê-bình ở đây nghĩa là đọc và viết ; nếu đọc mà không viết là một thứ đọc tiêu-thụ, miễn bàn.

Đã định đọc theo kiểu Cơ-cấu, phải tạm quên các thuyết Tâm-phân-học, giai-cấp xã-hội kể cả Cơ-cấu-thuyết (le structuralisme). Hãy nhún nhường vào chính văn, tìm ở khiêu-thảm-mỹ, ở trực-giác của mình, đừng bần khoản e sợ mấy danh-từ « chủ quan » « khách quan » « vô thức » « ý-thức » « nội dung và hình thức » v.v... Cứ đọc đi, đọc lại, đọc xuôi, đọc ngược, sô đầy cả trật-tự, thế nào trong một phút sáng suốt sẽ nảy ra một cái gì làm đầu mối mạch-lạc (le noeud) và cần đọc lại để kiểm soát ngay. Tôi được biết một sinh-viên hiếu học đọc truyện Hoa-Tiên, bị « choáng váng » bởi mấy ánh trắng lấp lánh trong các trang. Anh ta hí hửng trước câu lục bát :

61.— Đồng (đầy tớ) say, khách
(Lương Sinh) lạ, canh dài

62.— Một trắng, một bóng, một
người hóa ba.

Vội mừng đã tìm được ánh trắng làm « đầu mối » anh ta giải-thích rằng : ba người là Lương-Sinh, là bóng Lương-Sinh dưới ánh trắng và người thứ ba là hình của người yêu do Lương-Sinh bị ám-ảnh mà phóng ra trước mắt. Đến khi « kiểm-soát lại » mới chưng-hung : đây mới là phần đầu sách, ở hai câu số 61 và 62. Thực ra đây là một điển-cổ (ngày nay gọi là liên-chính-văn : l'intertextualité) thoát-thai từ thơ Lý-Thái-Bạch : Nâng chén rượu mời trăng, đối với bóng thành ba người : thi-sĩ (1) trăng (2), bóng họ Lý (3). Giản dị thế thôi !

Phải có can-đảm đọc đi đọc lại mới phát-giác được liên-hệ giữa từng chữ, từng câu, từng đoạn với toàn thể chính-văn. Cơ-cấu là ở đó, là những mối liên-hệ mật thiết giữa chúng với nhau. Thí-dụ câu « Nói điều rằng buộc thì tay cũng già », tưởng chỉ miêu-ả tài ngôn ngữ của Hoạn-Thư. Không ngờ, đến sau này khi họ Hoạn trình diện trước đình Từ-Hải, mới hay câu đó đã sửa-soạn trước sự tha-bồng cho nàng có tài biện-bạch bào-chữa. Thúy-Kiều chịu và khen :

Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời

Tha ra thì cũng may đời....

Câu khác :

PHẦN II : BÓNG VÀ VANG

Lần dở Truyện Kiều, điều đập ngay vào mắt và tai độc giả : trang nào cũng lấp lánh bóng gương, ánh trắng, mặt sông. Trang nào cũng vang vẳng những cung đàn, những tiếng người

Thề hoa chưa ráo chén vàng

Lỗi thề, thôi đã phụ-phàng với hoa

Bông hoa, thông-thường, chỉ một cô gái đẹp, thề ở đây chỉ ai ? Chỉ Kim Trọng. Căn cứ vào đâu ? Xin đọc ngược lên trên, tới đoạn, đêm vắng, Thúy Kiều lên sang nhà trọ của Kim Trọng và bào chữa rằng :

Vi hoa, nên phải tro đường

tìm hoa (1)

Chữ hoa tỏ ra Kiều triu mến và nâng niu Kim Trọng biết bao ! Thí dụ trên cho biết : nghĩa phải tìm trong lòng chính-văn (le contexte) không theo nghĩa của tự vị.

Nếu cứ tiếp tục đọc sẽ tìm thấy thêm những đối-lập (oppositions) những điệp-ngữ những ẩn-dụ, nhiên hậu sẽ tìm ra cơ-cấu chìm, cơ-cấu nổi, cơ-cấu hữu-thức và cơ cấu vô thức, thời-gian và không-gian v.v..

Tóm lại, động tác thứ nhất là phát giác ra một cái gì đặc sắc trong tác phẩm trước khi đi đến cơ cấu.

Trên đây, việc phân tích thời gian, việc chấm câu đã giới thiệu một phần nhỏ đệ-nhất-động-tác phê-bình mới. Dưới đây, tôi thử áp dụng một lần nữa để tìm ra một đặc sắc khác của Truyện Kiều ! Nghệ-thuật « bóng và gương » (Jeux des échos et perspectives des miroirs) hay nghệ - thuật : Gương lồng bóng.

« cách tường ». Tất cả « vang và bóng » ấy hòa hợp dựng lên một thế-giới kỳ ảo. Nhìn bao quát, cả tập Truyện hiện

(1) Theo bản hiệu-định của B.H.S và Vũ Văn Kính. Các bản khác in : lên, đánh.

lên hai tấm gương lóng lánh :

Gương I : Từ đầu tới mặt gương sông Tiền-Đường.

Gương II : Kim-Trọng trên đường đi tìm Kiều và cũng tới bờ sông Tiền-Đường.

Gương II đối diện với gương I, nhưng nhỏ hơn, hình như lồng vào trong và chiếu ngược lại. Bạn hãy giơ thử hai tay và đứng trước một cái gương : có phải nhìn trong gương hình bên tay trái là tay phải của bạn không ? Trong Truyện xảy ra một hiện tượng đối nghịch tương-tự. Các hình ảnh, các âm thanh đối-diện, từng cặp đôi như là được xếp sắp theo hệ-thống-đôi của Tân Toán-học (système binaire). Đây vài bằng chứng rút từ trong chính-văn :

— Nếu Thúy-Kiều từ già gia đình ra đi theo con đường bạc-mệnh, thì trái lại, Kim-Trọng trở lại vườn Thúy « nay đã khác xưa » và ngược đường đi tìm Kiều. Địa-danh Lâm-Thanh té ra Lâm-Chuy : địa-danh thực đối nghịch với địa-danh giả.

— Một bên Kiều « sụp ngồi khấn vái » để hồn Đạm-Tiên (người đã chết) nhập vào mình, một bên Kim-Trọng vật-vã, khóc lóc, « ngắt từng hồi » để hình bóng Kiều (còn sống) nhập vào tâm-hồn mình.

— Một bên, những bóng ma (Hội-chủ, Đạm-Tiên) xô đẩy Kiều vào vực thẳm ; một bên đứng ra cứu Kiều là những người sống : Giác Duyên, Lại già họ Đô, Thúc-Sinh người Hàng-Châu, Kim-Trọng v.v....

— Một đảng Thúy-Kiều chiêm bao

thấy bóng ma Đạm-Tiên, hồi tự tử ở Thanh-lâu. Đảng khác, Thúy-Vân chiêm bao thấy Kim (người sống) báo mộng.

— Nếu phần I kết-thúc bằng cái chết « máu rơi, thịt nát » và cái chết đầy oán khí của Từ-Hải ; ngược lại phần II hạ màn bằng tiệc đo n-viên, lễ hợp cần tưng bừng vui nhộn.

— Nếu ở phần trên báo oán nhiều hơn đền ơn thì ở dưới chỉ có ân với nghĩa : Vương-Quan trả ơn Chung-lão.

— Đến triết-lý ứng đối nhau chan chát từ gương to ánh vào gương nhỏ. Nếu phần 1 nói « Tai-mệnh » thì phần 2 đưa ra chữ « Tâm » :

Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.

Phần 1 cương-quyết giữ thái-độ « chấp kinh » ngược lại phần 2 chống lại thái độ cố chấp ấy và mở rộng cái nghĩa uyên, chuyển của tông quyền :

Có khi biến, có khi thường.

Có quyền, nào phải một đường

chấp kinh.

— Về chiếc gương tâm lý, sự phản chiếu lại rất đặc biệt. Tôi nhớ : một nhân vật trong tiểu thuyết của Françoise Sagan có nói : khi cởi hết quần áo nằm kề thân mình vào thân-thể kẻ khác, lúc bấy giờ so đo, mới biết da mình mịn, eo mình lượn cong. Trong phần 1 khi Kim và Kiều đối diện, cũng có sự so đo tinh vi về thân thể. Kiều nhìn và khen Kim Trọng :

Nàng rằng : Trộm liếc dung quang

*Chẳng sân ngọc - bội thời phũ phàng
Kim-môn.*

Rồi dùng Kim làm tấm gương, nhìn ngược cái bóng thân thể mình, Kiều than :

*Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh biết có vuông tròn mà
hay.*

Ở phần II thì trái lại : chính Kim Trọng đứng nhìn vào Thúy Kiều : « Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tươi ». Và chính chàng đứng ra chiêu tuyết cho nàng. « Như nàng lấy hiếu làm trinh. Bụi nào cho đục được mình ấy vay. »

**Gương bóng trong chi tiết và
khung cảnh của mỗi gương**

Trên đây đã đưa ra vài hình ảnh lộn đi lộn lại qua hai gương. Nay đi vào các chi tiết riêng từng gương một, chúng ta sẽ thấy cái nghệ thuật « gương lồng bóng » của Nguyễn Du tỉ mỉ tới từng mây may. Ví dụ : Một đêm, gia đình đi vắng, Kiều lên sang nhà Kim Trọng. Sau lễ thề ước dưới trăng, đôi tình nhân uống rượu, ôm lấy nhau trước màn là và tấm bình phong lớn bằng kính, Nguyễn Du miêu tả :

*Chén hà, sánh giọng quỳnh tương
Dải là hương lộn, bình gương
bóng lồng*

Chỗ này Thanh-Tâm Tài-Nhân đặt Kiều ngồi vào lòng Kim Trọng. Nét tả thực của Tàu hơi lộ liễu. Câu thơ Việt tả đúng sự thật, lại được mùi thơm : Hai hình ảnh

« hương lộn » cùng « gương bóng lồng » vẫn gọi được « l'érotique » trong óc tưởng tượng của độc giả.

Về khung-cảnh, tất nhiên là thiên nhiên : mỗi bông hoa, mỗi gốc cây, mỗi giòng nước vẫn là những tấm gương bé nhỏ rải rác khắp nẻo đường để phản ánh tâm tình. Ví dụ : khi tiễn Kim Trọng lên đường về hộ tang, Thúy Kiều đứng tần ngần, như người mất hồn, qua song thừa nàng nhìn ra ngoại cảnh, thấy lấp ló biết bao giông tố sắp đến trong đời mình.

*Trông chừng khói ngất song thừa,
Hoa trôi trác thẩm, liễu xơ-xác
vàng. (1)*

Nếu tình cảm ánh lên cảnh vật, ngược lại cảnh vật cũng gọi cho Kiều, nhiều cảm xúc (vẫn hiện-tượng chiếu đi và chiếu trả lại) : Như tiếng « chim hôm sau xao xác về rừng » gọi tình cố-quốc tha hương ; cảnh thu âm-đạm gọi ấn-tượng hieu-quạnh :

Một trời thu đề riêng ai một trời.

Tài tình nhất là những khung-cảnh hình như lặp đi lặp lại mà thực sự chúng biến sắc tùy theo cảnh ngộ, tâm tư.

Cũng là khung-cảnh « bốn bề », mà ở ngục thất Ngưng-bích thì chỉ là những cát, cồn, bụi rậm :

*Bốn bề bát-ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.*

(1) Theo bản hiệu-định của chúng tôi. Các bản khác in « trời giạt »

Ngược lại, khi Kiều đã được Giác-Duyên rước về ở thảo am, giông-tổ đã qua, hiện-tượng thiên-nhiên lại trở về nhịp đều hòa của thời thanh-bình :

Bồn bề bát ngát *mênh mông*
Triều dâng hôm sớm, mây lồng
trước sau.

Khung-cảnh có lúc kéo dài như một giòng nước chảy và mặt gương của nó phản chiếu từng tâm-trạng của các nhân-vật hay biến chuyển của tích chuyện. Khi nàng Kiều chợt thấy mộ Đạm Tiên bên đường thì giòng nước tiêu khe « nao nao, uốn quanh ». Khi bóng người yêu đi khuất nẻo xa, thì nó băng-khuâng « chảy trong veo dưới cầu ». Khi nàng sắp gieo mình xuống sông Tiền-Đường, thì nó nổi lên như những tảng núi đồi, « ngọn triều non bạc trùng-trùng ». Cũng mặt đại giang ấy sắp sửa tới ngày cấp cứu nàng, thì lại trở lại âu yếm, mát rượi như đôi cánh tay của bà mẹ mở ra đón con :

Một gian nước biếc mây vàng
chia đôi

Cuối cùng nó thu lọt vào lòng nàng Kiều và từ đây nó là giòng tư-tưởng của nàng, một tấm-gương-lòng dưới lớp bụi trần tục. Vịn vào nó đề tự vệ và từ hôn, Kiều đã bác lời Kim-Trọng và của Vân :

Nói càng hồ then trăm chiều
Thì cho ngọn nước thủy triều chảy
xuôi !

Kim-Trọng vội gạt lớp trần cầu ở

trên, *khai quang* cho tấm gương lòng của Kiều, và đôi tình nhân cùng đọc trên mặt tấm-gương-lòng nổi lên hai chữ Hiếu Trinh. Thế là khung cảnh kia đã từ ngoại giới nhập vào tâm khảm Kiều và trở thành một tấm gương tâm-lý sâu và trong vắt.

Khung-cảnh không những đi sâu vào lòng người. Nó cũng có phút vươn lên thành trời rộng và bề lớn, một vũ-trụ hư vô. Kim và Kiều ngợp vào trong và lẫn tẩn như cái vang cái bóng ! Một là « bóng chim » một là « tắm cá » ; kẻ này lênh lênh « góc bể bên trời » kẻ kia « đáy biển mò kim » để tìm nhau :

Người một nơi hỏi một nơi
Mông mênh nào biết bề trời nơi nao

Đọc đến đây độc giả, chúng ta, cũng ngợp theo như bị đi lạc « choáng váng » vào cái vũ - trụ « gương lòng bóng » kia. Khiêm tốn chúng ta nhận thấy ngay cái nhỏ nhoi của kiếp phù-sinh như triết-gia Pascal đã cảm thấy, trong một đêm, ông trầm ngâm trước bầu trời bao la, đầy sao sáng.

Tại sao Truyện-Kiều, cũng như một số các cổ-tích có một sức hút cuốn độc-giả như vậy vào trong thế-giới « vang bóng » của chúng ? Việc phản-chiếu và sức hấp dẫn ấy có thể giải-thích được chăng ? Xin nhường lời cho đại văn-sĩ Borges hiện được phê bình cơ-cấu kính trọng như một thủy-tô. Borges còn sống, người Nam-Mỹ, tuy hai mắt đã mù, ông vẫn thích luận về ánh-sáng và cuộc

đùa rỡn giữa gương và bóng. Trong cuốn « E : quêtes », ông đã viết đại khái : « Tôi đã nhọc lòng không sao giải thích nổi cái « choáng váng » do chuyện cồ gây ra. Sau khi đọc Một-Nghìn-Lẻ-Một-Đêm và so-sánh với nghệ-thuật diễn-xuất các vở kịch Hamlet (Shakespeare), Illusion comique (Corneille) tôi phát giác ra điều này : nghệ-thuật đặc sắc của đạo-diễn thuở xưa đã biết đặt lên sân-khấu một số *bình gương* để biến diễn-viên thành khán-giả và khán-giả biến thành diễn-viên, tất cả hình ảnh đôi bên lộn vào nhau thành một hành-lang dài những kính long lanh qua lại ». Giải thích cách ấy kể ra đã thỏa đáng. Nhưng giả-thủ Borges mang lời giải-thích trên áp dụng vào Truyện Kiều, nhà văn Nam-Mỹ sẽ thấy bên cạnh những « bóng », trong kiệt-tác Việt-Nam còn có những tiếng người và những âm thanh vang dội làm say mê lòng người không kém gì « gương long bóng » nói trên.

Tiếng vang vọng qua lại trong Truyện Kiều

Hãy ngẫm to Truyện Kiều, chúng ta sẽ thấy vang lên những tiếng khi khùng khiếp khi dịu hiền lại và đều có ma lực hấp dẫn. Lại trở về việc so sánh giữa phần I và phần II.

— Nếu ở phần I « cách tường » vang sang những tiếng giết Kiều như tiếng họa vắn của Sở-Khanh thì ở phần II, có những tiếng gọi cứu sống nàng. Ví dụ : « Tạc

Tuyền » ! Giác - Duyên ngồi trong thuyền gọi Thúy Kiều từ cõi chết tỉnh dậy để trở về sống dưới thảo am. Hay tiếng gọi của Kim-Trọng khi trở lại « vườn Thúy » để sửa soạn đi tìm Kiều.

*Đánh liều lên tiếng ngoài tường
Chàng Vương nghe tiếng, vội vàng
chạy ra*

— Nếu ở phần I, cung đàn như « *gió thâm mưa sâu* » như « vò chín khúc », như « *chau đôi mây* » thì ở phần II, hai cung đàn đều khác hẳn : tiếng đàn của Kim-Trọng đã hé tia hy-vọng với « *tiếng Kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ màng* » và bản đàn của Kiều « *xưa sao sâu thâm, nay sao vui vắn* ». Xin lưu ý : số bốn chọi với số hai : $2 \neq 4$.

— Ngoài tiếng đàn ra, cũng cần so-sánh các tiếng *vang dội* của phần I với phần II (bốn tiếng lớn, vẫn bốn chọi với hai : $4 \neq 2$).

Phần I : Hai tiếng vang dội.

Tiếng vang dội thứ nhất tức là đoạn Vương-Quan kể lại cái đời bạc mệnh của Đạm-Tiên như bày ra trước mắt chúng ta cái viễn-ảnh của đời Thúy-Kiều. Lời của Vương đẹp quá, mỗi câu, mỗi tiếng như dội vào tâm hồn Kiều. Và từ đấy, nàng như thuộc lòng lời người em và trên đường lưu lạc đeo nặng trên hai vai cái bóng ma Đạm-Tiên ấy.

Tiếng vang dội thứ hai.— Lời tiên-tri của Đạo-cò Tam-Hợp : vừa tóm tắt vừa phân-tích tâm-lý vừa phê-phán, vừa báo trước hậu vận :

Bốn đoạn văn, bốn tấm gương: bốn tiếng vang dội vào lòng độc-giả và Kim-Trọng. Không những chúng «ôn lại», như «phản ảnh» lại đoạn cuối của phần I, chúng còn phát huy tài sắc, kiên trinh, tình duyên quê hương của nàng Kiều đề thúc đầy tích chuyện dồn dập tiến tới kết thúc. Nói khác đi, Truyện Kiều vừa tự phản ánh mình, vừa tự-cơ-cấu-hóa

lấy bản thân (se structurer). Nhất là ở phần II không cần can thiệp của một biến-cổ từ bên ngoài xen kẽ; nó diễn ra trong tâm-giới như Phan Trần bên ta, và kịch của Racine. Đây là một nét độc đáo của Nguyễn Du trong nghệ-thuật viết truyện.

Thứ so nghệ-thuật ấy với Tây-phương. Từ khi Phê-bình Cơ-cấu phát triển, người ta chia ra ba loại văn trong tiểu-thuyết hay tự thuật:

Loại 1: Văn phản-ảnh trung-thành một biến-cổ lịch-sử, một xã-hội. Ví dụ tiểu-thuyết của Honoré de Balzac phản-ảnh được xã-hội Pháp đầu thế-kỷ 19.

Loại 2: Văn tự phản-ảnh lấy mình, tự sinh-hoạt đề tự đồn mình tiến tới kết-luận không cần đến sự can-thiệp từ bên ngoài. Ví dụ: « Mise à mort » của Aragon (roman-miroir).

Loại thứ 3: Văn không phản ảnh xã-hội, không tự phản ảnh mình. Văn tự đẻ ra văn (engendrer). Ví dụ: hai cuốn « Personnes » của J.L. Baudry và « Nombre » của P. Sollers. Cuốn « Nombres » dẫn trong sách một câu của Lão Tử, có ý nói: ở đây văn như Đạo, từ nó sinh ra 1, ra 2 và vạn vật. Sự can thiệp của con người sẽ làm xáo trộn định luật tự nhiên.

Truyện Kiều thuộc vào loại thứ hai. Không những nó tự phản ảnh nó mà những âm thanh dội đi vọng lại, biến tác phẩm thành một thứ âm thanh 4 chiều (quadrphonique) Bạn hãy đề bốn góc phòng của bạn bốn cái loa đi, hãy mở băng nhạc ra: Từ chiếc máy khuếch đại, bài ca, bản

nhạc sẽ vang vọng lên, hòa âm, đặt lên chiều cao, chiều ngang, chiều dọc để bao vây lấy bạn. Truyện Kiều ngày xưa được kể vào những buổi tối thanh bình, vang từ miệng người kể ra khắp sân, rung rung trên ngọn cây đào, cây tre. Truyện Kiều có tính cách của một âm thanh nổi, một âm thanh nhiều chiều (polyphonique) ngay từ hồi khai sinh. Nay chúng ta đọc thầm, theo đường thẳng, bỏ mất một phần lớn cái khối âm thanh (volume de sons) đi, rất uổng!

Có người hỏi nếu vang và bóng đi lại nhộn nhịp làm náo động cả thế-giới truyện Kiều làm « choáng váng » người đọc, sao truyện ấy vẫn minh bạch các phần lung khởi, phần giữa, kết luận văn mạch lạc như một bài mẫu về nghị-luận triết-học? Trả lời câu hỏi trên là bắt tay vào việc tìm ra cơ-cấu rồi đây! Đề một dịp khác tôi sẽ trình bày cơ cấu của Truyện Kiều. Ở đây xin trả lời qua, kéo phụ lòng tò mò của độc-giả thích Tân phê-bình.

Truyện Kiều được mạch lạc khúc chiết là nhờ một phần ở cái dòng mạch « ý-thức-hệ » chảy ngầm từ đầu chí cuối: tài (1), mệnh (2), tâm (3), theo Hegel thì là Luận-đề (1), phản-đề (2), hợp-đề (3). Tài của Nguyễn Du là dựng cái hợp-đề thành một đạo-đức cơ-cấu (morale structurelle) kiểu tam giác: hiếu-trung-trình. Và tác-giả lại bao trùm trong một hình thức thần thoại, vui nhộn, hợp với mơ ước thời xưa: đoàn viên, hợp cần, sắt cầm, xum xuê « cây củ mọc, sân quế hòe ».

Mạch lạc của Truyện Kiều còn rõ ràng nữa là nhờ ở giọng của người kể chuyện (Le narrateur). Ví dụ : kể về Kim Trọng, giọng rất hài hước, lúc đầu, tựa như người kể chuyện ấy tách mình đi, lùi ra, đề chế diễu Kim Trọng một tên « nòi tình » :

*Cho hay là giống hữu tình
Đố ai gỡ mối tơ manh cho xong.*

Nhưng về sau, người-kể-chuyện thương hại cho Kim-Trọng và hòa đồng với chàng :

Nỗi nàng tai-nạn đã đầy, (tóm các đoạn trên)

Nỗi chàng Kim-Trọng bấy chầy mới thương (mở đoạn tiếp)

Chuyển-tiếp (la transition) thực là mạch lạc. Bình-dân nghe rất dễ hiểu, dễ nhớ : thi-ca là đề nói với tai (không phải với mắt như ngày nay). Hơn nữa, ở phần I, tác giả Nguyễn-Du hay tung ra một cách buông trôi vài từ-ngữ nhưng về sau bất ngờ hoặc lặp lại hoặc đối chọi lại (Lối hô và ứng thời Nho-học) một cách tài tình.

— Nếu ở phần đầu có « còn về còn nhớ đến người hôm nay » thì ở phần cuối : « *Này chàng Kim đó là người ngày xưa* »

— Nếu phần đầu mở ra bằng : « *Mai sau dù có bao giờ, đốt lò hương ấy xe tơ phím này* » thì phần sau khép lại bằng :

*« Những khi vắng vẻ thư phòng
Đốt lò hương dờ phím đồng ngày xưa »*

— Nếu phần trên, Kiều than với Vân :

Bây giờ gương vỡ người tan (1)

thì khi mở tiệc đoàn viên, Vân nhắc lại với chị :

Bây giờ gương vỡ lại lành

Trực-giác bình dân và phê-bình cơ-cấu

Quả nghe như nghe stéréo hay quadruphonique ngày nay. Cảm động, vui buồn trong tai trong lòng mà trí-tuệ vẫn thấy giầy mạch-lạc chạy rõ-ràng như sợi chỉ hồng. Do đó, khi truyện Kiều ra đời, nhờ khiếu thẩm-mỹ nhạy, nhờ trực giác nghệ-thuật minh-mẫn, giới bình-dân nhận ngay đây là nhạc lòng (cảm-tâm) của họ, là tấm gương-thiên soi hậu-vận của họ. Bình thời họ nghe-ngao vài câu đề vui miệng, khoái tai, ru hồn. Gặp lúc hữu-sự, họ đặt Truyện-Kiều lên ngang trán « *lầm rầm* khăn vái » đề bói một quẻ. Bói Kiều là một tập quán rất Việt-Nam, không có ở Trung-Hoa, tuy xứ sau này là quê hương của Thúy Kiều.

Đề tìm ra một cái gì đặc-sắc trong Truyện Kiều (xem lại phần đầu) động-tác-thứ-nhất của Phê-bình cơ-cấu là sử dụng trực giác. Ở đây tôi bắt đầu khai thác cái trực-giác minh mẫn của bình dân đã sớm biết thưởng thức và nhận Đoạn Trường Tân-Thanh như cái vang bóng của lòng họ như tấm gương phản ánh cuộc đời họ

(1) Theo bản hiệu-định của Bùi hữu Sứ g và Vũ văn Kính. Các bản khác in : bình tan.

đang sống. Phương-pháp cơ-cấu có tham-vọng trở thành một khoa-học mà khoa-học là gì ? Nếu không phải là việc mang một phương-pháp và một luân-lý nghiên-cứu về những điều do trực-giác đã phát-hiện trước. Người ta đã nói : khoa-học là sự tiếp-nối và kéo-dài trực-giác. Vậy nếu đã có Cơ-cấu Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Phần-

lan v.v..., tại sao lại không thể xây dựng trong tương lai một Phê-bình Cơ-cấu Việt-Nam, căn-cứ vào trực-giác Việt-Nam và các tác phẩm Việt-Nam ?

(Trích ở cuốn « Bóng Vang và Cơ Cấu trong Truyện Kiều »)

BÙI HỮU SÙNG



Bạn đọc hãy tìm mua ngay:

NHỮNG TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG TRONG LÚA TUỔI HỌC TRÒ

Bác sĩ ĐỖ-HỒNG-NGỌC viết cho các em về:

Cận thị — Viễn thị — Loạn thị — Sưng má ông địa
— Nhức đầu — Mụn — Lang en — Bón — Trĩ — Thủ
dâm — Kinh nguyệt — Mệt mỏi — Nghi ngại — Giấc
ngủ — Bệnh mau quên — Bệnh biếng học — Đi «khám»
bác sĩ v.v...

Một cuốn sách thật cần cho các em muốn sự học
của mình tiến bộ.

LA NGÀ xuất bản... 270 trang... giá 300đ.

- *Tập thơ tái bản lần III của Hoài-Khanh*

THÂN PHẬN

In toàn giấy tốt. Ca-Dao xuất bản. Giá 350đ.

- CHOPIN, nhà thơ của Âm-nhạc
của GUY DE POURTALÈS, VŨ ĐÌNH LƯU dịch

- ĐƯỜNG THI

của Trường Xuân PHẠM LIỄU

Bốn cuốn sách trên do

LÁ BỐI TỔNG PHÁT HÀNH

đến tại LÁ BỐI mua sách được trừ hoa hồng.

Hai nàng Thúy Kiều

Xã-hội vua quan thích sự khoa-đại, phô trương, do đó văn chương phong kiến cũng nhiều ảo tưởng hơn là sự thực. Những người như Kiều được gọi là hạng cô gái ngàn vàng, *thiên kim tiêu thụ*, mà trên thị trường lại được bán ra bằng giá rẻ mạt. Cứ theo *Kim-Vân-Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Tử thì Mã Giám Sinh mua Kiều chỉ với 450 lạng bạc⁽¹⁾. Mà đâu có phải chừa tiền một cách sòng phẳng, dễ dàng! Sau khi quan sát nàng cẩn thận, sau khi đã cầm tay vén tóc khám nghiệm về phần thể chất, đến khảo hạch nàng về mặt khả năng, nào là đạo đàn, làm thơ, gả mới cò kè bớt một thêm hai và chỉ chịu mua bằng cái giá đó.

Thế mà đến lúc họ Mã đưa tiền, *“may mà nàng Kiều cũng đã cẩn thận đếm lại tức thì, thấy thiếu hẳn đi năm lạng. Nhắc đi nhắc lại mấy lần, Giám Sinh mới chịu bù vào đủ số”*.

Sau này, Thúc Sinh gặp nàng, mẹ nàng, và tuy không làm một cuộc khám nghiệm trắng trợn như tên họ Mã, nhưng cũng đã thấy nàng sau khi tắm, *“phấn son trôi hết, để lại hình thái thiên nhiên, càng lộ ra vẻ hiếm có trên đời”* mới có dịp chịu mua nàng. Lần này, giá trị của nàng có tăng thêm 50 lạng, nghĩa là đủ số 500. Con số 500 là số lý tưởng mà Kiều đã mong đạt tới, từ khi nàng còn tuyết sạch giá trong.

Từ đó, ở trên thị trường, giá trị của Kiều cứ việc tuột dài. Không kể

Bạc Hãn cưới nàng với giá có 20 lạng — bởi vì lúc đó nàng ở trên chùa, và Sư Giác Duyên đang muốn tống xuất nàng đi cho khỏi liên lụy — thì tên họ Bạc đem nàng bán cho lâu xanh ở tại Châu Thai chỉ với 240 lạng thôi. Tám chín năm trời luân lạc, giá món hàng Kiều coi như mất đi năm chục phần trăm. Đúng một năm sau, Từ Hải gặp nàng, yêu nàng, lại mua nàng về. Và họ Từ chỉ xuất vốn có 200 lạng.

Từ giá cao nhất 500 lạng bạc xuống còn có 200 lạng, Thúy Kiều vẫn còn có giá đề mà luân chuyển giữa đời. Phải đợi đến lúc gã Hồ Tôn Hiến đem nàng cho không một tên tù trưởng thì nàng mới thực tuyệt vọng mà nhảy xuống sông Tiền Đường.

Nếu cứ xét người theo cái quan điểm bạc tiền thì nàng Kiều của Thanh Tâm Tài Tử trị giá có bấy nhiêu thôi. Nhưng khi thì hào Nguyễn Du của chúng ta đẩy dựng nàng sống lại ở trong ngôi nhà diêm lệ Đoạn Trường Tân Thanh thì giá trị nàng được đổi khác nhiều. Bây giờ nàng không tính bằng giá bạc mà được tính theo giá vàng :

Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm !

(1) Kim Van Kiều — Thanh Tâm Tài Tử — Bản dịch của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm — Nha V.H. xuất bản. Tất cả các câu in nghiêng trong bài đều được trích dẫn theo bản dịch này.

Hắn rằng về sau, qua bao nhiêu lần đòi chác, giá mạng của Kiều có giảm suy đi, nhưng tuyệt nhiên Nguyễn Tố Như không đề cập đến một cách cụ thể. Khi Thúc Sinh chuộc lại nàng, tác giả chỉ dùng mấy tiếng « của dân, tay trao », khi họ Bạc đem bán nàng, tác giả chỉ viết « mỗi hàng một đã ra mười » và khi Từ Hải chuộc nàng, « tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn ». Kể ra mấy tiếng « nguyên ngân » cũng cho biết được chừng nào sự sụt giá đó của mỗi hàng Kiều, nhưng rõ ràng tác giả không muốn ta dừng lại ở những chi tiết vô bổ chỉ làm tổn thương tấm lòng ta mến mộ nàng. Cái dụng ý đó đã được bày tỏ qua cái tiếng ngoài mơ hồ ở trong vàng ngoài bốn trăm, bởi sự chính xác ở đây thật là lạc điệu. Nói chung bút pháp của Nguyễn Tố Như không giống bút pháp Thanh Tâm Tài Tử, bởi từ bao nhiêu sự việc rõ ràng, lộn cộn của nhà tiểu thuyết Trung Hoa, Nguyễn Du đã gạn lọc lấy tinh anh để làm một áng thơ dài. Thanh Tâm Tài Tử có vẻ chú trọng sự thực và nhiều khi ông chú trọng một cách buồn cười. Khi kể sự việc sai nha tra tấn Vương Ông, tác giả viết rằng : « Vương Ông cũng bị treo ngược lên trời, mặt úp xuống đất, trên lưng bị chặn một tảng đá to, sức đè ép nặng ấy làm cho 360 ngỗ xương kêu lên răng rắc, mồ hôi tự trong 8400 chân lông chảy ra như tắm... » Khi cho Tú Bà khuyên Kiều rước khách, ông đã dành khá nhiều trang mượn lời mụ Tú giảng giải bao nhiêu kỹ thuật làm ăn của gái

lầu xanh, kể từ vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề cho đến những món tiêu xảo dùng để phô trương vẻ đẹp ở trên thân thể. Nói đến hình phạt đối với những kẻ xử tệ với Kiều, Thanh Tâm Tài Tử chịu khó mô tả biện pháp đối với từng người, từ mụ Tú Bà bị quấn thành cây sáo lớn, phía dưới chỉ lộ cái đầu và cho châm lửa vào chân gọi là « đốt sáo », đến gã Sở Khanh bị tầm đầu thông và keo vò gai quấn thành một thỏi sắt nguội, đến khi tuột lớp vỏ gai thì còn trơ lại cục máu đỏ lôm. Thế mà thấy gã vẫn còn thoi thóp, lại đem nước vôi tưới vào... Nói chung nơi nào Thanh Tâm Tài Tử giải bày một cách chi ly thì Nguyễn Tố Như bằng lòng với sự giản lược, một sự giản lược đã được giảm thiểu đến độ tốt cùng. Vì thế, những cái âm mưu cặn kẽ trong sách Thanh Tâm Tài tử, âm mưu của thằng bán tơ vu oan cho Vương Viên Ngoại, âm mưu Thúc Sinh đem Kiều giấu biệt một nơi để ép Tú Bà mà chuộc lại Kiều, âm mưu Hoạn Thư đánh ghen lập kế bắt nàng, âm mưu thuyết nàng của Hồ Tôn Hiến dụng tâm tiêu diệt họ Từ v.v... tất cả đều được thi hào chúng ta kể lại trong một đôi câu văn tắt hay trong ít tiếng mà thôi.

Sự gạn lọc ấy của Nguyễn Tố Như cho thấy dấu hiệu đầu tiên của một thiên tài. Tố Như không bị động trước sự việc, và trên cơ sở tác phẩm của nhà tiểu thuyết Thanh Tâm Tài Tử, ông đã quan niệm trở lại nhân vật của mình, tác phẩm của mình, và

rõ ràng hơn, ông đã sáng tạo một Thúy Kiều khác, một nàng Thúy Kiều thực sự nhất trí, đẹp đẽ hơn nhiều, quý giá hơn nhiều.

Sự quý giá ấy không phải chỉ được nhìn thấy ở điểm tác giả đã đổi giá tiền mua Kiều bằng bạc ra vàng. Đề chính thức hóa cái giá trị ấy, Tố Như đã sửa đổi nhiều nhân cách của nàng. Kiều của Thanh Tâm Tài Tử lần đầu gặp được Kim Trọng ở bên tường nhà hàng xóm, thấy chàng *« nghèn đầu lên nhìn thì thoáng một cái đã nép ngay vào một bên không cho chàng nhìn rõ mặt »* và khi Kim Trọng xoi được lỗ rào, lách qua được bên vườn nàng, ôm choàng lấy nàng thì nàng cự lại: *« Sao chàng lại giở cái thói điên cuồng như vậy? »*, thế mà sau đó vài giờ đã *« khóc nức nở nằm ngả vào giữa lòng chàng »*. Kiều của Nguyễn Du không có thay đổi số sàng như vậy. Đa cảm, nồng nàn nhưng vẫn đoan chính, nghiêm cần, hai đặc tính ấy dung hòa nhất trí một cách sống động trong nàng để tạo nên một nhân cách đáng yêu.

Trong truyện Trung Hoa, anh chàng họ Sở bắc thang leo vào nhà Kiều, mới bàn đến cái dự định cứu nàng đã vội một hai đôi Kiều phải *« tạ ơn trước »*. Thế rồi, đối đáp vài câu, cả hai đã vội dắt nhau lên giường. Đáng rằng nàng Kiều đã ngủ với Mã Giám Sinh nhiều lượt thì nàng ngủ với Sở Khanh một lần cũng chẳng có sao. Nhưng Nguyễn Du của chúng ta đã không cho Kiều tạ ơn một cách nhiệt thành như thế

để cái ý niệm về nhân cách Kiều không bị ấn tượng tà dâm làm xấu xa đi. Và chẳng những không cho ngủ, Nguyễn Du cũng không cho tên họ Sở đánh Kiều. Trong sách Thanh Tâm Tài Tử, Sở Khanh muốn che đây cái dã tâm lường gạt của mình đã tìm đến Kiều chửi mắng rồi sẵn đến trước mặt nàng *« xắn tay đánh một cái tát khiến nàng bị ngã quay lơ xuống đất »*.

Nguyễn Du đã không để Kiều bị sự xúc phạm như thế. Thi hào có một quan niệm khác hẳn về nhân cách Kiều. Trong khi Thanh Tâm Tài Tử cho nàng bắt mẹ Hoạn Thư, gọi là Kế Thị, ra nọc để đánh đủ 30 roi đặng mà trả đũa trận đòn ngày trước rồi sau vì bà Quản Gia xin tha, nàng mới nể lời cho đưa Kế Thị ra ngoài dinh trại nhưng mục đã quá kiệt sức, khiếp đảm mà chết, thì Nguyễn Tố Như cố tình bỏ qua, không nhắc đến nhân vật này. Trong khi Thanh Tâm Tài Tử cho Kiều trả đũa Hoạn Thư, để bọn cung nữ *« túm tóc Hoạn Thư, lôi ra, lột hết áo quần, chỉ để cho một cái khố, tóc bị buộc lên xà nhà, hai tên cung nữ mỗi tên túm lấy một tay để lôi giăng ra, hai tên thì cầm roi ngựa đứng trước và sau, một tên từ trên đánh xuống, một tên từ dưới đánh lên, đánh như con đĩa bỏ trong thùng vôi, con lươn trong vạc nước nóng, luôn luôn giãy giữa kêu trời, toàn thân chẳng còn một miếng da nào lành lặn »* thì Nguyễn Tố Như cho Kiều hạch tội Hoạn Thư và sau khi nghe ả Hoạn trả lời đầy đủ, *« truyền quân lệnh xuống, trưởng tiền tha ngay »*. Nàng Kiều của

Nguyễn Tố Như không phải là một con người có những hận thù nhỏ mọn. Nàng biết uất hận như mọi con người đau khổ bị nhiều chà đạp nhưng nàng cũng biết khoan dung như kẻ rộng lượng xét thấu những điều khuất khúc nơi kẻ tội đồ. Lòng khoan dung ấy, nơi Kiều, lại là sắc thái tiêu biểu của dân tộc Việt.

Tuy vậy, không phải Nguyễn Du chỉ biết có mỗi một việc đỡ đòn cho Kiều. Trái lại, thi hào đã bắt nàng phải chịu một trận đòn ác liệt ở trước cửa quan tri phủ Lâm Tri khi quan bảo nàng chọn lấy một trong hai điều: tra tấn hay là trở lại lầu xanh. Kiều đã chịu đánh đòn xóc nhận thêm ý chí muốn sống cuộc đời trong sạch của mình, và cái trận đòn « ba cây chụm lại một cành mầu đơn » đã khiến « đào hoen quện má, liễu tan tác mày » không hề xảy đến cho Thúy Kiều của Thanh Tâm Tài Tử. Nhưng chính như thế, Tố Như đã làm cho bọn quan lại càng xấu xa hơn và nàng Thúy Kiều đẹp đẽ hơn.

Nàng Kiều của Nguyễn Tố Như càng đẹp đẽ hơn khi nàng đã dám ngang nhiên bệnh vực Từ Hải trước mặt gã Hồ Tôn Hiến. Trong khi Kiều của Thanh Tâm Tài Tử cam chịu phận mình thì nàng Kiều của Nguyễn Du dám nói đến cái khí thế anh hùng của Từ, đề cao sự nghiệp của Từ đề mà gián tiếp tố cáo thú đoạn hèn hạ của viên Tổng Đốc Đại Thần. Trong sự chí tình của nàng, chúng ta nhìn thấy tấm lòng khẳng khái của kẻ dám nói sự thực, và đó

phải chăng cũng là một cái sắc thái tốt đẹp ở trong truyền thống của giống nòi ta ?

Nguyễn Du đã lưu ý mọi chi tiết đề mà đề cao vai trò của mình. Viên tướng — và chỉ một viên — của chàng Từ Hải ở trong Thanh Tâm Tài Tử được sai phái đến đón Kiều, đã viện cớ mặc áo giáp mà không quì lạy trước nàng, thì ở Nguyễn Du số tướng lĩnh ấy đã được nhân lên mười vị, và đã sẵn sàng « đặt gươm, côi giáp, trước sân khấu đầu ».

Kiều của Nguyễn Du đáng được hưởng niềm tôn kính như thế. Và đề cho xứng với nàng, những kẻ liên hệ cũng được nâng cao, cũng được sửa đổi cho hoàn thiện hơn. Từ Hải ở trong tác phẩm Thanh Tâm Tài Tử phải mất ba năm mới gây sự nghiệp, họ Từ của Nguyễn Tố Như chỉ cần một năm đã thu về được mười vạn tinh binh. Từ Hải ở trong tiểu thuyết Trung Hoa được Kiều coi như là viên tù trưởng, nhưng với Nguyễn Du, Từ Hải là đấng anh hào, một kẻ chọc trời khuấy nước. Chàng Kim ở trong sách truyện Trung - Hoa lúc nào cũng chực ôm chầm người đẹp, và tái ngộ được Thúy Kiều, sau khi ép uồng nàng vào động phòng đã vội lấy cây đèn bạc soi kỹ mặt nàng, « thấy nàng vẫn còn cặp mắt sa lông lánh, má hồng vẫn đỏ hây hây » thì chàng « khẽ tay nới rộng đai lụa, cởi hộ áo là, đỡ nàng vô màn uyên ương, bàn tay xoa xát tới chỗ tình nồng... »

Chàng Kim của Nguyễn Tố Như tuy vào loại đại-đa-tình nhưng không

đến nỗi « háu ăn » như thế. Khác xa với loại chàng Kim chỉ chực ôm chầm và chuyên môn nghề xoa xát, chàng Kim của Nguyễn Tố Như đã nói lên được những lời chí tình :

Bấy lâu đây bề mớ kim

Là nhiều vàng đá, phải tìm trắng hoa ?

Ai ngờ lại hợp một nhà,

Lọ là chẵn gối, mới ra sắc cầm !

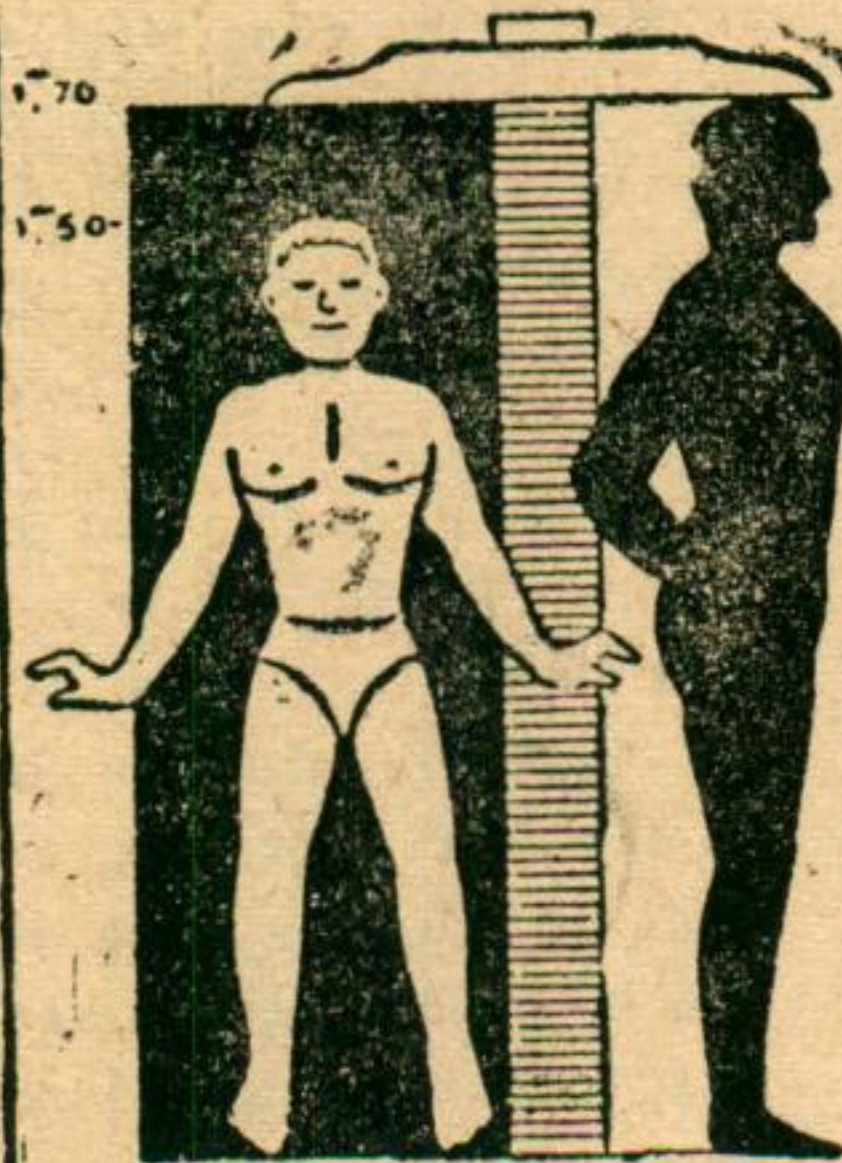
Trong khi xây dựng trở lại một nàng Thúy Kiều có tình có nghĩa, có

những bản sắc tinh thần hợp với truyền thống tốt đẹp của giống nòi mình, để cho nhân vật được hòa lẫn vào sinh hoạt dân tộc qua nhiều thế hệ, Nguyễn Du cũng đã dùng ngọn lửa thần là thi ca mình làm cho bao nhiêu nhân vật lỗi lạc, quái đản ở trong Thanh Tâm Tài Tử được hiện nguyên hình với những tốt xấu gần gũi với người, nói một cách khác, được sống động hơn và tiêu biểu hơn.

VŨ HẠNH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

Khách viễn phương, người là ai?

Viễn phương là miền đất nào, thực không ai biết. Tên khách, cũng chẳng ai nghe. Tuổi chàng, cũng chưa ai rõ. Chàng chỉ xuất hiện có mỗi một lần ở trong tác phẩm, qua lời nhắc nhở của cậu Vương Quan, mà đã lưu lại một hình ảnh đậm nơi lòng người đọc.

Chàng là kẻ sĩ đấy chăng? Kẻ sĩ là người có học, thành đạt thì ra làm quan, giúp nước cứu dân làm nên nghiệp lớn, thất bại thì về ẩn dật, đem lời thanh nghị mà giữ cương thường. Nhưng chàng hầu như không có một trách nhiệm nào với người thiên hạ, ngoài cái lòng thương mệnh mông với gái giang hồ. Và chàng hầu như không bị trói buộc bởi danh vị nào, câu thúc bởi kỷ luật nào, có thể thàng ngày thong dong một chiếc thuyền tình, lặn lội đến từ muôn dặm để tìm người đẹp.

Chàng là nông dân đấy chăng? Không ai có thể làm như vậy được. Là công nhân chăng? Thật là hoang đường. Cuộc sống phiêu bồng theo với gió đưa, nước mắt tuôn dầm vì nỗi thương hoa tiếc ngọc, đâu phải là ngón sở trường của kẻ chân tay vất vả thàng ngày, đem giọt mồ hôi đổi lấy manh áo miếng cơm?

Thế chàng phải chăng là một thương nhân? Nhưng bọn cò-kẻ bót một thêm hai đâu có thể chung một

loại với chàng? Và cái tình thần thủ lợi đâu có dồi dào giọt lệ khóc người mệnh bạc?

Không được sắp xếp vào trong tứ dân, vậy chàng thuộc loại hạng nào?

Mảnh áo thướt the của kẻ nhàn du tìm về người đẹp xui ta nghĩ đến một chàng Kim Trọng hào hoa. Ai bảo trong người của khách viễn phương chẳng có được mấy phần trăm kẻ sĩ? Tấm lòng rộng mở sẵn sàng nấp tử xe châu của gã tình nhân chậm trễ khiến ta nhớ lại một chàng họ Thúc cuồng si. Ai bảo trong tâm hồn khách chẳng có ít nhiều một gã phú thương quen thói bốc trời?

Nếu chàng cũng mạch thư hương thì cái mạch ấy từ lâu đã chảy xa nguồn suối chính đề mà lạc loài trong những ngõ ngách tuyết mù. Ở trong truyện Kiều quả không thiếu những con người loại ấy. Tên Mã Giám Sinh, trước khi chung vốn với mụ Tú Bà mở một ngôi hàng bán phần buôn son, cũng là kẻ sĩ. Cho đến tên Sở Khanh kia, có thể đột ngột trút bỏ cái lớp khăn áo dịu dàng dùng để gạt gẫm đàn bà lương thiện mà khoác vội vào đáng điệu của tên du đảng hành hung, cũng lại là kẻ sĩ nữa. Kẻ sĩ ở trong truyện Kiều là như vậy đó. Thành đạt như Hồ Tôn Hiến thì cũng bị lừa để chiếm ngôi cao, chà

đạp lên cái lẽ chót của đạo làm người để mà thủ lợi. Bình thường như chàng Kim Trọng thì cũng mượn điều du học hỏi thuê, kiếm nhà đợi gái, lang thang gần trọn nửa đời đi tìm người đẹp. Nói chi đến bọn thất bại khoa trường, quay về tìm ăn theo lối ma cô !

Cái trách nhiệm lớn hay trách nhiệm nhỏ vì dân vì nước, kẻ sĩ ở trong truyện Kiều đâu có nói đến bao giờ ? E rằng nhắc đến bao nhiêu điều đó chỉ khiến cho họ bối ngỡ, sợ sùng. Họ đã rời xa triều đại, bỏ mặc thánh hiền, không phải chạy theo đuổi bắt con tâm để mà tìm về chính đạo, nhưng chạy đuổi theo tiếng lòng réo rắt đâu đây. Tiếng lòng muôn điệu, đòi hỏi quá nhiều chu cấp, đâu có thể dùng cơm lạt nước khe ưu đãi bạn tình ? Thế tất phải có sơn phần, ngựa xe, lụa thắm đêm vui, tiếng đàn ngày hạ, thế tất phải có rượu nồng, dè béo, cuộc vui cho đến canh tàn, trận cười cho phai bóng nguyệt. Làm sao tìm đủ những phương tiện ấy để cung ứng kịp cho một cuộc sống suy đồi nuôi dưỡng bằng những bạc nén vàng ròng ? Con đường bán buôn rộng mở, phú thương thuyền bến dập dề. Triều đại nhà Minh chẳng phải là một vương triều thương nghiệp phồn vinh rực rỡ đó sao ?

Kẻ sĩ thất bại, cất nghiêng gác bút, một sớm chạy theo săn đuổi đồng tiền. Từ hạng đứng đầu tứ dân, kẻ sĩ tự nguyện chui vào hàng ngũ những kẻ cuối cùng. Thương nhân không

còn coi như là lớp đa trá gian manh, nhưng đó là phương tiện tốt, là con đường xuôi cho những kẻ sĩ có thể sống theo đòi hỏi của lòng. Những chiếc thuyền tình cũng là những chiếc thuyền buôn, những bờ bến lớn có nhà hành viện dập dề kỹ nữ cũng là những nơi trả giá trao hàng xen lẫn ngâm phong vịnh nguyệt. Không có những chiếc thuyền buôn đông ruồi, mỗi tình ngàn dặm xa xôi để gì đuổi bắt ? Không có những nguồn lợi tức trung gian, để gì trăm nghìn đồ một trận cười như không, để gì sấm sanh nếp tử xe châu chôn cất cho người bạc mệnh sau chuyến đường xa diệu vợi ?

Những lớp thương nhân khá mới mẻ này cũng có ít nhiều cốt cách khác xa với lớp con buôn kiều cũ. Lớp con buôn xưa hẳn không phải là những kẻ xuất thân từ nơi cửa Không sân Trình, mang nặng mặc cảm của một lớp người ti tiện đứng vào bậc chót tứ dân, chưa hề được dịp thăng ngày sách vở cận kề để biết trọng tài mẫn sắc. Những thương nhân mới mẻ này đã làm hòa hợp hai loại con người tưởng khó dung nhau, con người vụ lợi so đo tính toán từng đồng theo cái tinh thần thực tế hoàn toàn thiên cận với cái con người nghệ sĩ hào hoa, lãng mạn, ưu du. Trong những món hàng mà họ mang theo của những chuyến buôn dằng dặc, lại có quả tim, quyền sách, cây đàn. Giữa những tiếng dài mặc cả của một ngôn từ tráo trở giao thương hẳn có những lời hoa mỹ phát sinh từ

nguồn cảm tình chan chứa. Con buôn sắt đá và người nho sĩ yếu mềm, cuộc hôn phối này chỉ là nhượng bộ tạm thời của một biến chuyển sâu xa và thâm thương hơn sẽ đến về sau cho cả loài người.

Xã hội đời Minh có sẵn đất tốt cho những con người như khách viễn phương này nở. Xã hội đời Nguyễn với những thương thuyền tập nập, Kinh Kỳ, Phố Hiến, Cửa Hội, Sài Côn... đã tạo điều kiện cho khách đi lại dập dìu. Và bi kịch của truyện Kiều lại là bi kịch do lớp kẻ sĩ sa-đọa và bọn con buôn vô lương chung làm đạo diễn, trong đó những con nhà lành đã bị khai thác mỗi mòn. Duyên nợ Tú Bà với Mã Giám Sinh, cô ả Hoạn Thư với chàng họ Thúc, phải chăng đã biểu thị được một sự cấu kết dị thường?

Khi người nho sĩ viễn phương cất lên tiếng khóc thì gã con buôn viễn phương hẳn đang nằm tại bến thuyền. Tiếng khóc ấy thật lạ lùng, vang lên giữa cái bốn bề tịch mịch như một tổ cáo lâm-ly. Tổ cáo gì đây? Bên trong, phòng lặng như tờ, bên ngoài dầu cũ ngựa xe xanh mờ rêu phủ, phải chăng đó là hình ảnh tượng trưng cho sự tàn tạ, cho điều lãng quên? Mỗi ngày nào đây, yển anh ngoài cửa xôn xao mà nay bốn bề vắng lặng, cảnh tượng phản kia chỉ làm nổi bật tính cách chóng quên của những tình người. Thế mà tiếng khóc cất lên, ai oán chừng nào. Tiếng khóc xóa tan quên lãng hay làm lãng quên càng đậm đà hơn?

Thật ra chỉ có tấm lòng của khách viễn phương mới làm xúc động Thúy Kiều. Cuộc đời một kẻ bạc mệnh như là Đạm Tiên chỉ là sự việc phổ biến, tầm thường, giữa cái xã hội quyền thế cùng với đồng tiền ngự trị. Tiếng khóc của Kiều cũng như của người khách ấy đã làm tôn trưởng quá nhiều cho cái giá trị người nằm dưới mộ, và Kiều đã khóc sau khi cậu bé Vương Quan dừng lời, là để phụ họa tiếng khóc của khách viễn phương từ thuở nào kia. Vì chính đời nàng, truân chuyên nhiều nhất là do cuộc gặp gỡ nào nung với khách viễn phương họ Thúc sau này.

Người khách viễn phương có thể quê ở Bắc-Kinh như là Kim Trọng hay chăng? Hoặc chàng cũng vốn người miền Vô Tích như chàng họ Thúc? Và hiệu của chàng có thể là Kim Thiên Lý, và tên của chàng có thể là Thúc Kỳ Tâm. Họ hàng của chàng có thể kể từ tên huyện Lôi Châu trị dân bằng cách tổng tiền đến Hồ Tôn Hiến lường gạt để tìm danh vọng, có thể đếm từ họ Sở làm thơ lừa gái đến tên giám sinh họ Mã bán thịt buôn người.

Ấy thế, dù khách không tên mà vẫn có tên, không tuổi mà vẫn có tuổi, không nơi xuất xứ mà vẫn có một quê hương. Khách mang màu sắc điển hình cho một lớp người đã xuống dốc rồi, lớp người vứt bỏ kinh sách chạy theo nhan sắc, dẹp bỏ đạo lý chạy theo đồng tiền, mỗi ngày mỗi bỏ thánh hiền lại phía sau xa, mỗi ngày mỗi quên vai trò rường cột chống đỡ mái nhà triều đại. Kẻ sĩ sa đọa phải chăng là điểm báo nguy cho chế-độ mình? Bởi vậy, bốn phương phẳng lặng mà nghe đã dậy xôn xao, hai kinh vững vàng mà tưởng đang chiều gãy đổ.

Tiếng đàn của Kiều

Bài nói chuyện của tác giả nhân dịp lễ kỷ niệm húy nhật thứ 152 của thi hào Nguyễn Du, do Đoàn Văn nghệ Thanh niên Sinh viên Học sinh Tiên Rồng tổ chức tại Trung tâm Sinh-hoạt Thanh-niên, số 4 Duy Tân Saigon ngày 17-9-72.

Từ đầu đến cuối truyện Kiều, Kiều gảy đàn cả thầy năm lần.

Có người giải thích trong tiếng đàn thứ nhất Kiều gảy cho Kim Trọng nghe bao hàm cả ý nghĩa cuốn truyện.

*Khúc dàu Hán Sở chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.*

tượng trưng cho thuyết tài mệnh tương đố :

*Khúc dàu Tư-Mã Phụng-cầu,
Nghe ra như oán như sầu phải chăng.*

báo hiệu trước cuộc tình duyên trắc trở đề sầu hận trong lòng hai người.

*Kê Khang này khúc Quảng Lăng
Một rằng Lưu Thủy hai rằng Hành Vân.*

báo hiệu cuộc đời phiêu bạt như mây trôi nước chảy.

*Quá Quan này khúc Chiêu Quân,
Nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia.*

nói lên sự nhục nhã Kiều sẽ phải chịu đựng khi bị Hồ Tôn Hiến gả cho thờ quan như Vương Tường bị ép gả cho rợ Hồ.

Cách giải thích nghe ra cũng hợp lý tuy vẫn đượm vẻ khiên cưỡng,

và tuy chúng ta cũng thừa biết nghệ thuật vốn đã chủ quan, mỗi lần được giải thích lại qua một lần chủ quan nữa.

Song le Đông Tây cò kim đều vẫn cùng quan niệm :

— Với tiếng đàn mà người ta có thể giao cảm được với thần linh (truyện Lộng Ngọc, Tiêu Lang ; truyện Sư Diên, Sư Khoáng, Sư Quyên ; truyện chàng Orphée với nàng Euridyce...) thì nghe tiếng đàn đoán trước được đường đi của số mệnh đâu có gì là quá đáng !

— Với tiếng đàn người có thể giao cảm với người (truyện Trụ Vương nghe tiếng đàn của Bá-Ấp-Khảo mà biết Bá-Ấp-Khảo là tôi trung, bỏ lời sàm tấu của Đát Kỷ ; truyện Bá Nha, Tử Kỳ ; truyện tiếng đàn của Thạch Sanh ; truyện tiếng địch Trương Lương...) thì nghe tiếng đàn có thể biết tâm sự của người gảy đàn cũng là điều hợp lý :

Vận đàn mấy tiếng dạo qua

Khúc tuy chưa trọn tình đà thoảng hay.

(Tỳ bà hành)

Có lẽ chính vì vậy, chính vì hiểu rằng mỗi người khác đánh đàn là bảo người ta mở cửa ngõ tâm hồn cho mình vào, nên Kim Trọng đã rất dè dặt khi ngộ ý đó với Kiều :

Chày sương chưa nện cầu Lam.

Sợ lẫn khôn quá ra sò m sớ chẳng.

Và khi được Kiều đáp :

Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,

Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.

Lúc đó Kim Trọng mới dám nói thực ý định bằng những lời thật trang trọng :

Rằng nghe nổi tiếng cầm đài

Nước non luống những lắng tai

Chung Kỳ.

cùng với cử chỉ trang trọng không kém :

Hiên sau treo sẵn cầm trăng

Vội vàng sinh đã tay nâng ngang mày.

Sau đó Kim Trọng đã phải thốt ra lời phê bình :

Rằng : « hay thì thật là hay,

Nghe ra ngậm đắng, nuốt cay thế nào !

So chi những bạc tiêu tao,

Dột lòng mình cũng nao nao lòng người ».

Và Kiều đã trả lời :

Rằng « quen mất nét đi rồi,

Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao !

Lời vàng vang linh ý cao,

Họa dần dần bớt chút nào được không ».

Lần thứ hai Kiều gảy đàn vào buổi đêm kia khi đã lĩnh chức Hoa-nô ở nhà ở Hoạn. Tiếng đàn như nhắc nhở lại tiếng đàn đầu tiên báo hiệu kiếp đoạn trường mà nàng đề thực sự bị cuốn vào trong.

Và Hoạn Thư sau khi nghe đàn

cũng đã tỏ lòng liên tài :

Tiểu thư xem cũng thương tài,

Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân

Rồi đến khi hầu rượu Thúc lang, Hoạn thư ác nghiệt làm cho ra vẻ con ở chủ nhà khác nhau, lại bắt Kiều dờ đến nghề chơi mọi ngày.

Kịp đến khi Từ Hải bị lừa và chết, Hồ Tôn Hiến mở tiệc mừng thắng trận bắt nàng thị yến dưới màn, đó là tiếng đàn thứ tư của Kiều :

Một cung gió thảm mưa sầu,

Bốn giây nhỏ máu năm đầu ngón tay.

Ve kêu vượn hót nào tay.

Lọt tai Hồ cũng nhận mây rơi châu.

« Tiếng khoan như gió thoảng ngoài, tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa » của khúc đàn thứ nhất nay đã thành « gió thảm mưa sầu ». Vết thương lòng của Kiều đi đôi với vết thương có thật : năm đầu ngón tay nhỏ máu. Tiếng đàn thê lương ảo não đến như vậy thì « ve kêu vượn hót nào tay » thật. Tất cả đã được Kiều giải thích :

Thưa rằng : « Bạc Mệnh khúc này,

Phổ vào đàn ấy nhưng ngày còn thơ.

Cung đàn lựa những ngày xưa,

Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây ».

Và sau cùng tới đêm tái hợp với chàng Kim, xin quý vị nghe tiếng đàn thứ năm, tiếng đàn cuối cùng của Kiều :

Khúc đầu đầm ấm dương hòa !

Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh ?

Khúc đầu êm ái xuân tình !

Ấy hồn Thúc Đế hay mình Đỗ Quyên ?

*Trong sáo châu đỏ duềnh quyền,
 Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông!
 Lọt tai nghe suốt năm cung,
 Tiếng nào là chẳng náo nùng xôn xao.*

Đề phê bình khúc nhạc này, trong Thượng Chi văn tập quyền III, Phạm Quỳnh có viết :

« Cầm đến đàn là gây nên tiếng bạc mệnh, cũng như bước chân ra là gặp phải cảnh đoạn trường, đó là cái ngụ ý của tác giả muốn mượn tiếng đàn mà biểu hiệu cái thân thế cô Kiều. Khúc khúc rất nhưng giọng tiêu tao, kịp cho đến lúc sau cùng, kết cục vì nề lòng người cũ mà phải dở đến ngón đàn xưa, thời tuy có gây nên những giọng đầm ấm xuân tình, nhưng rõ là gây gương mà thôi, giọng vui ấy lại thấm hơn mấy mươi lần những giọng thảm khi xưa, cũng như cuộc vui cuối mùa ấy cũng là vui gượng cho khỏi phụ lòng ai, chứ thân thế ấy còn vui sao được nữa ? »

Tán đồng ý kiến của nhà học giả họ Phạm, nhiều người đã thốt lên : « Phải, vui thế nào được khi mà thân nàng như cánh hoa tàn, như vầng trăng khuyết ; vui thế nào được khi mà thân nàng đã bao năm luân lạc chốn lầu xanh ? Giờ đây ngồi trước người tình năm xưa tuy không cố chấp, nhưng ngẫm lại cuộc đời hoen ố đã qua thì còn lòng dạ nào vui được ? Cái đầm ấm của khúc nhạc chẳng qua là đượm vẻ trầm buồn man mác như gọi lại bao đau khổ đã qua vì thế mà còn có phần thấm hơn mấy tiếng đàn trước Tuy nhiên đối với Kim Trọng bấy lâu chỉ

mong ước gặp lại Kiều nay đã được toại ý nên chàng thấy cái gì cũng vui, cũng đầm ấm như sự đầm ấm của gia đình chàng ».

Giải thích như trên thực đã tế nhị nhưng suy nghĩ kỹ thấy vẫn không ổn vì ba nguyên cớ sau :

— 1. Nguyên cớ thứ nhất chúng ta thấy cuộc đời Kiều chia làm hai phần rõ rệt mà ranh giới là sông Tiền Đường. Biết bao vùng trăng lo âu tủi hồ đã theo dõi nàng, nhưng qua sông Tiền Đường nàng đã tìm thấy vùng trăng bát ngát thanh bình :

*Một nhà chung chạ sớm trưa,
 Gió trắng mát mặt muối dưa chay lòng.
 Bốn bề bát ngát mênh mông,
 Chiều dài hôm sớm mây lồng trước sau.*

Suốt mười lăm năm trường, nàng đã trải qua biết bao thất: mất thiết tha mỗi khi tưởng nhớ tới quê nhà, qua sông Tiền Đường lòng nàng thanh thoi như thề sống đâu cũng là quê hương, mọi dự vọng trong tâm hồn như đã bị diệt trừ hết, chỉ còn ánh thiên lý tỏa hào quang.

Đến tiếng đàn cũng vậy, ngay từ thuở Kiều còn « êm đềm trướng rủ màn che » mà đã :

*Khúc nhà tay lựa nên xoang,
 Một thiên bạc mệnh lại càng náo nhân.*

Rồi lần thứ nhất gây cho người yêu nghe đã khiến « ngọn đèn khi tỏ khi mờ » và chàng Kim phải « khi vô chín khúc khi chau đôi mày ». Tiếp đó những lần gây đàn sau, tiếng đàn đau đớn biết là chừng nào. Nhưng qua

sông Tiền Đường, trong đêm tái hợp, sau khi đã thuyết phục được người tình « *đem tình cầm sắt đòi ra cầm kỳ* » thì tiếng đàn của nàng đã đầm ấm dương hòa đến nỗi xóa nhòa được biên giới giữa thực với mộng (Ấy là Hồ Điệp, hay là Trang Sinh), xóa nhòa biên giới giữa sống và chết (Ấy hồn Thục Đế hay mình Đỗ Quyên), thiết tưởng tiếng đàn đó có phần đầm ấm xuân tình thật, và cuộc vui đó đã vươn tới niềm vui tinh thần muôn vàn cao khiết, chứ chẳng phải là vui gượng.

— 2. Nguyên có thứ hai : Hết thấy tiếng đàn tả trong truyện Kiều, kể cả tiếng đàn của Kim Trọng (*Bẻ bai rú rí tiếng tơ...*) bao giờ chúng ta cũng thấy có sự thống nhất giữa tiếng đàn với người gảy đàn, giữa người gảy đàn với người nghe đàn. Nếu lần cuối cùng này, tiếng đàn chỉ có bề ngoài đầm ấm xuân tình mà bề trong lại thấm gập mưới những tiếng đàn trước, thì không còn sự thống nhất giữa tiếng đàn với người gảy nữa; tiếng đàn nếu thực sâu thấm mà Kim Trọng lại thốt ra : « *Xưa sao sâu thấm, nay sao vui vầy?* » thì lại mất nốt sự thống nhất giữa người gảy đàn với người nghe.

— 3. Nguyên có thứ ba : Hãy đem ngay bản văn ra mà phân tách nhân vật.

Buộc lòng phải rời bỏ am mây của Giác Duyên trở về gia nhập đời sống xã hội (theo chàng Kim đến nơi trị nhậm) Kiều biết mình sẽ đương đầu với một thử thách tối

hậu quyết định của định mệnh. Làm sao tái lập được thể quân bình giữa xuất thế và nhập thế — (nếu chúng ta có thể dùng những chữ đó được) — giữa thái độ an nhiên tự tại với thái độ đắm mầu nhân-bản của người tình sống bên người tình ?

Gạt được lời Thúy Vân, gạt được lời chàng Kim, nhưng không gạt được lời cha mẹ, Kiều đành ưng làm lẽ thành đôi với chàng Kim, thái độ vô cùng miễn cưỡng :

Hết lời khôn lẽ chối lời,

Cúi đầu nàng những ngán dài

thở than.

Nàng chỉ còn trông cậy vào thái độ của Kim Trọng trong đêm hợp cần, ở đây chúng ta thấy chưa bao giờ Thúy Kiều sử dụng nhiều ngôn ngữ như thế, lời nàng khi thì ray rứt, khi thì cầu khẩn thiết tha.

Đề chỉ về mình, nàng dùng những lời thật nặng nề, nào « *cái mình bỏ đi* », « *mặt dạn, mày dầy khó coi* », nào « *hương dưới đất, hoa cuối mùa* », nào « *cũng dơ dở nhuốc bầy trò* »...

Với chàng Kim thì :

Người yêu ta xấu với người.

Yêu nhau thì lại bằng mưới

phụ nhau.

hay :

Chữ trinh còn một chút này,

Chẳng cầm cho vững lại dây cho tan.

Chàng Kim thực cũng muôn phần cao nhã. Chàng thông cảm với quan điểm của người yêu :

*Gương trong chẳng chút bụi trần,
Một lời quyết hẳn muôn phần kính
thêm.*

Chàng tự thanh minh :
*Bấy lâu đáy bể mò kim,
Là nhiều vàng đá, phải tìm trắng hoa.
Chàng chuẩn nhận lời đề nghị của
Kiều :*

*Ai ngờ lại hợp một nhà,
Lọ là chẵn gỏi mới ra sắt cầm.*

Được lời người yêu, thái độ Kiều
hối hả thiết tha như người suýt ngã
xuống vực, may vớ được cành cây
mà leo lên, như người vừa tuột tay
suýt làm vỡ một cái gì quý báu, may
mà đón kịp.

Hãy coi đáng điệu hối hả của nàng :

*Nghe lời sửa áo cài trâm ;
Khẩu đầu lay tạ cao thâm nghìn trùng.
Hãy nghe lời nói hối hả của nàng :*

*Thân tàn gạn đục khỏi trong,
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
Mấy lời tâm phúc ruột-rà,
Tương tri đường ấy mới là tương tri.
Chớ che đùm bọc thiếu gì,*

*Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay ;
Và niềm vui của hai người hòa hợp :*

*Thoắt thôi tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nét càng say vì tình.
Thêm nển giá, nổi hương bình,
Cùng nhau lại chúc chén huỳnh giao
hoan.*

Sau đó tới tiếng đàn tái hợp.

Căn cứ vào ba nguyên có vừa lần
lượt trình bày trên tường có thể nói :

cuộc vui đó không thể là vui gương
mà là cuộc vui đạt tới niềm cao khiết,
sáng láng của tinh thần.

Còn tiếng đàn có thật sâu khò gấp
mười những tiếng đàn trước ?

Nếu Đạm Tiên là bóng của bạc
mệnh, thì tiếng đàn của Kiều quả là
tiếng nói của bạc mệnh. Có thể là
tiếng đàn có gợn chút dĩ vãng u
buồn trong lòng người nghe đàn :

*Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng ão nùng xôn xao.*

Có thể trong khi đối diện với Kim
Trọng, Kiều không quên những đau
buồn của mười lăm năm luân lạc,
nhưng những hồi ức đó chỉ là những
tiếng gió thoảng thốt còn vương vẫn
lại sau bão tố, chúng chỉ làm tăng
thêm vẻ đầm ấm, màu nắng vàng trong
như hồ phách của ngày vui mới.

Cái tuyệt diệu của ngôi bút Ngu, ễn
Du chính là ở chỗ đã gây được sự
liên tưởng khăng khít giữa nỗi vui
hiện tại với những chua cay dĩ vãng
khiến chúng ta ai đọc tới đoạn này
cũng cảm thấy một nỗi buồn man
mác, ngậm ngùi cho con người tài sắc
như thế mà phải chịu cuộc đời bạc
mệnh trong mười lăm năm trường.

oOo

Đó là lần lượt năm lần gảy đàn
của Kiều, và chúng tôi đã đặc biệt
chú trọng đến tiếng đàn thứ năm của
nàng, chứng minh ngược lại với lời
Phạm Quỳnh, rằng quả thực tiếng đàn
cuối cùng đó, tiếng đàn mà sau đó
nàng Kiều cuốn dây để không còn bao
giờ động đến nữa, tiếng đàn đó quả
thực là đầm ấm dương hòa, phản ánh
một tâm hồn thanh thản, đã thực sự
đạt được quân bình bằng những
đau khổ kinh qua của chính mình.

DOẢN-QUỐC-SỸ

ĐẠI-Á NGÂN HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.700 — 98.460

Trương Mục

TIẾT KIỆM ĐỊNH KỲ

Lãi Xuất 24% 1 Năm

— dưới 3 tháng	17%
— dưới sáu tháng	19%
— đã đủ hay trên 6 tháng	21%
— đã đủ hay trên 9 tháng	22%
— từ 12 tháng	24%

Gửi tiền vào Trương Mục Tiết-Kiệm « CON PHƯỢNG VÀNG »
Quý vị sẽ hài lòng vì :

- TIỀN LỜI TÍNH HÀNG NGÀY TỪ KHI GỬI ĐẾN KHI LẤY RA
- MUỐN RÚT VỐN RA BẤT CỨ LÚC NÀO CŨNG ĐƯỢC

* *

KÝ THÁC TIẾT KIỆM THƯỜNG : LÃI XUẤT 17% MỘT NĂM

CÁC CHI NHÁNH

— Chi-Nhánh Cholon, 47 Tổng Đốc Phương ĐT : 51.047	— Chi - Nhánh Banmêthuôt, 80-82 Quang Trung ĐT : 148.083
— Chi-Nhánh Cầu Ông Lãnh, 21 Yersin ĐT : 99.386	— Chi-Nhánh Sađéc, 139-141 Tổng Phước Hòa ĐT :
— Chi-Nhánh Gia-Long, 121-123 Gia-Long ĐT : 96.827	— Chi-Nhánh Vĩnh Bình, 24 Gia Long ĐT : 92
— Chi-Nhánh Thị-Nghè, 22 Hùng Vương ĐT : 96.251	— Chi-Nhánh Long An, 36 Thống Nhất ĐT : 20
— Chi-Nhánh Biên Hòa, 10 Nguyễn Hữu Cảnh ĐT : 36	— Chi-Nhánh Vĩnh Long, 49, Phan Thanh Giản ĐT : 93
	— Chi-Nhánh Đà Nẵng, 197 Độc Lập ĐT : 21.077

Cụ Nghè Mai, một giọt máu đào của họ Nguyễn Tiên-Điền

Bao giờ ngàn Hồng hết cây

Sông Rum hết nước, họ này hết quan.

Tiếng « Họ » trong câu đồng dao trên chỉ họ Nguyễn ở làng Tiên-điền, một vọng tộc bậc nhất thời Lê-Trịnh. Đời đời con cháu họ này đồ cao, làm quan tới tột bậc và nổi danh về Hán-văn cùng thơ Nôm. Tiêu biểu là Tổ-Như Nguyễn-Du... Có độc giả tò mò muốn biết hậu duệ hiện nay ra sao, sống hay bị tiêu diệt trong thời đại-quốc-nạn hiện nay ?

Trên đường đi tìm tài liệu về gia thế Nguyễn Du, duyên may, được Cụ Mai-Thọ-Truyền cho mượn mấy trang đánh máy do Hồng Phong (chưa biết là ai?) soạn thảo tạm đủ về thân thế Cụ Nghè Mai, một giọt máu đào của họ ấy. Vậy xin tóm lược đề quí độc giả nhàn lãm.

Nguyễn Mai tục gọi là Cụ Nghè Mai, hiệu là Long-Khê-Hữu-Tuyết (còn bút hiệu khác « Cô-gia-Tử ») đã là cháu ba đời đối với Nguyễn Du vào hàng Thúc-bá. Sinh năm 1876, (thời Tự-Đức) đỗ Cử-nhân Khoa Hương năm Canh-Tý (1900), niên hiệu Thành-Thái thứ 12, đồng khoa với Sào-Nam Phan-Bội-Châu (đỗ giải nguyên). Năm 1904 đỗ Tiến-sĩ, đồng khoa với Huỳnh-Thúc-Kháng, Trần-Quý-Cáp, hai cụ này về sau là hai nhà cách mệnh. Tiến-sĩ trẻ tuổi nhất trong khoa ấy, nên Đào Nguyên

Phồ có đôi câu đối đại ý khen là trẻ tuổi, tài cao, hậu duệ của « mấy đời ngọc hốt trăm bào » và « Truyện Thúy Kiều là văn của nhà xưa ». Vốn chịu truyền thống nho phong sĩ khí, Tiến-sĩ Nguyễn-Mai không chịu ra hợp tác với thực dân Pháp. Cụ rất khiêm tốn sống một cuộc đời thanh bạch với vài mẫu ruộng và mở một tiệm buôn nhỏ ở thành phố Vinh để tiện cho con cháu đi học. Chính thời này Cụ có giao du với Phạm Kim Chi, quê trong Nam ra làm việc tại Trung, và vì cảm tình, Cụ giao cho ông này quyền Kim Túy Tinh Từ (1) bằng chữ Nôm, gia bảo của họ Nguyễn. Phạm Kim Chi phiên âm ra chữ quốc-ngữ và cho in tại Sài Gòn năm 1917 tại Huỳnh Kim Danh ấn quán. Cụ Nghè Mai có viết bài tựa và bài tiểu sử của Nguyễn Du, cả hai đều viết bằng Hán-văn.

Vì lãnh đạm với phú quí công danh, Nguyễn Mai đã từ chối hai ba lần, không xuất chính. Mấy lần đầu Nam Triều giục cụ ra nhận chức Tri-phủ, cụ một mực từ chối lấy cớ là đau yếu. Một lần khác : Việt Minh cướp chính quyền (1945) khi mời các thân hào, nhân sĩ vùng Nghệ Tĩnh ra cộng tác, có thiết tha mời Cụ Nghè Mai, nhưng Cụ không chịu. Đến năm 1946, Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng ra làm Bộ-trưởng Nội-vụ, lấy

(1) Kim Túy (Thúy) Tinh từ là Truyện Kiều ngày nay.

danh nghĩa là bạn đồng canh và đồng khoa, nấn nỉ Cụ Nghè Mai ra tham chính, « cứu quốc », Cụ vẫn lấy cớ đau ốm và giữ vững tiết tháo. Cụ Mai thường ngâm hai câu Kiều:

*Mặc người mưa Sở mây Tần,
Riêng mình nào biết có xuân là gì?*

Năm 1947, Huỳnh-Thúc-Kháng chết, Cụ Nghè Mai rất lấy làm thương tiếc cho Cụ Huỳnh, nghi là bị hãm hại và nhất là bị người ta lợi dụng uy tín rồi sau vất đi như một trái cam đã vắt hết nước. Người ta kể: hồi đó, Cụ Nghè Mai hay nhìn bức hoành trong nhà đề bốn đại tự « Nam Châu cao-sĩ » và ngâm câu thơ của Vương-Bột đời Đường không biết có liên tưởng đến Cụ Huỳnh không? Đại ý câu thơ là:

*Núi non khó vượt, thương kẻ lẫm
đường,
Bèo nước gặp nhau, đều là người
lạ mặt.*

(Bản dịch của Hồng Phong)

Vào những năm 1954-1955, phát động phong trào đấu tố, các bạn bè của Cụ đều bị tù đầy hay chết bi thảm. Cụ Mai cũng bị quy vào hàng địa chủ phong kiến. Cụ bị giam cầm ở nhà sau giải lên trại giam của Đảng, thuộc huyện Hương Khê tỉnh Hà-Tĩnh, một nơi nước rất độc. Mấy tháng sau, cụ bị đau nặng và chết trong trại giam, không một thân nhân hay một bạn hữu nào biết. Về sau, người ta chỉ thì thào truyền khẩu, bài thơ cảm tác làm trong tù của cụ.

Trích bốn câu đầu: (Bị giải đi tù)
*Ngồi nhà đã lẫm, lại lên đường.
Đất sỏi chân trần, nhức thấu xương,
Ruộng đất không mua, thành địa chủ!
Vua quan không biết, hóa hào cường!*

Con trai của Cụ Nguyễn Mai là Âm Duật cũng bị cầm tù vì chính-trị (năm 1954).

Thế còn hiện tình họ Nguễn và làng Tiên-Điền ra sao? Tin tức lượm được rất sơ sài. Làng Tiên-Điền nay mang tên Xã Xuân-Tiên. Dân chúng vẫn tán thưởng truyện Kiều, họ vẫn nhắc tới Quan Thúy Kiều (Nguyễn Du) chức tước do họ tặng cho thi hào Nguyễn Du. Mỗi khi hội hè, họ vẫn diễn vở: « Trò Kiều » một vở chèo phóng tác theo Đoạn Trường Tân Thanh.

Trên mảnh vườn xưa xưa là bãi, nay còn sót lại mấy cụm dâu do Cụ Nghè Mai trồng. Tất cả đứng trong hoang vắng, hình như còn ngậm ngùi trước cuộc tang thương và tưởng nhớ chủ cũ một ra đi, không bao giờ trở về.

Các sĩ phu và dân chúng Nghệ Tĩnh vọng về hồn Nguyễn Du khóc thầm Cụ Mai và đất nước qua một bài thơ vô danh và ỉ tai (tài liệu của Hồng Phong).

*Than ôi! Ách nước lại tai trời!
Xiết kẻ oan tình cụ Nguyễn Mai.
« Địa chủ » bởi ai bày đặt chuyện?
« Hào cường » sao kẻ dặt thù lời!
Nhà xưa thi-lễ còn đâu nữa!
Người cũ khoa danh sạch cả rồi!
Cảm cảnh phần chung thương Tổ-
quốc*

Phần riêng thương Cụ lệ đầy vơi.
VŨ VĂN KÍNH

(Trích trong tập « Đoạn Trường Tân Thanh hiệu đính »)

Văn đọc, văn xem

Kiều là cuốn truyện viết bằng văn vần, cũng như *Lục Vân Tiên*, *Phạm Công Cúc Hoa*, *Nhị Độ Mai*, *Phan Trần*, *Thạch Sanh* v.v... Truyện văn vần có địa vị hết sức quan trọng trong văn học thành văn của ta trước kia, khi ta chưa tiếp xúc với Tây phương. Bỏ truyện văn vần ra, nền văn học quốc âm thời ấy sẽ nghèo đi quá nửa. Và đối với đại chúng, thì gần như sẽ không còn gì.

Truyện văn vần là sự thành công rực rỡ, giữ độc quyền trong một thời kỳ văn học. Nó cũng là sự thất bại, nó tàn rụi nhanh chóng và lặng lẽ, vào một thời kỳ văn học khác. Thật vậy, từ nửa thế kỷ nay, có tiểu thuyết gia nào xem việc viết một cuốn truyện bằng văn vần là công việc nghiêm chỉnh nữa? Ngay từ hồi Phạm Quỳnh, cớ xúi học *Kiều* nhiệt liệt như ông mà dường như ông cũng không có bao giờ xúi người ta bắt chước Nguyễn Du viết truyện lục bát.

Ông Phạm Quỳnh trước kia thì không, nhưng anh Nguyễn Văn Xuân gần đây thì có xúi như thế. Cách đây ba năm, trên tạp chí *Tân Văn* (số 15), anh Nguyễn từng có lần khuyên các bạn trẻ trở lại thể truyện bằng văn vần, đề « cứu vãn một thể truyện rất thành công của ông cha ta. »

Liệu có cứu vãn được chăng? Sự thành công của ông cha có bảo đảm chút gì cho con cháu chăng? Vấn đề chưa được đem ra thảo luận.

Thể truyện nọ đã bị loại bỏ mà không được trình bày cho biết lý do. Anh Nguyễn nêu ra vấn đề là phải; nhưng khuyên bạn trẻ như vậy e vơi vãng.

Không có ai trình bày về lý do không phải là không có lý do. Truyện bằng văn vần mà đành chịu tàn diệt (sau một thành tích lớn lao như cuốn *Kiều*), hẳn là phải có những lẽ không cưỡng lại được.

Vả lại trường hợp ấy đâu phải chỉ xảy đến cho thể văn của truyện *Kiều*? Những danh phẩm của Homère, Virgile, ở Hi-lạp và La-mã trong cổ thời, ở Ấn-độ, ở Nhật-bản, nhiều tác phẩm bất hủ ở Anh, ở Pháp, ở Ý trong thời trung cổ cũng là những câu chuyện kể bằng vận vần. Thế nhưng từ một vài thế kỷ nay, ở các nước ấy, không còn cuốn truyện danh tiếng nào dùng thể văn ấy nữa. Có phải khắp đó đây cả và thiên hạ đều không biết noi theo sự thành công của ông cha? Có phải trong bản chất cuộc đánh nhau trước thành Troie, cuộc phiêu lưu của Ulysse có gì thích hợp với thể vận vần, còn những cuộc đánh nhau của Napoléon ở Nga (mà Tolstoi thuật lại trong *Chiến tranh và Hòa bình*) thì không thích hợp? Có phải những chuyện hành hương ở Canterbury thì hợp với vận vần, còn những chuyện bù khú của Cnatterley phu nhân thì không?

Dẫu sao, một thể truyện đã mất, và mất khắp nơi.

Trước khi hô hào cứu vãn, thiết tưởng có một công việc — dè dặt hơn — là tìm hiểu lý do.

* * *

Lý do đây đủ không biết nhiều ít ra sao. Chỉ nghĩ rằng trong đó chắc phải có cái lý này: Là truyện văn thuộc thời kỳ văn viết cho tai nghe, thời ấy qua rồi, được thay thế bằng thời kỳ văn viết cho mắt xem.

Tác phẩm văn chương thoát tiên được truyền khẩu, rồi được viết để đọc lên cho tai nghe, rồi cuối cùng mới viết để cho mắt xem: Thứ tự diễn tiến như thế là phải lẽ. Bởi vì sự truyền đạt ý tin bằng văn tự là chuyện nghịch thường, trái với tự nhiên, là chuyện mới xảy ra sau này do sáng kiến của con người.

Theo cách tự nhiên, người ta giao tiếp với nhau bằng tiếng nói. Các ý tưởng, không những chúng được phát biểu thành tiếng nói, mà ngay khi thành hình chúng cũng thành hình ra tiếng nói. Nhận xét ấy đã đưa một nhân vật của André Maurois tới sự phát minh ra cái máy đọc tư tưởng. Nhân vật nọ — giáo sư Hickey — cho rằng lúc một người suy nghĩ thì tư tưởng lần lượt xuất hiện trong cổ họng của y. Xuất hiện thành tiếng, sẵn sàng để được phát ra. Vì vậy chỉ một chút hờ hênh, thiếu kiểm soát, là ý nghĩ phọt ra thành lời ngay: nhà tư tưởng quá chăm chú, kẻ mơ ngủ, người điên v.v... bất giác nói lầm bầm những điều đang nghĩ, họ đều đã gặp trường hợp ấy. Như thế, nghĩ cũng chỉ là một cách nói, nói

thăm. « Tóm lại, ai nấy đều nói lên tư tưởng của mình, người điên nói hơi lớn tiếng hơn những kẻ khác. » (1) Cái máy của giáo sư Hickey ghi tư tưởng, có lần nó đưa tới một lần: người ta nghĩ đến « La Saus-saye », nó khiến giáo sư diễn lầm ra là « Lassoche ». Cái máy chỉ giúp ông ta chộp được những âm thanh, mà không bắt được tự dạng. Bởi tự dạng không hề có trong tư tưởng đang hình thành.

Tư tưởng phát ra thành âm thanh, được tiếp nhận cũng dưới hình thức âm thanh. Sự tiếp nhận như thế là tự nhiên; tư tưởng tiếp nhận vào tai như thế mới hiểu được. Còn như cái thứ tư tưởng diễn ra bằng chữ viết, nằm trên giấy, đến trình diện với đôi mắt, đó là cả một sự quái lạ. Thoạt tiên, hẳn là không ai có thể nhận thức được thứ tư tưởng đến dưới hình thức kỳ dị ấy.

Bởi vậy, để trí óc nhận hiểu, người ta phải đọc lên các trang chữ viết. Tức phải trả các ý tưởng từ hình thức văn tự trở về hình thức âm thanh, hình thức tự nhiên, nguyên sơ của nó. Cho đến bây giờ, trẻ con và những người ít học vẫn làm như thế khi đọc sách, đọc báo, đọc thư v.v...

Còn người trí thức, ngày nay họ có khác, nhưng trước kia họ cũng ồn ào không kém. Trước kia, đối với người trí thức hay không trí thức,

(1) André Maurois. *La machine à lire les pensées* — Le livre de poche, 1966, trang 44.

đọc sách vẫn là môn hoạt động làm cho khỏe mồm. Vì vậy, khi bệnh nhân cần được chữa trị bằng cách bắt thân thể vận động, thì có những ông thầy thuốc ngày xưa từng khuyên họ hoặc đi đạo, hoặc cưỡi ngựa, hoặc đá cầu, hoặc đọc .. sách!

Thuở ấy, một kẻ xem sách không phát âm ỉch ỏi là một hiện tượng phi thường. Hồi thế kỷ thứ V, thánh Ambroise là một hiện tượng như thế. Thánh Augustin được trông thấy thánh Ambroise xem sách, lấy làm ngạc nhiên hết sức, lấy làm thắc mắc mãi không thôi, và ghi vào tập *Tự thú*: « Khi ngài xem sách, mắt ngài lướt trên các hàng chữ, nhưng tiếng nói và lưỡi ngài thì nghỉ ngơi. Tại sao ngài lại làm như thế? » Ôi! bí hiểm thay cách xem sách của thánh Ambroise.

Vậy, trừ ngài Ambroise ra, các nhà trí thức mười lăm thế kỷ trước đọc sách không khác người bình dân thời nay bao nhiêu. Đến bây giờ ấn phẩm chưa mấy được phổ biến, con người chưa thực sự làm quen với lối tiếp nhận tư tưởng qua thị giác. Phải từ Gutenberg về sau, văn tự mới lan truyền rộng rãi, chữ viết mới thay dần lời nói. Một số người càng ngày càng đông đảo trong xã hội hàng ngày phải tiếp xúc với văn tự, và luyện tập một thói quen mới: thói quen của thánh Ambroise.

Thực ra, cho đến ngày nay, xem sách thường thường vẫn là một cách đọc sách: đọc ngẫm. Cũng như nghĩ và nói thầm. Trong khi mắt lướt

trên từng chữ từng hàng, hẳn là các chữ viết cũng được gọi lên, mấp mé ở cổ họng. Giáo sư Hickey, với chiếc máy của ông ta, có thể ghi nhận được lắm.

Sau Gutenberg, văn giới càng ngày càng lui vào im lặng. Họ bớt ồn, nhưng họ vẫn còn có chỗ tự bất bình: đọc ngẫm không nhanh hơn đọc lớn là bao, mà kẻ càng đọc nhiều càng muốn đọc nhanh. Rốt cuộc, gần đây họ mới được thỏa mãn: cố Tổng-thống Hoa-kỳ Kennedy xem một nghìn hai trăm chữ, thượng nghị sĩ William Proxmire xem hai chục nghìn chữ trong một phút (xem theo lối cũ, chỉ được trung bình hai trăm rưỡi chữ mỗi phút). Còn như bà Roswell Gilpatric thì nghe đâu bà ta đã xem được nửa cuốn *Bác sĩ Jivago* trong vòng hai mươi phút. Những con số kinh hãi ấy đánh dấu một giai đoạn mới trong sự truyền đạt ý tưởng giữa con người với nhau.

Người sáng lập cơ quan luyện cách xem cho nhanh (Reading Dynamics Institute) tại Hoa-kỳ là bà Evelyn Neilson Wood có nói đến các bí quyết sau đây: là phải xem tổng quát toàn trang chữ một lượt, là đừng bao giờ đọc nhằm trong trí cả... Nghĩa là phải loại trừ hoàn toàn vai trò của lỗ tai, và dùng cặp mắt như cái máy chụp hình chiếu xuống toàn bộ trang chữ. Kẻ xem sách không còn giống kẻ cưỡi ngựa xem hoa, lần bước theo từng luống, từng hàng; mà giống như người cưỡi trực thăng bốc lên cao tủa xuống cái nhìn bao quát.

Đến đây thì giác mới tự tìm ra một kỹ thuật tiếp nhận tư tưởng, kỹ thuật riêng, đặc biệt của nó.

* * *

Mỗi thời kỳ trên đây, với những phương cách truyền đạt ý tưởng của nó, có một nền văn chương tương ứng.

Khi chưa có chữ viết và khi chữ viết chưa được phổ biến, thì văn chương là câu hát, tục ngữ, là chuyện cổ tích, chuyện tiểu lâm kể cho nhau nghe.

Trong quần chúng thất học, lỗ; sáng tác bằng mồm rồi vẫn tiếp tục thật lâu về sau: loại truyện chương hồi của Tàu phần nhiều thoát tiên cũng là tác phẩm truyền khẩu, cho nên về sau dù được ghi chép, chỉnh đốn, được in thành sách, nhưng lúc thưởng thức thường thường vẫn có một kẻ đọc lớn tiếng cho nhiều người xúm xít chung quanh cùng nghe. Văn ấy truyện ấy, thường thức kiểu ấy mới là đúng điệu.

Rồi sau đó, văn tự được trau dồi, việc sáng tác bằng bút thay cho sáng tác bằng mồm. Tuy nhiên, trong một thời gian dài nhiều thế kỷ, tác phẩm dù ra đời dưới ngọn bút, cũng là để đọc chứ không phải để xem lạng lẽ. Ở Tàu: từ thì hát, thơ thì ngâm, văn thì bình v.v... có món gì để xem đâu? Môn nào xuất hiện cũng nhắm vào thính giác. Ông Nguyễn Hiến Lê, tác giả cuốn văn học sử Trung-quốc đầu tiên của nước ta, trong bài tựa, đã suy nghĩ về cái sức huyền

bí của nền cổ học vẫn thu hút mình: « Sức huyền bí đó phải chăng là nững tiếng ngâm nga từ ngàn năm về trước còn văng vẳng trong tâm hồn tôi? »

Bên Tây phương, thời kỳ văn viết cho thính giác chấm dứt sớm hơn, cho nên tiếng ngâm nga có lẽ không còn văng vẳng trong tâm hồn những lớp người gần đây. Nhưng hẳn là trong thời của những *Odyssée, Illiade, Canterbury tales, Divine comédie* v.v., tác phẩm văn chương bên ấy đến đâu cũng làm vang dội âm điệu du dương đến đó, sao cho khỏi?

Đến khi văn tự đã phổ biến thật rộng rãi, sau nhiều thế kỷ làm quen với ấn phẩm, mới đến cái lúc các nhà văn viết ra những cuốn sách để xem. Và chỉ để mà xem thôi. Văn Chateaubriand còn là dàu dặt, có thể mời tai thưởng thức; chứ đến như những câu cán của Marcel Proust trong *A la recherche du temps perdu* thì chỉ dành riêng cho con mắt.

* * *

— Đó là cách nói quá lời. Ở đây chỉ có sự khác biệt trong phương thức sáng tác: hoặc bằng mồm hoặc bằng bút. Chuyện ấy chỉ liên quan đến người làm văn nghệ. Còn về phía thưởng thức, có gì đáng kể? Nguyên là truyền miệng như *Tam quốc*, là viết ra để mà đọc như phú Tô Đông Pha, thì cho đến bây giờ vẫn được coi là văn chương có giá, Ai bảo chúng ta không xem những tác phẩm khẩu truyền chép lại hay những thơ phú thời trước? Kennedy không còn xem được Homère

nữa sao? Một khi tác phẩm đã thành hình rồi, dù nó thành hình theo cách nào cũng thế thôi, hà tất phải phân biệt thứ văn chương cho lỗ tai với văn chương cho con mắt?

— Sự phân biệt thật cần thiết.

Năm 1263, Saint Bonaventure soạn cuốn *Vie de Saint François*, được chấp nhận làm sách sử chính thức về đời thánh Phanxicô; sau này sách ấy tái bản với một bài dẫn nhập của Fr. Damien Vorreux, phân trần rằng đọc giả ngày nay có lẽ không thấy thích thú, nhưng đó không phải vì Saint Bonaventure thiếu văn tài đâu: chẳng qua là vì sách soạn ra nhằm để đọc lớn tiếng và phải đọc như thế mới làm nổi bật các giá trị do sự hòa hợp âm điệu tiết tấu trong câu văn. (1)

Đời Lê, có lần tại Bắc-kinh, sứ thần ta là Trần Huy Bật tặng thơ cho sứ Cao-ly là Hồng Khải Hy. Hồng gửi thư cảm ơn, có câu: « Rửa tay mới giờ ra ngâm đọc, cảm thấy rãng và má tự phát ra mùi hương thơm ». (2)

Nói về bài *Xích bích phú* của Tô Đông Pha, ông Nguyễn Hiến Lê bảo: « đọc lên thơm tho cả miệng lưỡi ».

Nói về thơ Trương Phổ, ông Vũ Ngọc Phan bảo: « lắm khi lời rất sáo nhưng nhờ âm điệu du dương mà gây được những cảm tưởng man mác », lại bảo: « mới đọc thấy tầm thường, nhưng ngâm lên thì cực hay ».

Nhưng lý thú hơn cả là trường hợp của Nhất Linh. Trong cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết*, ông bảo: « Tôi

còn nhớ một lần viết truyện « Hồng nương » (không xuất bản); tôi viết xong một câu rồi đứng lên, đi đi lại lại trong phòng, trong lòng vui sướng mê man, thỉnh thoảng lại ngừng lại đọc to câu ấy lên :

« Hồng Nương! Hồng Nương! Sao đêm nay ta lại đọc đến tên nàng » và tôi quên cả đi ngủ.

Đến bây giờ thỉnh thoảng tôi cũng đọc lại nhưng chỉ để tự riếu mình sao một câu như thế lại có thể cho là hay đến mê man ».

Thật ra, ông « Nhất-Linh—Hồng-Nương » đã bị riếu oan uổng. Chẳng qua là vì trước sau nhà văn của chúng ta đã đổi quan niệm thưởng thức. Trước, ông vì lỗ tai mà đọc lớn câu văn, mà thích những câu du dương, nhịp nhàng đăng đối: Theo quan niệm ấy « Hồng nương! Hồng nương! » có thể hay đến mê man lắm, vì nó làm thơm tho miệng lưỡi. Sau này, theo quan niệm mới, ông không chú ý đến cái khoái thích của thính giác nữa, nên ông chê. Lỗi đâu tại Hồng Nương? Tại ông thủy chung không như nhất đấy chứ.

Cũng vì lẽ ấy, sách của ông thánh Bonaventure trước thì cực hay, sau

(1) « On écrivait alors en vue de la lecture à haute voix, et seule la lecture à haute voix met effectivement en valeur cette « partition » dans laquelle un art consommé préside à l'économie des pauses, des sonorités et des accents. »

(2) Lê-quí-Đôn. *Kiến văn tiểu lục*, bản dịch do Trung tâm Học liệu Bộ Giáo dục xuất bản, cuốn I, trang 326.

lại e bị chê dở nên phải phân trần. Lại cũng vì lẽ ấy, thơ của Trần Huy Bật không ngâm lên thì rỗng và má không phát ra được mùi gì, mà không chừng có thể xem là thơ vô vị, vì là loại thù tạc.

Lại cũng vì chỗ khác biệt quan điểm ấy mà có một thời các cụ cứ mê toi câu văn biền ngẫu, cứ giữ riết lấy; còn lớp tân học thì lại chê là thứ văn trống rỗng, không có nội dung, đòi bỏ gắp.

Mỗi thứ văn chương có tiêu chuẩn thẩm mỹ riêng, không phân biệt được sao?

Vả lại, dù không vì mục đích thẩm mỹ, giữa câu văn đề đọc và câu văn đề xem, cái kiến trúc của nó đã khác. Mỗi bên có mỗi đòi hỏi khác nhau, phải tuân theo những qui tắc khác nhau.

Trong câu nói, ý nghĩa thường khi tùy thuộc ở giọng nói. Câu « *Trời mưa* » chẳng hạn, tùy giọng nói, có thể là một câu nhận xét về thời tiết, lại có thể là một câu phàn nàn, lại cũng có thể là một câu hỏi.

Trong khi ấy, ý nghĩa câu văn đề xem tùy thuộc vào một số ký hiệu. Có cách viết « *Trời mưa* », lại có cách viết « *Trời mưa !* », cũng lại có cách viết « *Trời mưa ?* ».

Giữa câu nói với giọng nói có mối quan hệ chặt chẽ. Giữa câu văn viết đề đọc với giọng đọc cũng vậy. Câu văn đọc, nó chờ đợi giọng đọc, trông cậy ở giọng đọc. Sự sống của nó,

linh hồn của nó, là nhờ ở cách đọc.

Nhưng trong khi kẻ nói tự mình điều khiển giọng mình, chọn lựa ngữ điệu thích hợp, thì kẻ viết không làm được thế. Kẻ viết thứ văn đọc có thể nào an tâm phó thác vận mệnh câu văn của mình cho sự nhận định và nghệ thuật phát âm của độc giả? Kẻ ấy tất phải tìm cách giúp đỡ độc giả, giảm bớt những lầm lẫn khả dĩ xảy ra. Cách ấy không thể chỉ là những ký hiệu dùng cho con mắt mà không có ý nghĩa gì đối với lỗ tai.

Vì vậy, khi câu văn xem là « *Trời mưa !* » thì câu văn đọc phải viết: « *Chà, trời lại mưa* », hay « *Ừa, trời mưa rồi kìa* » v.v...; trong khi câu văn xem là « *Trời mưa ?* » thì câu văn đọc phải viết: « *Trời mưa rồi đấy à* », hay « *Trời mưa hã* » v.v...

Như thế, trong câu văn đọc vai trò của những hư tự đề tạo ra ngữ điệu thật quan trọng. Ngót chín chục chữ « *đầu* » trong cuốn *Kiều*, dùng nhiều cách khác nhau, đã được Nguyễn Du trao cho những sắc thái dị biệt cực kỳ tinh tế. Lớp người viết văn đề xem sau này chắc hẳn khó lòng đạt tới mức điêu luyện trong cái nghệ thuật dùng hư tự ấy.

Câu văn đề xem cũng có chỗ sở trường của nó. « Ông « *Bần đạo* » không khoái đi lính », hai dấu ngoặc kép mách người xem biết rằng hai tiếng « *bần đạo* » là tiếng nhại lại đề chế giễu. « *Đêm đêm con bé mơ thấy nó làm ni cô (!) và sáng ra nó...* », dấu (!) như một cái nháy mắt nghịch

ngờm. Dấu (?) như một nhún vai ngờ vực, ngạc nhiên. Dấu ngoặc đơn, như hạ thấp giọng xuống nói nhỏ vào tai. Những chữ in đậm, gạch dưới, như thề những tiếng gần mạnh. Có những câu văn bộ điệu trịnh trọng khó ưa, chỉ vì có nhiều chữ viết hoa quá, lời lẽ được quan trọng hóa quá đáng v.v... Đối diện một trang chữ, cũng có phần nào được như đối diện một người nói năng có ra bộ, với nét mặt khá linh động.

Đành rằng một số ký hiệu nghèo nàn không thể nào sánh kịp cái tinh vi tế nhị của giọng nói, của điệu bộ; tuy vậy, ký hiệu văn tự lắm khi cũng tạo ra những cách diễn đạt mà lời nói không có cách tương đương: "... tất cả chúng sinh đã chịu phần đóng góp cho Xót Thương ở hạ giới này." (1) Cái lối viết hoa hai chữ «xót thương» ấy, «dịch» cách nào ra thành tiếng? Phải có giọng nói, giọng đọc ra sao để người nghe biết mình muốn nhận cách hóa một ý tưởng, một sự vật? Lại như trong câu này, hai dấu gạch ngắn đã cho phép câu văn xem dùng một lối diễn ý mà câu nói và câu văn đọc không thể bắt chước: «Tôi đang phân vân nghĩ nên ở hay là lại lộn về ở dưới phố cho nó ấm lòng hơn — những nỗi bức bối của hoàn cảnh đại gia đình đâu sao cũng vẫn còn là sinh khí, cũng còn là cái liên lạc nối mình vào cuộc sống, chứ ở đây chỉ có sự mỏi và mùi chết — thì bếp Quỳên đã khuân đồ đạc vào.» (2)

Ngoài ra, trong câu văn đọc, nhiều hư tự còn có vai trò nhọc nhằn và bạc bẽo. «Chủ nghĩa Pháp Việt đề huề có lẽ có ngày thực hành được hoàn toàn vậy.» (3) Chữ «vậy» đó không có nghĩa. Nó là một dấu chấm, thế thôi. Nó được viết ra để đọc, chứ không phải để xem.

Những chữ «vậy» của ta, cũng như «chỉ, hồ, giả, đã» của Tàu, khi cái thời của chúng đã qua, người ta xúm nhau chê bai, bảo rằng chúng làm cho câu văn nặng nề, lắm lúc ngô nghê. Chúng đâu muốn thế. Sao không nghĩ lại những trường hợp các thí sinh ngày xưa bị đánh hỏng chỉ vì khảo quan lăm lăm trong cách đọc, cách phân câu văn bài? Suốt một thời gian dài dằng dặc, khi văn Hán văn nôm chưa có dấu chấm câu, những «giả, đã» chắc hẳn đã có công cứu vớt không biết bao nhiêu thí sinh.

Sang thời kỳ của văn xem, chấm câu bằng lời thành ra cả một sự lăm càm.

* *

Giữa câu văn đọc và câu văn xem, kiến trúc của nó khác nhau, chẳng những thế, nội dung của nó cũng khác nhau...

— Kìa! Nói gì lạ vậy? Cách phô diễn có thể khác nhau, chứ cái điều cần phô diễn thì ai bắt ta phải thay đổi đâu?

(1, 2) Nguyễn Tuân. *Chiếc lư đồng mắt cua*.

(3) Phạm Quỳnh. *Thượng Chi văn tập IV*.

— Trong thực tế, cách phô diễn đã ảnh hưởng đến cái nội dung được phô diễn.

Ông Nhất Linh ngày nào vừa viết truyện *Hồng Nương* vừa đọc to văn mình lên suốt đêm ; sau này cũng chính ông, ông tưởng tượng nếu có một số người mang truyện *Giòng sông Thanh Thủy* ra đọc to đề cùng nhau thưởng thức như nghe truyện Tàu thì ông muốn độn thồ hay đăng vôn (1) ngay. Như vậy không phải vì Nhất Linh càng già càng cá thẹn. Chẳng qua vì từ lối văn đọc ông đã chuyển qua lối văn xem.

Đọc văn, bình văn là cùng thưởng thức với nhiều người ; xem văn, người ta xem một mình. Kẻ xem văn thì lặng lẽ, tự tách rời khỏi mọi người, tập trung tư tưởng, đề mà cặm cùi nghiền ngẫm, đề mà lúi lúi đi sâu hun hút vào cõi suy tưởng. Đi sâu, đó là cái bận tâm chủ yếu của văn xem. Kẻ xem văn có thể tiến tới, lướt qua, có thể ngừng lại ngẫm nghĩ, có thể ngược đường quay lại nghiền cứu năm lần bảy lượt những chỗ hóc hiểm. Nội dung câu văn phải đối đầu với một thử thách gay go. Trái lại, câu văn của kịch bản đề xướng trên sân khấu, câu văn đề bình, đề đọc không được phép quá súc tích, hóc hiểm.

Văn xem không cần mơn trớn thính giác mà phải đi sâu. Và đi sâu, sự mạo hiểm ấy lắm khi khiến chúng ta — cả người viết lẫn kẻ đọc — gặp những điều ngượng ngùng. Chẳng hạn gặp cái vụ anh chàng Trương

lên vô buồng vô chiếc áo cô Thu mới thay ra, trong cuốn *Bướm trắng*. Ông Nhất Linh không ngâm to mà cũng không thích ai đọc to những đoạn như thế là phải. Nhưng lại chính những phát giác hóc búa, kỳ cục ấy — hoặc kỳ cục hơn nữa — làm nên giá trị của loại truyện cốt đi tìm sự thực tâm lý.

— Hãy nói thẳng ra là chuyện tục tĩu thì không tiện đọc to Văn xem sở trường về môn ấy. Còn gì nữa chẳng ?

— Hít chiếc áo đâu đã tục bằng cời dây lưng ? Thế mà câu văn *Tây sương ký* (2) viết đề xướng to, còn câu văn *Bướm trắng* thì không xướng lên được. Và lại thơ Hồ Xuân Hương, chuyện tiểu lâm v.v... đều tục : những món đó đề ngâm, đề kể với nhau ồn ào, cười với nhau ha hả. Trong khi ấy, truyện Nathalie Sarraute, không dâm không tục, mà không tiện đọc lớn : những rì rầm trong tiềm thức mà xướng lên oang oang sẽ thành lỗ bịch không chịu được.

Cái sở trường của văn xem là những rì rầm, mong manh, tế nhị ấy.

* *

Truyện *Kiều* của trăm rưởi năm trước là thứ truyện đề đọc to. Đọc theo một điệu riêng : điệu « nói ». Người ta « nói » *Kiều*, « nói » *Vân Tiên*, « nói » *Thạch Sanh* v.v...

Sau cuốn *Kiều* lâu lắm, những thơ,

(1) Nhất Linh — *Viết và đọc tiểu thuyết*.

(2) Hà thi trùng giải hương la đài.

những phú, những thứ văn biên ngẫu ở trường thi, những câu nhịp nhàng du dương đăng đối trên *Nam Phong* v.v... vẫn còn là văn đọc. Vào thập niên kỷ thứ hai, thứ ba của thế kỷ XX này, ta vẫn hãy còn viết văn để đọc. Và nói chung thì cả ta cả Tàu cùng chậm trễ hơn nhiều nước Âu châu trên con đường tiến sang thể văn xem.

Thật vậy, cho đến trước cuộc tiếp xúc với Tây phương, chữ Hán và chữ nôm không có lối viết hoa, không có dấu chấm câu, không có những ký hiệu cho thị giác : ý nghĩa của nó tùy thuộc rất nhiều vào lối đọc của người bình văn.

Tại sao có sự chậm trễ ấy ? Có phải vì Đông Phương thiếu một Gutenberg ? Có chữ viết, chưa đủ. Chữ viết phải được phổ biến thật rộng rãi, phải được thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, con người mới làm quen được với lối truyền đạt ý tình qua thị giác, mới quen với lối văn xem. Ở Âu-châu, chữ nghĩa trở nên phổ biến, thông dụng, nhờ cách in bằng hoạt tự. Cách in mà chúng ta chưa nghĩ ra, rồi thay.

Người ta đã thấy rằng việc chế ra một thứ máy, một phương tiện sản xuất mới, làm thay đổi kỹ thuật sản xuất, từ đó làm thay đổi đến tương quan sản xuất, đưa đến những mâu thuẫn mới mà sự bùng nổ sẽ biến cải toàn bộ cục diện kinh tế ; nền tảng kinh tế biến cải lại chi phối đến các phương diện sinh hoạt tinh thần, đến ý thức hệ v.v... Đáng này, nếu một

chiếc máy in có ảnh hưởng đến kiến trúc câu văn, đến quan niệm viết văn, thưởng văn v.v..., thì cũng chẳng có gì là quá đáng.

Có một thời người ta chê các cụ ta quá ham ngâm vịnh đến nỗi làm mất nước, người ta kết tội câu văn biên ngẫu, kết tội văn chương bát cổ lời kêu ý rỗng, rặt những khuôn sáo v.v... Sự thực, các cụ không thoát được sự mê hoặc của tám vẻ, lỗi ấy cũng không hoàn toàn ở các cụ : Nếu máy in ra đời sớm hơn ở Á-châu, nếu ai nấy xem văn như bà R. Gilpatric xem truyện *Bác sĩ Jivago* thì các cụ còn ham gì tám vẻ ?

Dẫu sao, từ ông Nhất-Linh-Sau-Hồng-Nương, chúng ta đã bước qua một thời kỳ khác.

* * *

— Chúng ta sống ở thời kỳ văn xem, truyện *Kiều* thuộc thời kỳ văn đọc, vậy mà chúng ta vẫn hâm mộ truyện *Kiều*. Như thế : hoặc sự phân biệt văn đọc văn xem là giả tạo, là có gì không ổn trong đó ; hoặc ít ra, riêng truyện *Kiều* có sức vượt lên trên sự phân biệt kia.

— Cái chuyện « hâm mộ truyện *Kiều* » cũng có điều đáng ngẫm nghĩ.

Trước đây một thế kỷ không có chương trình giáo dục nào đưa truyện *Kiều* vào nhà trường, không một ai đề cập đến truyện *Kiều* ở các đề bài thi cử. Chẳng những thế, ngoài phạm vi học đường, truyện *Kiều* cũng bị răn cấm :

« Đàn ông chớ đọc Phan Trần

Đàn bà chớ đọc Thúy Vân Thúy
Kiều »

Trong trường không dạy, ngoài xã hội cấm đọc, thế mà truyện *Kiêu* vẫn phổ cập khắp các tầng lớp dân chúng. Cho đến ngày nay vẫn còn những cụ già bảy tám mươi tuổi thuộc lòng trọn cuốn *Kiêu*, không quên một câu.

Còn bây giờ, truyện *Kiêu* đã được đưa vào nhà trường, đã được đem ra giảng dạy, đã được xem là một hãnh diện của dân tộc; nhưng trong các cô cậu nam nữ học sinh và sinh viên có được mấy người thuộc *Kiêu*, ngoài những đoạn trích giảng trong lớp? Chẳng những thế, mấy người chịu đọc trọn cuốn *Kiêu*?

Thời các cụ xưa hẳn có lúc người ta đọc *Kiêu* như thời sau này có lúc người ta đọc *Tổ Tâm*, rồi *Đạn Tuyết*, *Hồn bướm mơ tiên*, rồi *Chuyện tình* v.v... Vào những thời ấy, các truyện ấy « ăn khách ». Đến chúng ta thì chúng ta càng nghiên cứu càng thần phục, chúng ta cúi đầu kính cẩn, tấm tắc trầm trồ... Nhưng ngoài các vị thầy giáo, các học sinh, các nhà văn học ra, chẳng còn ai đọc *Kiêu*.

Trước, người ta đọc *Kiêu*; giờ chỉ có người học *Kiêu*. Trước, người ta thưởng thức nó như một cuốn truyện; giờ thường thường chỉ có người thưởng thức nó như những đoạn thơ hay.

Truyện thì ngày nay thiên hạ đã đòi cách thưởng thức: trước đọc,

giờ xem. Còn thơ thì vẫn còn là của lỗi tai: trước sau chưa có gì thay đổi mấy. Bởi vậy về thi ca chẳng nói làm gì, chứ về việc viết truyện thì thiết tưởng anh Nguyễn văn Xuân không nên noi theo văn thề của cụ Nguyễn Du đâu. Trái lại, nếu ngày nay cụ Nguyễn Du mà sống lại, mà lại cao hứng viết truyện, thì vì lòng chân thành ngưỡng mộ cụ, tôi sẽ mạo muội trình cụ bắt chước văn thề *Bão rừng* của anh Nguyễn văn Xuân. Tôi hi vọng được cụ gật đầu đồng ý lắm.

Chỉ trong vòng một đời viết truyện của Nhất Linh mà văn đề văn đọc văn xem đã khiến ông thay đổi quan điểm hoàn toàn, tự chế điều mình, kuống hồ từ cụ Nguyễn Du đến ta, trải biết bao đời người...

Nhưng đây chỉ là chuyện trăm rưởi năm sau mà thôi. Còn ba trăm năm sau Tổ Như phải viết truyện bằng lối văn gì, bây giờ không thể trình thưa lão lếu: các phương tiện truyền thông mới mẻ mỗi ngày mỗi xuất hiện thêm, cải biến sâu xa các thói quen của chúng ta. Ai mà đoán được mai sau chúng ta sẽ truyền đạt và tiếp nhận ý tình của đồng loại cách nào, sẽ thích thưởng văn ra sao, thưởng truyện dưới hình thức nào? (1)

VÔ PHIẾN

(1) Các ý nghĩ và nhiều đoạn trong bài này được lấy lại từ một loạt bài cùng tác giả, đã đăng trên tạp chí *Khởi hành* vào tháng 9 và tháng 10 năm 1969, và đang in trong cuốn *Chúng ta, qua cách viết*, do nhà xuất bản Giao điểm.

HỎI AI NGƯỜI KHÓC ?

Ngọn đèn soi đáy chữ
Vàng rung mãi chén thề.
Hỡi ời, rừng ngôn ngữ
Vòng vây giam hoa Lê.
Ta van tiếng Sở giọng Tề ;
Dẽ ra cho bóng hoa kẻ hồn trắng !

Ba trăm năm vời vợi
Đường xa hiện pháp đăng.
Trời xưa diu Tiếng-mới
Về cả đêm nay chẳng ?
Gió mây chìm nỗi điệu Bằng,
Sông Ngân rụng cút bến Hằng đầy sao.

Hoa còn mơ giải bóng
Hồn trắng vẫn gửi trao.
Rì ng đáy hồ ngọc động
Nghe gươm mài xôn xao.
Lòng băng tan vỡ lệ trào
Bật lên tiếng khóc thi hào Tố-Như.

VŨ-HOÀNG CHƯƠNG

仙田阮詩家之佳化

年歲涉江雲、同
白頭花得見昇龍
千年巨室成空
一片彩博說故宮
相識美人看花子
同遊俠少侯生為
因心一石苦詩
短笛為一、明、中

江蘇黃道年書

chung long non tan voi song lo.
gop lu chng long dau bac pho
thang tap thong quan vui cua tung
ngung nhien hien moi dam cung xua
bam say tung chui nehe tam cuoc
nguyet dipting con thung het mo
hau gian trang bang diem thuc trang
hoa theo lung tung sao bo vo...
mua da nhien ty - thơ Nguyễn Du
bản dịch Nôm

(Thủ bút của nhà thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG)

Tản Lĩnh LÔ GIANG

Tản lĩnh Lô giang xứ xứ đồng
Bạch đầu do đặc kiến Thăng-Long.
Thiên niên cự thất thành quan đạo
Nhất phiến tân thành một cố cung.
Tương thức mỹ nhân khan bảo tử
Đồng du hiệp thiếu tảo thành ông.
Quan tâm nhất dạ khổ vô thụ
Đoàn địch thanh thanh minh nguyệt trung.

Phù-Giang Vũ-Hoàng-Chương phụng bút.

Dịch nôm

Chung lòng non Tản với sông Lô
Gặp lại Thăng Long đầu bạc phơ
Thăng tập đường quan vùi cửa tướng
Ngang nhiên thành mới dẫm cung xưa
Bạn say luống tuổi nghe tàn cuộc
Người đẹp bỗng con thấy hết mơ
Hồn giãi trắng trong đêm thức trắng
Hòa theo từng tiếng sáo bơ vơ...

Bản dịch Nôm của Vũ-Hoàng-Chương.

LONG VĨ GIANG ĐẦU

Long vĩ giang đầu ốc nhất gian
U cư sâu cực hốt tri hoan.
Đạt nhân tâm kính minh như nguyệt
Xử sĩ môn tiền thanh giả sơn.
Trầm bạn đôi thư phù bệnh cốt
Đặng tiền đầu tửu khởi suy nhan.
Táo đầu chung nhật vô yên hỏa
Song ngoại hoàng hoa tú khả san

Dịch nôm

Đầu sông tạm gửi kiếp lãng tãng
Buồn đến cùng, vui chợt biết chẳng
Khuôn cửa năm cao xanh ở núi
Gương lòng thoát tục sáng như trăng
Sách bên gối đỡ thân gầy hạc
Rượu dưới đèn tô nét trẻ măng
Bếp lạnh sớm chiều... riêng cúc giân
Hoa ngon từ mắt xuống chân răng

Bản dịch Nôm của Vũ-Hoàng-Chương

NGÃU ĐỀ

Bạch địa đình trì dạ sắc không,
Thâm đường tiểu tiểu hạ liêm lung.
Đình-đông châm-chử thiên gia nguyệt,
Tiêu-tác ba-tiểu nhất viện phong.
Thập khẩu đề cơ Hoành-lĩnh bắc,
Nhất thân ngoạ bệnh Đễ-thành đông!
Tri-giao quái ngã sầu đa mộng,
Thiên hạ hà nhân bất mộng trung ?

Ngẫu Đề

*Trống-trải thêm sân đêm nhạt sông !
Nhà sâu im - im bức rèm buông.
Tiếng chày lay động trăng nghìn nóc,
Tàu chuối đìu - hiu gió một phòng.
Mười miệng đòi cơm ngoài cõi Bắc,
Một thân nằm bệnh góc thành Đông !
Người quen trách tớ hay sầu mộng,
Thiên - hạ còn ai tỉnh - táo không ?*

U CƯ

Thập tải phong-trần khứ quốc xa,
Tiêu tiêu bạch phát ký nhân gia.
Trường đồ nhật mộ tân du thiếu,
Nhất thất xuân hàn cự bệnh đa!
Hoại bích nguyệt minh bàn tích-dịch,
Hoang trì thủy hạc xuất hà-ma.
Hành-nhân mặc tụng « đặng-lâu phú ».
Cường bán xuân-quang tại hải-nha.

Ở nơi u tịch

*Mười năm gió bụi bước tha-hương,
Nương cửa người phơ mái tóc sương!
Bạc ít ngày chiều đường điệu - vợi,
Bệnh nhiều xuân vắng quán thê-lương!*

*Trăng soi vách nát doanh lẩn - mỗi,
Nước cạn đầm hoang, rộn ếch-ương.
Già nửa xuân - quang thân góc bể,
Qua đường chớ đọc phú chàng Vương.*

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

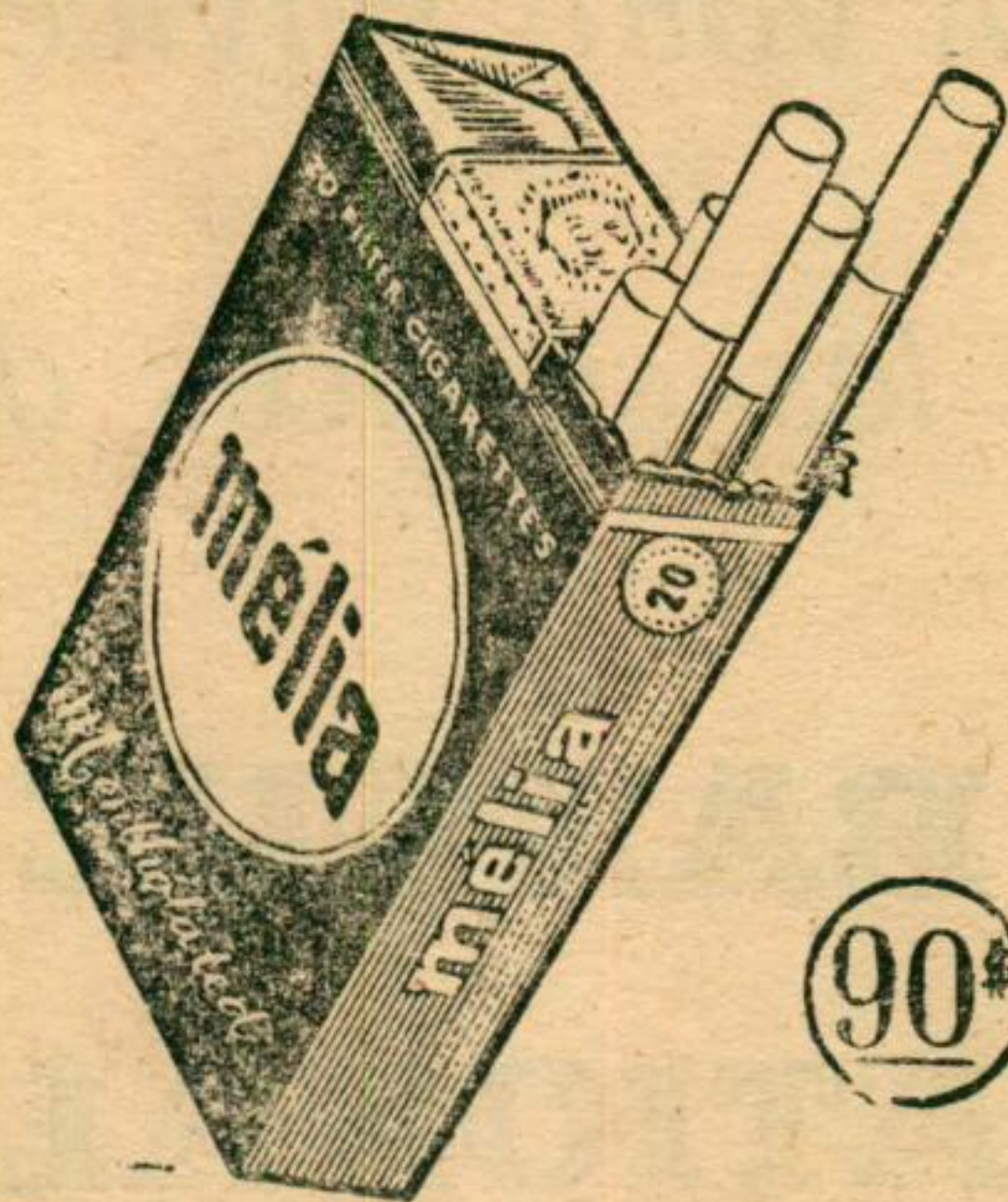
Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2 701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÃ (Menthol)



BẦU LỘC ĐIỀU DẠI
Thượng hảo hạng

'Thơm mùi. mát cổ'. thơm dịu

קנין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Đàm thoại với Phạm-Thiên-Thư về Đoạn Trường Vô Thanh

L.T.S. Phạm-Thiên-Thư tên thật là Phạm Kim Long, sinh 1-1-1940 tại Kiến Xương, Thái Bình. Vào Nam năm 1955. Tốt nghiệp Đại học Vạn Hạnh ngành Phật học Triết học Đông phương năm 1970. Dạy học — làm thơ — viết văn từng cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Quần Chúng, Văn Đền, Văn, Quạt Khỏi, Hóa Đạo, Khởi Hành, Tư Tưởng...



Trên số 349 (15-7-71) Bách-Khoa đã có dịp đàm thoại với Phạm Thiên Thư, sau khi anh cùng nhạc sĩ Phạm Duy hoàn thành 10 bài Đạo ca và anh cho xuất bản cuốn Kinh Ngọc, thi hóa kinh Kim Cương. Hồi đó anh đã khởi đầu viết « Đoạn Trường Vô Thanh » và mới « làm được 100 câu lục bát ». Nay anh đã hoàn thành và cho ấn hành tập « Đoạn Trường Vô Thanh », một tập truyện thơ với 3.294 câu lục bát, mà hồi tháng 7 năm ngoái anh còn tỏ ý e ngại chưa biết bao giờ mới xong.

« Ngày xưa ruột đứt nay lành

Sau Tân Thanh có Vô Thanh ra đời ».

(Thơ Vũ-Hoàng-Chương)

Nhưng khi Vô Thanh ra đời thì những dư luận khen chê đã trái ngược hẳn nhau — Người khen đôi khi không tiết chế được sự thích thú của mình mà người chê trách cũng mặc cho tình cảm mình chi phối các lời phát biểu. Bởi vậy nhân dịp ra số đặc biệt về Nguyễn Du và truyện Kiều, Bách-Khoa phỏng vấn Phạm-Thiên-Thư về cuốn « tục Kiều » của anh để bạn đọc có một ý-niệm về tác phẩm thứ 6 của nhà thơ này, giữa lúc lời khen tiếng chê đương sôi nổi.

BÁCH KHOA : Xin anh cho biết tại sao anh có ý định viết « Đoạn Trường Vô Thanh » ?

PHẠM THIÊN THƯ : Cái lý do thứ nhất khiến tôi viết quyển « Đoạn Trường Vô Thanh » là vì quá yêu mến thiên tài Nguyễn Du. Những hình ảnh truyện Kiều đã được mẹ tôi kể ru tôi từ nhỏ nên gần như trở

thành tâm thức tôi, vui buồn với tôi suốt mấy chục năm trời. Lý do thứ hai : « Đoạn Trường Tân Thanh » nặng về phần trình bày lẽ nhị nguyên (Tài, Mệnh) mà nhẹ về lẽ nhất nguyên của đời sống nội tâm. Từ những yêu mến và suy nghiệm trên, khiến tôi muốn vẽ một bộ tranh về Thúy Kiều về tâm trạng của nàng... Bằng chất liệu và bối cảnh Việt-nam bây giờ.

BÁCH KHOA : *Như vậy anh có thể cho độc giả Bách Khoa biết qua nội dung tác phẩm của anh được không ?*

PHẠM THIÊN THU : Vì là một bộ tranh bằng thơ nên tôi đã tránh tính cách kể chuyện. Một vài tình tiết trong Vô Thanh nếu có, cũng chỉ có tính cách rất tượng trưng để bổ sung cho Tân Thanh chẳng hạn để giải thích cho cây đàn trong “gươm đàn nửa gánh” của Từ.

Tôi vẽ thêm một Trần Nguyễn Mai — một người đồng chí của Từ là người mà « chí toan mở rộng cõi ngoài — lầu hoa gối sách gươm mài bóng sao » đã cùng chàng vùng vẫy một thời. Trong lúc sa cơ, Mai đã gò cương trao lại cho Từ cây đàn rồi nhảy xuống khe sâu tuấn tử — cây đàn trở nên bản di chúc thăm lặn của đời chàng :

Cánh hoa tàn gió sa trường

*Chút hương trinh bạch còn vương vấn
hoài*

Bao năm yên ngựa lạc loài

Năm cung trường lệ nhủ ai anh hùng.

Ngoài ra một vài nhân vật mới nữa được xây dựng cũng chỉ là « vẽ rất thêm chân » cho câu chuyện Đoạn Trường thêm trường đoạn.

Có thể tạm tóm tắt sơ lược 27 bức tranh thơ trong Vô Thanh như sau :

Bức thứ nhất : trình bày tâm thức của Thúy Kiều sau cuộc Đoạn Trường (Khô Để).

*Đoạn Trường sớ gởi tên Hoa
Xưa là Giọt Lệ, nay là Hạt Châu.*

Bức thứ hai : Thực chất của tình yêu Kim, Kiều « ý người sóng nổi mây trôi, chốn xa tìm đến, đến rồi lại đi.

Bức thứ ba : vẽ cuộc du sơn. Kiều nhìn đôi hài của mình đề ngộ ra mọi cuộc tìm kiếm vô vọng của kiếp người — vì cái cứu cánh cũng biến đổi nên không còn là cứu cánh.

Rã rời bao dấu chân vương

Gặp chi trong cuộc vô thường mà mong.

Bức thứ tư : Kiều ngồi tựa hiên trắng, mơ thấy bay lên như cánh hạc trong cái tiếng đàn chưa tắt của lòng nàng (vì đêm tái hồi Kim Trọng nàng thì không đánh đàn nữa).

Đêm đêm nhớ ngón tơ này

Tài hoa nước chảy mây bay nữa đời.

Bức thứ năm : Kiều soạn thêm bản đàn « Giải Vận Đoạn Trường », trong khi đang « hóa thân vào mấy cung dây — lừng lơ mây hạ với đầy dòng thu » thì chàng Kim tới và kể về cái chết lạ lùng của một thuộc hạ Từ — Gã lấy cây đàn rồi cắn lưỡi tự tử.

Đứng trơ đôi tay cắt đầu

Chính, tà ai biết ai đầu mà bàn

Xin hương thấp lạy cây đàn

*Dường như kỷ vật luôn mang bên
người*

Miệng hùm trào lượng máu tươi

Mắt trừng uất khí võ cưỡi nhọn tên.

Bức thứ sáu : Kiều mượn cây đàn kia xem, thì ra chính cây đàn của Từ. Kiều nhớ lại một đêm tâm sự Từ Hải cho biết tông tích cây đàn của chàng lưu lạc từ đất Châu Phong (vì Từ là

người Việt) rồi được một thiền sư dạy lễ Vô thanh :

*Tay kia chẳng lướt cung đàn
Cho dâu biển trở xanh ngàn trái hoa
Diệu hành là tiếng không ta
Không thanh âm ấy mới là âm thanh*

Và cuộc đời Từ đã đem thực hiện cái ý vô thanh kia trong cách mạng.

Bức thư bảy Kim Trọng tới thăm Kiều, kể ác mộng của mình. Kiều khuyên Kim dẫn thân « một lòng vì đức quên thân, làm quan chẳng trọng làm dân chẳng thường ».

Bức thư tám : Kiều đi thăm am xưa, nơi Vãi Giác Duyên đã dựng nên để đón nàng. Đến nơi am đã bị ai đốt, còn khắc lại trên tường bức tranh hạc y như giấc mộng hiên thu của nàng đem nào.

*Hay là Tam Hợp Đạo Thầy
Du phương đề bức họa này nhủ ta
Ý người thức tỉnh trần sa
Quần quanh vọng tưởng vào ra ngại*
ngăn

Bức thư chín : Đêm Kiều ngồi đọc thơ Đường, thì cây đàn cũ bật lên một tiếng nào nùng

*Lửa tàn bóng lạnh lung lay
Tường Đông chợt thoảng một dây
Đoạn Trường*

Bức thư mười : Kiều nằm vờng đọc Tâm Kinh, vừa khi « mở tung giả ngã lắng lời thiên nhiên » thì cây đàn xưa rơi vỡ tan một con nhện trắng leo đường tơ đi mất. Nàng truyền chôn đàn theo bên mộ người nghĩa sĩ.

Bức mười một : Hồ Tôn Hiến thanh tra qua đất cũ, nhớ đến tiếng đàn của Thúy Kiều. Trong tiệc văn có người kể lại đời nàng. Hồ ban sang cho Kim Trọng một cây đàn.

*Tặng đàn hẳn nhớ tiếng xưa
Trị dân tựa phép so vừa bốn dây*

Kiều hiểu ý Hồ, nàng xin Kim cho dự tiệc văn đáp lễ.

Bức mười hai : Nhờ tiếng đàn của Kiều mà Hồ giải thoát khỏi sự ám ảnh của cái chết Từ Hải

*Lòng Hồ nhẹ bằng niềm riêng
Tiếng đàn như mạch suối thiêng tĩnh*
người.

Bức mười ba : Kim ra tay cứu khỏi nghi án của tên Ngô Khôi

*Theo nàng lấy phúc làm nhân
Cuối năm xin được thi ân giảm tù.*

Bức mười bốn : Ngô Khôi đến dâng đôi chim, nhờ vậy mà Kim Trọng tìm ra tung tích Hồ Ông (dòng dõi Hồ Quý Ly) — một học gia chủ trương lễ trị hành « làm nên hóa biết nên hòa » là thầy dạy mình ngày xưa.

Bức mười lăm : Kim, Quan đi hội xuân, ra tay trừng trị bọn cường hào, vừa gây nên hai án mạng.

*Ra tay phá xích xiềng oan
Bằng không ta sẽ cáo quan trở về.*

Bức mười sáu : Vương Quan nhớ lại người yêu cũ — nàng Ân Lan con gái thầy học (Hồ Ông) và sửa soạn theo Ngô Khôi đi thăm thầy.

Bức mười bảy : Kiều, Vân đi hành hương, thăm sư thầy Văn Chương, người đã dạy Kiều yếu lý kinh Kim Cang.

Bức mười tám : Kiều gặp tên tội tù, là chồng của kẻ thiệt mạng trên, và cũng là thằng bán tơ ngày trước. Gã cho biết vườn Thúy bây giờ đang rao bán lại. Cả nhà Vương Ông quyết định tậu lại vườn xưa và về quê.

Bức mười chín : Ân Lan gửi trâm biếu Kiều. Vương Quan tâm sự :

Ân Lan nàng vẫn đẹp xinh

Một chiều bên suối ngỏ tình ngày xưa

Chỉ bông hoa nở ven bờ

Rằng thôi suối chảy có chờ đâu hoa

Nhắc chi chuyện cũ đôi ta

Ngày nay Lan vẫn như là ngày xưa

Vị gì chung nắng chia mưa

*Giữ thơm mộng cũ thừa chưa ngọc
vàng.*

Bức hai mươi : Kiều cho trồng lên nền am cũ cây hoàng mai, khi qua thăm mộ cây đàn thì chợt « tiếng chim chi đó bật dây đàn bầu » khiến nàng trách thầm :

Buông chi tiếng chạm tiếng lời

Trong u ần gió nghe toi tả sầu.

Bức hai mươi một : Kiều hồi tưởng đêm đánh đàn cho Kim Trọng và sư thầy Văn Chương nghe. Tiếng đàn siêu thoát đó đã đưa nàng vào cái hòa điệu mệnh mang của vũ trụ.

Trăng nhòa ánh đậu mộng lung

Từ đây đâu chẳng là cung đàn hiên.

Bức hai mươi hai : Kiều từ già cỏ hoa đề cùng cha mẹ về quê.

Bức hai mươi ba : Kiều về tới

quê nhà mới ngộ ra chân lý « *những quên viên ngọc trong mình, là quê hương kết muôn hình hào quang* » để thâm hiểu tư tưởng của sư thầy Văn Chương « *con người cứ mãi xa nguồn, đẩy mình trong những chán chường phù du* ».

Bức hai mươi bốn : Kiều sửa soạn đi hành hương đền Mẫu, ngôi đền mang nhiều kỷ niệm với nàng từ ngày « *tưởng khi gò má bông đào áo bay hoàng hạc ý vào hồn mây* ».

Bức hai mươi lăm : Nàng đi thăm mộ Đạm Tiên để thấy rằng đời nàng là hạt lệ, mà mặt nước tiêu Khê chính là trang sớ Đoạn Trường — bây giờ hạt lệ đã đọng thành ngọc. Nàng cảm ơn tất cả mọi khổ đau « *bao nhiêu nghịch cảnh bên đàng, khiến ai đọng ngọc kết vàng đó thôi* » và tự nhiên :

Cây xưa để khắc thơ vào

*Bay ra đàn bướm nguyệt đào phất
phơ*

Bốn con như bốn dòng thơ

*Quần quanh vờn mãi bên bờ vai
thôn*

Kiều đưa năm ngón tay son

Lạ thay đàn bướm có con đậu vào

Rung rung cánh nguyệt cánh đào

*Nở trên cung mệnh khác nào dâng
hoa*

Bức hai mươi sáu : Kim Trọng về thăm Kiều, chàng gò cương bên dòng tiêu Khê, chợt tất cả tiếng đàn của Kiều đã đánh cho Kim nghe, dường như từ mạch máu vọng lên hòa với tiếng nước chảy trên dòng

tiều khê dẹt thành cung đàn Vô Thanh
đưa chàng đến giải thoát.

*Máu ta nghỉ ngút hơi đàn
Bây giờ run lại theo làn sóng xanh
Bản hòa bát ngát vô thanh
Chừng bao sầu muộn dâng thành mây
bay*

Rồi chàng về thôn, lặng nhìn Kiều
đang tỉa rau cải, và giữa những luống
hoa vàng, hoàng hôn chiếu rực rỡ trên
má K ều như tỏa ánh hào quang.

Bức hai mươi bảy: Bốn người
hút tàu nước láo, lấy Kiều ngồi lược bánh
trưng chờ xuân nơi xóm Bạch Vân
(quê hương trạng trình). Một thiền
sư kể chuyện vui — ngày xưa có một
thi nhân vào ngủ đậu ở chùa Hương
Tích — nghe tiếng chuông khuya mà
giác ngộ, hôm sau tìm một động hoa
vàng ngủ say. Khi tỉnh ra, thì một
chùm lan bạch ngọc đã nở bên chàng
từ bao giờ — chàng cảm hứng dẹt một
trường ngâm vịnh lan.

*Lá dài cong nhịp cầu xanh
Vượt qua đoạn lệ trở nhành hoa tiên
Từ hoa hé nụ cười hiền
Biến thân giữa vạn bút nghiên hóa
người*

Ngâm xong, tìm chàng động thành
ngọc, chỉ còn bài thơ vang trong trời
đất thành một dòng linh thức. Trường
ngâm này vào nhà họ Vương thành
Thúy Kiều, cỏ cây quanh động chùa
Hương biến thân theo thành ra Mã,
Sở, Kim Trọng, Hồ Tôn v.v... « cũng
vì nặng một lòng thương, cho bài thơ
vượt đoạn trường bay cao » tạo một
nghịch duyên chung quanh Kiều. Khi

« cỏ cây giam kín một đời tình anh »
thì thiền sư tác giả của trường ngâm
kia ứng thân thành Từ Hải đến « đón
bài thơ nọ khỏi căn đau thương » sau
lại vào sư bác Văn Chương đề « đem
Kim Cương cắt tơ vương giấc vàng ».
Sau cùng bài thơ trở nên một nền
minh triết Đại Hòa của Việt Tộc. Nhà
nông nghe chuyện mỉm cười, vớt bánh
trưng, Mặt trời xuân như chiếc bánh
dầy tỏa hào quang trên rô bánh. Nhà
sư lại lên đường về hướng mặt trời.

Tóm lại « Đoạn Trường Vô Thanh »
gồm 27 thiên, 3294 câu lục bát.

BÁCH KHOA Anh làm việc trong
bao lâu và trong khi hoàn thành tác
phẩm, Anh đã gặp những điều gì làm
Anh phấn khởi và điều gì làm Anh
thất vọng ?

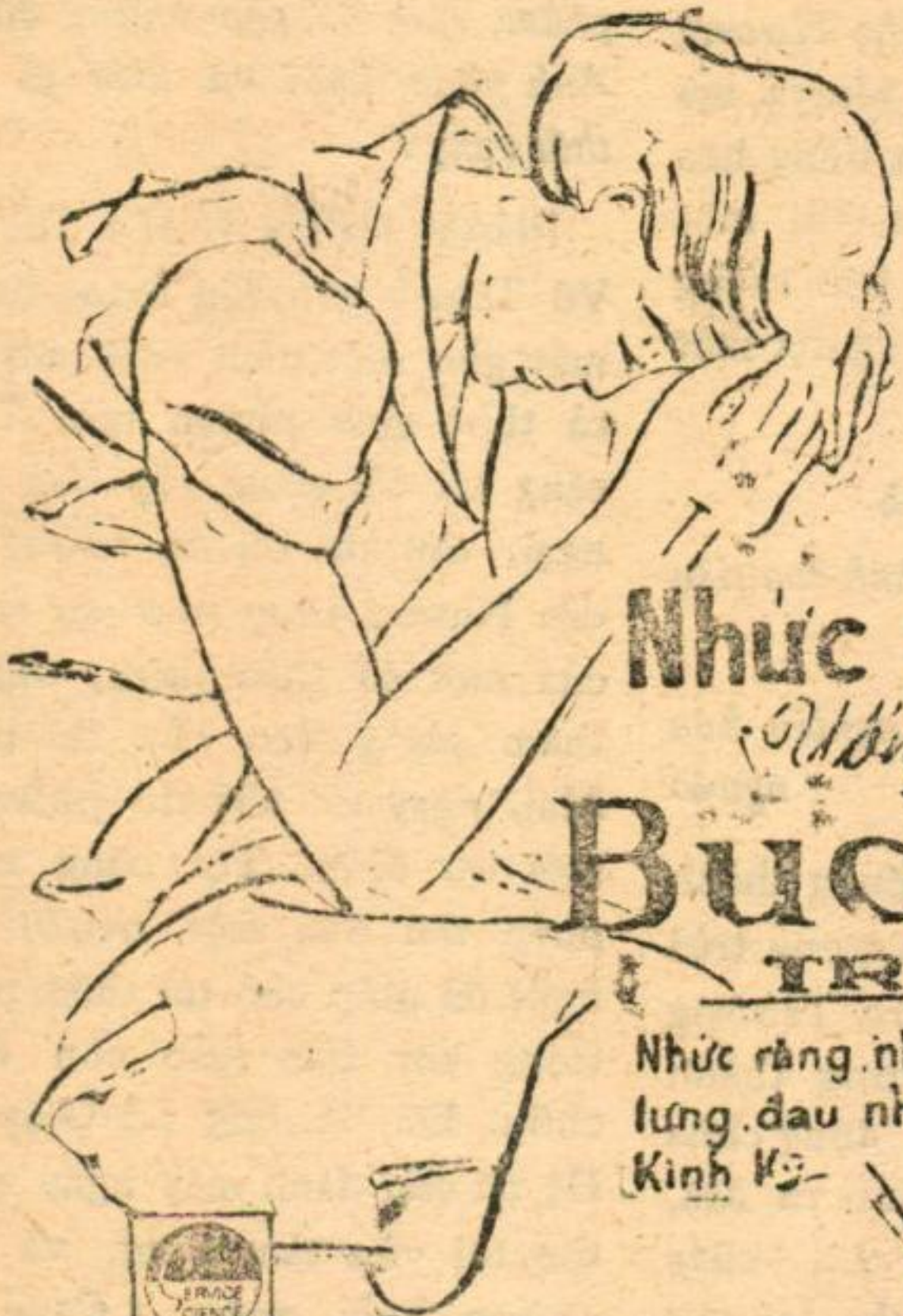
PHẠM THIÊN THỪ : Tôi khởi viết
Vô Thanh vào đầu tháng ba 1971 và
mất gần một năm rưỡi mới xong kể
cả thời gian nhuận sắc. Trong khi
sáng tác tôi cũng gặp khá nhiều trở
ngại, đôi khi tôi đã tưởng phải bỏ
dở. Nhưng cũng nhờ sự tin tưởng
của một số thân hữu, nhất là sự
tham gia ý kiến của thi hữu Tuệ
Mai, ngay từ khi tác phẩm còn là
một dự định. Tôi cũng xin được
phép nói đến một người yêu Văn
nghệ đã giúp cho tôi thêm phấn khởi
trong khi bản thảo còn đang sửa
chữa. Đó là ông Lê-Giáp-Đệ, ông
Đệ đã cho đánh máy ngay từng đoạn
thơ tôi vừa làm xong, và tổ chức
những buổi ngâm « Đoạn Trường
Vô Thanh » với giọng ngâm của
Thanh Hùng, Thúy Liễu, Đăng Lan...

và tiếng đàn của Vĩnh Phan. Nhờ đó mà từ đầu năm 72, « Đoạn Trường Vô Thanh » đã đến được một số văn nghệ sĩ. Còn việc « Đoạn Trường Vô Thanh » được in thành sách là nhờ sự góp tiền góp sức của thi sĩ Trữ Vũ, các giáo sư Trần Tùng, Võ Phá... là những người chủ trương Nhà Xuất bản Nền Hồng.

Tuy nhiên cũng phải thú nhận rằng, nếu không có sự khích lệ và lòng tin yêu nồng nhiệt của một số

anh em muốn cho tác phẩm ra đời thật sớm thì riêng tôi, chắc tôi chưa dám ché ân hành cuốn sách, vì tôi còn muốn nghiền ngẫm, sửa chữa thêm một thời gian nữa, có thể là một hai năm sau mới cho ra mắt độc giả được. Bởi vậy nên đã có những trang sửa chữa ở đằng sau cuốn sách, và có nhiều lúc tôi đã làm nhọc nhằn thêm anh em trong khi việc sắp chữ đương tiến hành.

PHẠM THIÊN THƯ



Nhức đầu
(Phong)
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính K.



KN 65 121/877/0007

George McGovern và Sargent Shriver hai kẻ chiến bại

Ngày 7-11 vừa qua dân chúng Hoa-kỳ đã quyết định trao cho đương kim Tổng-thống Richard Nixon một nhiệm-kỳ nữa. Hai ứng cử viên Tổng-thống và Phó Tổng-thống của Đảng Dân-chủ đã ôm hận trở về đời 4 năm sau sẽ trở lại tham dự cuộc chạy đua vào Tòa Bạch-ốc.

Mặc dù đã kiên-nhẫn hoạt động trong 4 năm qua Thượng Nghị-sĩ George McGovern vẫn vấp phải một thất bại hết sức nặng nề. Tham vọng Tổng-thống của ông đã bị cử-tri Mỹ quét sạch như những lâu đài bằng cát bị nước triều cuốn đi.

Ứng-cử-viên Phó Tổng-thống của đảng Dân-chủ Sargent Shriver cũng ngậm ngùi không kém. Mặc dầu có tài ăn nói, mặc dầu đã hoạt động vượt bậc, mặc dầu đã được cái tài

sản kếch sù của nhà vợ yểm-trợ, Sargent Shriver lại thêm một lần nữa vỡ mộng.

Tuy thất bại lần này nhưng cả hai đều không bỏ mộng nguyên-thủ quốc gia. Và trong cuộc bầu cử Tổng-thống vào năm 1976 chắc chắn cả hai, hoặc ít nhất cũng 1 trong 2 nhân vật này sẽ còn nhẩy lên võ đài chính trị lần nữa, vì cả hai đều là những nhân vật xuất chúng của đời sống chính-trị Hoa-kỳ nhất là vào lúc đảng Dân-chủ đang trải qua một cuộc khủng-hoảng lãnh-tụ kéo dài từ nhiều năm nay. McGovern và Shriver là hai con người có tính nết và sự nghiệp hoàn toàn khác nhau. Nhưng đứng chung một liên danh, hai ứng-cử viên này đã hoàn toàn bổ túc cho nhau khiến cuộc vận động bầu cử đã trở nên hào hứng.

GEORGE MCGOVERN, MỘT ỨNG-CỬ-VIÊN GIẢNG ĐẠO



Ông George McGovern

Năm 1922, khi một nước Hoa-kỳ vừa chiến thắng trong cuộc Đệ-nhất Thế-chiến đang dồn phiếu cho đảng Cộng-hòa để từ bỏ chính-sách can thiệp của vị Tổng-thống Dân-chủ Woodrow Wilson hầu trở về chính-sách biệt lập thì cậu nhỏ George Stanley McGovern ra đời. George McGovern sinh trưởng tại tiểu-bang Nam Dakota. Tại Hoa-kỳ người ta có hai tiểu-bang mang tên Dakota, một Nam Dakota và một Bắc Dakota. Nếu

tại Bắc Dakota dân chúng thường thuộc gốc Đức hay Bắc Âu có tinh-thần tiến-bộ nên được hưởng những điều-kiện kinh-tế tốt đẹp thì tại Nam Dakota dân chúng lại phần lớn thuộc gốc Anh nên đầu óc thủ cựu và đời sống kinh-tế cũng vì đó mà trở thành lạc hậu. Dakota là tiếng của thổ dân da đỏ có nghĩa là «Chào mừng» nhưng vì ngành canh nông là ngành hoạt động chính của tiểu-bang Dakota nên không những chẳng ai chịu đến lập nghiệp tại đây mà dân bản-xứ lại còn đua nhau đi kiếm ăn tại những vùng khác trù phú hơn. Tuy nhiên Nam Dakota lôi cuốn được nhiều du khách vì tại đây có rặng núi Rushmore với những mỏm núi tạc hình các Tổng-thống Washington, Jefferson, Lincoln và Roosevelt. Dân số của tiểu-bang này chỉ có 661.609 người vào năm 1970, tức là chỉ bằng 1/3 dân số của đảo Mahattan ở New York.

Đời sống khó khăn của tiểu-bang Nam Dakota đã đánh dấu cuộc đời của cậu nhỏ George rất nhiều. Cậu luôn luôn ngả về phía người nghèo để chống lại phe tư-bản. Hơn nữa gia-đình McGovern cũng không khá giả nên George không được theo học tại các trường có tiếng. Joseph McGovern, cha của George, đã phải làm đủ nghề để nuôi gia-đình. Lúc đầu ông đi làm thợ mỏ, sau bỏ nghề đó đi làm cầu thủ baseball chuyên nghiệp. Sau cùng ông Joseph đi làm Mục-sư thuộc Giáo-phái Methodist.

Năm 1942 khi Hoa-kỳ tham chiến trong cuộc Đệ-nhi Thế-chiến thì George bị động viên và phục vụ

trong ngành Không-quân. Trong suốt 3 năm trời, George đã là phi-công lái máy bay B 24 trên trời Âu-châu. Năm 1945 khi giải ngũ, George McGovern trở về đời sông dân-sự với hai bàn tay trắng. Nhờ có đạo luật nâng đỡ cựu quân-nhân (G I. Bill) cậu đã được chính phủ cấp học bổng cho học tiếp đề đậu bằng Tiến-sĩ. Ông Joseph McGovern đột ngột qua đời về bệnh tim, nên George đã nối nghiệp cha làm Mục-sư đi giảng-đạo tại ngoại-ô thành phố Chicago.

Trong một cuộc thi biện-luận, Mục-sư George McGovern đã bị cô Eleanor Stegeberg đánh bại. Nhưng kết-quả của cuộc đấu võ miệng này là kẻ chiến thắng lại lấy người chiến bại. Sau khi kết hôn với Eleanor, George thấy đời sống gia-đình không phù-hợp với nhiệm-vụ truyền-giáo nên ông đã chuyển nghề đi làm Giáo-sư tại Viện Đại-học Wesleyeme ở tỉnh Mitchell. Tại đây McGovern dạy môn Sử-học và Chính-trị-học với lương tháng là 4.500 Mỹ-kim một năm. Trường Đại-học Wesleyeme là một trường tối tăm như một trường làng vì cả tỉnh Mitchell mà cũng chỉ có 500 dân cư ngụ.

Gốc tại một tiểu-bang nhỏ, ở tại một tỉnh nhỏ, dạy học trong một Trường Đại-học nhỏ, cuộc đời của McGovern trở thành âm thầm ít ai biết đến. Nhưng McGovern là một người đầy tham vọng; Ông luôn luôn tranh đấu để vượt khỏi cảnh ngộ kém cỏi của mình. Tiểu-bang Dakota là nơi xuất phát của những «cao bồi» tiền phong đi khăn đật trong cuộc Tây

tiến. Vì vậy mà George McGovern có một tinh thần tranh đấu mạnh và kiên trì, có những quy tắc luân-lý giản-dị, lành mạnh và ngay thơ. Ông đã lợi dụng bất cứ một dịp nào để nhẩy vào đời sống chính trị.

Năm 1948, Henry Agard Wallace, cựu Phó Tổng-thống của F. Roosevelt, bỏ đảng Dân-chủ để thành lập Đảng Cấp-tiến và tranh cử với đương kim Tổng-thống Harry Truman. Tuy chủ trương của Henry Wallace hết sức kỳ quặc như là nên trao cho Nga các bí mật nguyên-tử vì Staline là « hiện thân của lòng tốt », nhưng McGovern cũng quyết định đi theo Wallace để cổ động cho nhân vật quái dị này. Khi Wallace thất bại thì McGovern bỏ Wallace và tỏ ý hối tiếc là đã đi cổ động cho ông.

Năm 1952 khi Adlai Stevenson ra tranh-cử Tổng-thống với tướng Eisenhower thì McGovern lại chạy theo Stevenson. Ông thích Stevenson đến nỗi đặt tên cho con ông là Steven. Mặc dầu McGovern cổ động ráo riết cho Stevenson nhưng tiểu-bang South Dakota của McGovern lại dồn phiếu cho Eisenhower (Eisenhower được 203.000 phiếu trong khi Stevenson chỉ có 90.000 phiếu). Sau cuộc bầu cử 1952, đảng Dân-chủ xuống dốc đến nỗi mất hết cả ghế ở Thượng-viện của tiểu-bang và chỉ còn có 2 trên 75 ghế ở Hạ-viện.

Để cứu vãn lại tình thế cho đảng, người ta mời McGovern ra làm Ủy-viên chấp-hành đảng tại Nam Dakota số lương là 6.500 Mỹ kim một năm

với điều kiện là McGovern phải tìm ra nguồn tài trợ vì ngân quỹ của đảng hoàn toàn trống rỗng. Nhân viên làm việc dưới quyền McGovern chỉ vồn vẹn có 1 cô thư ký làm việc bán thời gian và chỉ đến có 2 lần một tuần.

Trong chức vụ này McGovern đã trở tài tổ chức của ông. Tuy phương tiện eo hẹp nhưng trong vòng 2 năm trời ông đã lập được 35.000 phiếu lý-lịch, ghi rõ khuynh-hướng chính trị, sở thích, nghề nghiệp... của các cử tri. Nhờ có những phiếu này mà ông đã lấy lại cho đảng được 25 ghế tại Hạ-viện của tiểu-bang. Và khi ứng cử vào Hạ-viện Liên-bang ông đã đi từng nhà, gặp từng người một để cổ động. Sau một lần thất bại, McGovern được bầu vào Hạ-viện Liên-bang 2 nhiệm kỳ liền. Sau đó ông ra ứng cử Thượng Nghị-sĩ Liên-bang một lần là được ngay.

Năm 1968, tại Đại-hội đảng Dân-chủ nhóm tại Chicago để chỉ định ứng-cử viên Tổng-thống, Hubert Humphrey được chỉ định với 1760 phiếu trong khi George McGovern xuất hiện trên chính trường quốc gia với 146 phiếu. Thật ra thì ông không có ý định ra tranh cử. Nhưng vì 2 thần tượng của ông là anh em Kennedy bị ám sát nên ông quyết định nhẩy vào cuộc đua để nổi nghiệp. Đề tài tranh cử của ông là hòa bình ở Việt Nam. Số 146 phiếu lượm được tại Đại-hội đảng đã làm nhiều người lưu ý tới một vị Thượng Nghị-sĩ chưa mấy ai nói tới.

Trước cảnh tượng chia rẽ của đảng Dân-chủ tại Đại-hội năm 1968, các lãnh-tụ đảng đã nghĩ tới ông McGovern đề tổ chức lại các cơ cấu của đảng. Đây là lần thứ 2 trong vòng 20 năm, người ta kêu gọi tới tài tổ chức của McGovern đề vá vúi lại tình đoàn kết trong đảng đã bị rạn nứt quá nhiều trong những năm qua. Nhưng lần này trách nhiệm của McGovern có tính cách quốc gia, chứ không còn có tính cách địa phương, giới hạn trong một tiểu bang như trước nữa. Trong nhiệm vụ này, McGovern được cử làm Chủ-tịch Ủy-ban Cải-tổ Đại-hội đảng. Ông đã lợi dụng chức vụ này để loại khỏi Đại-hội những thành phần thủ-cựu mà ông cho là bất lợi cho ông, khi ông ra ứng cử Tổng-thống.

Trong suốt 4 năm trời, McGovern đã dùng ngón sở trường của mình đề lập phiếu lý-lịch và hồ-sơ các đảng viên. Biết rõ từng người một nên dần dần ông tìm cách đưa các đảng-viên trẻ tuổi, các người da đen, các phụ nữ vào Đại-hội đảng năm 1972. Vì vậy mà khi Đại-hội đảng Dân-chủ nhóm họp ở Miami Beach vào tháng 7-1972, 90% các đại diện đảng đều là những người tham dự Đại-hội lần đầu tiên. So với năm 1968 số phụ nữ tại Đại-hội 1972 đã từ 13% lên tới 34,6%, số đại diện da đen từ 5% lên tới 13,4% và số đảng viên dưới 30 tuổi từ 4% lên 23,1%. Những người này chiếm tỷ lệ 71% tại Đại hội và đều là người của McGovern.

Ngay từ đầu năm 1972, McGovern

đã nhảy vào vòng chiến. Ông thành công liên tiếp trong các cuộc bầu cử sơ khởi nên khi ra trước Đại-hội đảng ông trở thành một nhân vật có tên tuổi. Trước Đại hội đa số là người của ông nên các đối thủ của ông như Muskie, Humphrey đều phải rút lui. Và rút cục McGovern, một Thượng Nghị-sĩ không tên tuổi từ một nơi quê mùa tới, được Đại-hội đảng Dân chủ đồng thanh chỉ định đề ra tranh cử với một vị đương kim Tổng Thống.

Trong cuộc cử động bầu cử Tổng Thống cũng như trong các cuộc bầu cử sơ khởi McGovern có bộ mã cao ráo sạch sẽ, đáng điệu lịch sự nên được các bà các cô ưa thích. Những tư tưởng của ông lại dần dệ tới mức tối đa và có tính cách tượng trưng nên lời cuốn được các giới trẻ và các giai cấp kém ưu đãi trong xã hội. Đề thực hiện công bằng xã hội ông tuyên bố là khi đắc cử ông sẽ ấn định cho chính phủ hàng năm, gửi một tấm ngân phiếu 1000 đô la cho mỗi người Mỹ bất luận kẻ giàu người nghèo. Đề chấm dứt chiến tranh Việt Nam ông hứa sẽ rút hết quân ngay khi ông bước chân vào Bạch Cung và nếu cần ông sẽ sang Hà nội « năn nỉ » đề Bắc Việt thả tù binh. Đề giảm bớt nạn lạm phát ông hứa sẽ rút bớt ngân-sách quốc-phòng lối 30 tỷ M.k.

Nhưng McGovern không có tài ăn nói. Đi cử động bầu cử mà ông có giọng của mục-sư di truyền giáo hay của một giáo sư giảng bài nên các cuộc biểu tình ủng hộ ông không có tính cách hăng say. Ông luôn luôn tự

coi mình làm «điều tốt» và ông Nixon tượng trưng cho «sự xấu» nên các thành phần dân chúng yếu kém trong xã-hội đã luôn luôn gửi những phong bì đựng giấy 5 hay 10 đô la để giúp ông có tiền ứng cử. Nhưng ngược lại những người hiểu động thì lại tỏ ra chán ngán lời giảng đạo của ông. Dân Mỹ thường muốn được thấy những kết quả cụ thể mà ông thì cả ngày

chỉ nói tới đạo đức mà không làm được gì trong khi ông Nixon thì lại vô cùng hoạt động nên cán cân lực lượng đã ngả hẳn về ông Nixon.

Cuộc cồ động của McGovern bớt được phần tẻ nhạt là nhờ tài ăn nói, hoạt bát của ứng-cử-viên Sargent Shriver một người hoàn toàn khác hẳn ứng-cử-viên Tổng-thống Dân-chủ.

SARGENT SHRIVER, MỘT TAY CỤ PHÚ BỊ NHÀ VỢ CHÈN ÉP



Ông Sargent Shriver

Người ta khó có thể tưởng tượng được sự khác biệt giữa hai ứng-cử-viên Tổng-thống và Phó Tổng-thống của đảng Dân-chủ. Thật vậy, nếu George McGovern sinh trưởng trong một gia đình nghèo khó thì Sargent Shriver lại thuộc về giai cấp thượng lưu của xã-hội Hoa-kỳ. Nếu George McGovern bị học hành gián đoạn, có cuộc đời lên voi xuống chó, thì Sargent Shriver lại được học hành chu đáo, có cuộc đời nghề nghiệp rất thành công.

Sinh năm 1916 tại Westminster thuộc tiểu bang Maryland trù phú, Sargent, mà những người thân gọi là Sarge, là con của một tay chủ ngân-

hàng, Robert Sargent Shriver Jr. Họ Shriver thuộc giòng dõi thế gia. Tổ tiên của Sarge đã đi chuyển tàu Mayflower sang lập nghiệp tại Hoa-kỳ vào thế-kỷ thứ 16. Tại một xã-hội mới mẻ như Hoa-kỳ, những người tới lập nghiệp sớm như vậy được coi là thuộc giai-cấp quý-tộc. Những người thuộc giòng họ Shriver đã có công trong các trận chiến tranh chống Pháp và Mọi đa đoan đề mở rộng bờ cõi. David Shriver, tổ 6 đời của Sarge, đã là một trong những người đầu tiên đứng dậy đòi độc-lập và đánh đuổi Anh ra khỏi Hoa-kỳ. Chính David Shriver đã có hân hạnh được ký vào bản Hiến-pháp Hoa-kỳ tại Philadelphia, bên cạnh chữ ký của Washington. Tại Westminster người ta thấy có một nhà máy xay lúa mì, xây năm 1797, và được biến cải thành Viện Bảo-tàng chứa những kỷ-vật đánh dấu vinh quang của giòng họ Shriver. Ngay từ khi lọt lòng, Sarge đã có một cuộc sống trên nhung trên lụa. Cậu được theo học tại trường Canterbury ở New Mitford, là một trường dành

riêng cho các con nhà thế phiệt. Lớn lên cậu lại còn tốt nghiệp Luật-khoa tại Viện Đại học Yale nổi tiếng.

Tuy nhiên Sarge được dịp có cuộc sống tự lập vì khi cậu 13 tuổi thì cha cậu bị phá sản trong cuộc khủng-hoảng kinh-tế 1929. Nhưng với những bạn bè bà con quen biết, đời của Sarge, tuy bị phá sản, cũng chả gặp mấy trở ngại.

Khi chiến-tranh thế-giới thứ hai bùng nổ thì Sarge gia nhập ngành Hải-quân. Trong khi George McGovern lái phi-cơ trên trời Âu thì Sargent Shriver lái tàu ngầm dưới Đại - Tây - Dương và Thái - Bình - Dương. Khi chiến tranh chấm dứt, Sargent Shriver đã trở về đời sống dân sự với một địa vị của một luật-sư ưu-tú có nhiều khách hàng.

Trong một buổi tiếp tân Sarge gặp Eunice Kennedy, một cô gái khá đẹp, tóc màu vàng nâu với cái miệng cười tươi. Cô gái này chính là trưởng nữ của cựu Đại-sứ Hoa-kỳ tại Luân-đôn và cũng là một tay đại tư-bản, Joseph Kennedy. Thấy «bồ» của con gái mình lanh lợi đẹp trai, cao 1 thước 82, Joseph Kennedy mời cậu này làm việc cho mình tại một công ty thương-mại lớn ở Chicago. Tại đây Sarge thành công đến nỗi cùng một lúc vừa được cử làm Phó Tổng Giám-đốc của công ty vừa được kết hôn với con gái ông chủ. Từ đó tương lai được bảo đảm, Sarge sống đầy hạnh phúc trong một căn nhà có 14 phòng.

Có nghề nghiệp chắc chắn lại dư giả tiền bạc, Sargent Shriver cố gắng làm chính-trị để có một chức-vụ lớn. Shriver thường nói «từ 250 năm qua trong gia đình tôi ai cũng làm lớn cả, lẽ tất nhiên tôi có tham vọng chính trị».

Năm 1960, khi cậu em vợ, John Kennedy, lên làm Tổng-thống, Shriver được cử làm Giám - đốc Đoàn quân Hòa-bình (Peace Corps) có nhiệm vụ đi giúp các quốc-gia chậm tiến phát triển. Khi trao cho anh rề chức-vụ này, John Kennedy nói rằng: «Người ta bảo chức vụ này khó thành công nên tôi cử một người trong gia-đình cho dễ tổng đi, khi anh ấy thất bại».

Nhưng Shriver không thất bại, ông đã ra sức đề phục vụ thế-giới khiếm khai. Trong 2 năm đầu, ông đã đi trên 800.000 cây số để thăm các trại định-cư, các công trường. Ông đã cỡi trần ra cuốc đất làm đường, đứng mưa, nắng nằng, ngủ ngồi trên xe. Ông đã từng ăn những món ăn địa-phương cay xé bao tử, uống các đồ uống bản-xứ chẳng hợp vệ sinh...

Nhưng không được bao lâu Kennedy bị ám sát chết. Shriver từ giả Peace Corps trở về trong sự luyến tiếc của các thanh niên nam nữ cán-bộ.

Năm 1964, Tổng-thống Johnson muốn lấy lòng gia đình Kennedy, yêu cầu Sargent Shriver ra ứng cử Phó Tổng-thống cùng một liên-danh với ông. Tưởng rằng phen này được

A.

toại mộng công-hầu, nhưng bà mẹ vợ ghê gớm, Rose Kennedy, nói : « Không ! Gia-đình Kennedy không được cộng tác với Johnson ». Shriver đành nuốt hận khước từ.

Nhục nhã hơn nữa Ken O'Donnell, một tay chân của cố Tổng-thống John Kennedy, còn nói rằng nếu gia-đình Kennedy ra ứng-cử Phó Tổng-thống thì phải là Bob Kennedy chứ đâu phải cái anh « Kennedy có một nửa. »

Bốn năm sau, Shriver muốn ra ứng-cử Tổng-thống, nhưng lần này cô vợ Eunice lại không nghe vì : « Giờ đến phiên Bob ». Khi Bob Kennedy bị ám sát, Hubert Humphrey được đảng chỉ định ra tranh cử Tổng-thống, muốn kéo Shriver ra ứng-cử Phó Tổng-thống cùng liên-danh, thì gia-đình Kennedy lại bảo : Không chơi với Humphrey.

Mộng Tổng-thống không thành, Shriver muốn ra tranh cử ghế Thượng Nghị-sĩ Nữ-ước bỏ trống từ khi Bob Kennedy qua đời. Nhưng lần này đến lượt vợ Bob là Ethel Kennedy nói không, vì bà ta không muốn người nào trong gia đình ngồi vào cái ghế của chồng bà.

Bị nhà vợ ngăn chặn mọi đường tiến-thủ, Shriver đành phải nhận chức vụ Đại-sứ Hoa-kỳ tại Paris vậy. Tại đây ông đã thành công trong việc cải thiện bang giao giữa Hoa-kỳ và Pháp. Ông đã giữ chức vụ này cho tới năm 1970 mới thôi. Tại Paris, Eunice tỏ ra rất vui vẻ vì luôn luôn được ăn diện và dự các cuộc tiếp tân. Eunice là một bà Đại-sứ rất hách-dịch. Một

hôm đang ngồi cùng với vợ các nhân viên Tòa Đại-sứ tại phòng khách thì có chuông điện-thoại reo vang. Sợ các bà khác nghe được chuyện riêng của mình, Eunice đã lừa các bà này nhốt vào phòng tắm bên cạnh, khóa cửa lại, rồi mới trả lời điện-thoại.

Ấy thế mà gia-đình Kennedy vẫn trách là Shriver đã phản thù bằng cách nhận làm Đại-sứ của cả Johnson lẫn Nixon. Trước sự chống đối của nhà vợ ông đành phải từ chức trở về Hoa-kỳ vào năm 1970.

Nhưng rồi rút cục sự trung thành với gia đình nhà vợ cũng được đền bù một phần nào. Tháng 7-1972 sau khi ứng-cử-viên Phó Tổng-thống là Thomas Eagleton phải rút lui vì mắc bệnh thần-kinh, McGovern lúng túng không biết chọn ai, năn nỉ xin Edward (Ted) Kennedy ra đứng chung liên danh, thì Ted Kennedy, nhằm cuộc ứng cử trong tương lai, nên đã giới thiệu Sargent Shriver với McGovern.

Được gia đình nhà vợ bật đèn xanh vào lúc ít hy vọng đặc cử nhất, Sargent Shriver vẫn không nản lòng. Ông đã dồn mọi nỗ lực để đi cồ động. Mỗi ngày ông làm việc 16 giờ đồng hồ, đọc 10 bài diễn-văn, bắt hàng ngàn bàn tay, đi cả ngàn cây số, ăn cả chục miếng bít-tết để lấy lại sức.

Tuy con nhà giàu, nhưng vì đã hoạt động trong « Đoàn quân Hòa-bình » Sargent Shriver đã hiểu rõ cảnh ngộ của những người nghèo, nên họ coi ông như một thần-tượng của họ.

Đôi khi ngây thơ, không kém gì McGovern, ông tuyên bố rằng bữa tiệc

đầu tiên mà « Tổng Thống McGovern » tổ chức ở Bạch Cung sẽ đề khoản đãi những người nghèo. Mỗi khi xuất hiện trước cử-trí là ông đều được hoan hô nhiệt liệt vì không những ông đẹp trai, ăn nói duyên dáng, mà lại còn ăn mặc đẹp nữa. Tuy đứng dưới trời nắng cả giờ đồng hồ, tuy đi cả trăm cây số, các bộ đồ do Cardin may từ Paris gửi tới mang trên người ông vẫn thẳng tắp không một vết nhăn. Ông lại còn hay nhại giọng Tổng-thống Nixon để làm trò cười cho cử-trí nữa.

Tuy thông-minh hoạt-bát, nhưng Sargent Shriver luôn luôn bị giam cầm trong cái danh tiếng quá lẫy lừng của gia-đình nhà vợ. Ngay trong gia-đình thân mật, nhân một câu chuyện gì, ông cũng vẫn bị nhắc tới địa vị yếu kém của mình trước những người em vợ quá ưu tú. Một hôm dạy con học, Sargent Shriver nói: « Khi bằng tuổi con Abraham Lincoln đã đi bộ 20 cây số để đi học ». Cậu con đối đáp liền: « Khi bằng tuổi ba thì cậu Jack đã

làm Tổng-thống ! »

* *

Cặp bài trùng McGovern, Shriver đã bị cử tri loại bỏ thật xa trong cuộc chạy đua vào Bạch Cung. Họ không phải là bất tài, nhưng họ ra tranh cử với một đối thủ đã xây dựng được uy tín quá lớn nên cán cân lực lượng quá chênh lệch. Người ta có thể chê McGovern là thiếu ý kiến xây dựng, thiếu tư tưởng mạch lạc, nhưng không có thể nói rằng ông thiếu tài tổ chức. Từ địa vị một mục sư tới tẩm lên tới địa vị một ứng cử viên Tổng thống, dù sao ông cũng là một nhân vật xuất chúng. Riêng về Sargent Shriver nếu không bị gia đình nhà vợ « ộp », có lẽ giờ này ông cũng đã có một địa vị mà ông ao ước. Trong 4 năm tới có lẽ cả hai nhân vật McGovern và Shriver sẽ tái xuất hiện. Bớt cuồng tín, thêm kinh nghiệm, McGovern có thể là một vị Tổng Thống tốt. Được dịp hoạt động Shriver cũng có nhiều hy vọng không kém.

TỪ MINH

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin :

Cụ Bà Phạm Lễ Đình sẽ làm lễ thành hôn cho thứ nữ là Cô PHẠM THỊ BẠCH VÂN và Cậu VÕ HỒNG SƠN và hôn lễ sẽ cử hành tại Saigon ngày 11-11-1972,

Xin trân trọng mừng Cụ và chúc tân giai-nhân cùng tân lang trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà LÊ NGỘ CHÂU

THỜI SỰ KHOA HỌC

Giải Nobel khoa học năm 1972

Năm nay Hoa-kỳ đã độc chiếm cả hai giải Nobel về Khoa học của Hàn-lâm-viện Thụy-điền: giải Nobel Vật-lý-học và giải Nobel Hóa-học. Có tất cả sáu nhà bác học đã chia xẻ nhau vinh dự này, trong số đó có người đã hơn một lần được trao tặng giải Nobel cũng về cùng một bộ môn khảo cứu.

Về Vật-lý, Hàn lâm viện Thụy-điền đã nhắm vào sự thành hình của giả thuyết B.C.S giải-thích tính cách *siêu - dẫn - điện* (superconductivity) của kim loại ở nhiệt độ cực hàn. B.C.S. là tên viết tắt của ba nhà bác học đã phát minh ra giả thuyết này: John Bardeen, Leon N. Cooper và John Robert Schrieffer. Riêng John Bardeen, ông chính là người đã chiếm giải Nobel lần thứ hai về bộ môn Vật-lý-học. Lần đầu tiên là vào năm 1956 ông đã cùng với hai cộng sự viên của mình nhận lãnh giải Nobel Vật-lý về công trình phát minh ra *transistor*. Ngày nay người ta mới thấy sự quan trọng của phát minh này: transistor đã được áp dụng vào biết bao tiện nghi của thời đại.

B.C.S. thật ra chỉ là một giả thuyết hợp lý nhất để giải thích một hiện tượng đã được một nhà vật-lý-học Hòa-lan nhận thấy từ hơn 60 năm trước: ông ta đã nhận thấy chất thủy-ngân mất hẳn tính chất cản điện khi được đem xuống 450 độ dưới độ-đông. Những năm sau đó, các nhà bác-học khác cũng tìm thấy tính chất

đó ở các kim-loại khác. Trong một vài trường hợp, người ta đã ghi nhận được dòng điện luân-lưu nhiều ngày trong một vòng kim-loại ở nhiệt độ cực lạnh. Theo lý - thuyết BCS thì chính sự hòa-hợp giữa các giao-động của các nguyên-tử và điện-tử của chất kim-loại ở độ cực lạnh đã tạo nên tính siêu-dẫn-điện của chất kim này. John Bardeen cho rằng lý-thuyết này còn quan trọng hơn sự phát minh ra transistor về phương diện khoa-học, mặc dầu có thể nó không được áp dụng rộng rãi như transistor vào các sản phẩm kỹ-nghệ.

Về hóa-học, công trình khảo cứu được trao tặng giải Nobel năm nay là một công trình đã được thực hiện hơn một phần tư thế kỷ qua. Đó là sự tìm hiểu về cách cấu tạo và tính chất sinh-lý của *phân-hóa-tổ Ribonuclease* trong nhân tế-bào do ba nhà hóa học Christian B. Anfinsen, Stanford Moore và William H. Stein thực hiện. Kết quả là ngày nay cơ cấu hóa-học của Ribonuclease đã được hoàn toàn phơi bày và người ta có thể tổng hợp được nó từ những chất khác nhau. Dựa vào phương-pháp của ba ông, các nhóm nghiên cứu khác đã tìm ra cơ-cấu của hơn 25 phân-hóa-tổ khác nhau. Chắc chắn điều này sẽ có ảnh hưởng lớn lao vào sự hiểu biết của chúng ta về phương-diện sinh-lý của cơ thể con người và đưa đến những sửa đổi quan trọng trong lãnh vực y-học trong tương lai.

Tình dục của dân Phú-lang-sa

Nước Pháp được coi như một nơi rất phóng đảng về phương liên ái tình. Hình ảnh tượng trưng cho dân-tộc Pháp là một người đàn bà đẹp. Thủ-đô Ba-lê của Pháp vẫn là nơi của xa hoa bậc nhất Âu châu và cả thế-giới, gái Balê vẫn là gái đẹp nhất Âu châu và ăn diện nhất Âu châu. Trong các cuộc phỏng vấn đọc được ở các chương hồi-ký về các chuyến viếng thăm các nước Âu châu, người ta vẫn thường thấy các cô gái Đức, Ý ao ước được ăn diện các kiểu áo quần mới có ở Balê, ghen tị với sự lịch-duyet, sành đời của các cô gái Phú-lang-sa.

Tuy vậy một cuộc nghiên cứu về tình dục của dân Pháp do một nhóm các nhà bác-sĩ, luật-sư và xã-hội học thực hiện, tương tự như cuộc nghiên cứu của Bác sĩ Kinsey ở Mỹ, cho

thấy dân Phú-lang-sa thực ra không quá tự do về phương diện ái-tình như người ta tưởng.

Cuộc nghiên cứu cho thấy :

— Hơn 78% đàn bà Pháp thích làm tình ở trong bóng tối hay ở chỗ hơi tối, và 93% đều chọn làm tình ở tư thế bình thường của vợ chồng.

— 80% các bà vợ được phỏng vấn đều trung thành với chồng trong lúc chỉ có 60% đấng ông chồng Pháp thủ tiết với vợ.

— Trung bình một người đàn ông Pháp có liên-hệ tình-dục với 11 người đàn bà trong lúc 46% phụ nữ Pháp chỉ có một đời chồng.

— Một con số gây ngạc nhiên khác là chỉ có 30% phụ nữ Pháp dùng thuốc ngừa thai và đa số nam và nữ giới không bao giờ bàn vấn-đề tình-dục với cha mẹ họ.

TỬ DIỆP

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Thời sự thế giới

Bầu cử Tổng Thống tại Hoa-kỳ bầu cử Quốc hội tại Gia-nã-đại, hội nghị thượng-đỉnh 9 nước Âu châu tại Paris và những khó khăn hiện tại của Tổng-Thống Mác-xít Allende xứ Chili là những đề-tài được nhiều người bàn tán trong những ngày vừa qua.

Hoa-kỳ bầu Tổng-Thống

Cuộc bầu-cử Tổng-Thống tại Hoa-kỳ đã được tổ chức vào ngày 7-11 vừa qua. Kết quả của cuộc bầu cử này đã đúng như dự liệu. Như vậy có nghĩa là ông Nixon được dân chúng Mỹ tái cử thêm một nhiệm kỳ 4 năm nữa với một đa số lớn lao nhất trong lịch sử Hoa kỳ.

Sau một cuộc cò động bầu cử chỉ có một chiều, mặc dầu liên-danh Dân-chủ McGovern và Shriver đã dồn hết mọi nỗ lực một cách tuyệt vọng, các ứng-cử-viên Dân-chủ đã thất bại hết sức nặng nề. Ông Nixon đã lượm được một số thăm kỷ-lục là 45.535.034 phiếu của cử tri toàn quốc tức là 61% số phiếu của dân chúng. Ông McGovern lượm được 28.294.259 phiếu tức là 38%. Còn 1% phiếu còn lại được dồn cho ông Schmidt.

Theo hệ-thống Hoa-kỳ người ta bầu Tổng Thống qua hai cấp nên trên lý-thuyết, dân chúng ngày 7-11 vừa qua chỉ đi bầu đề cử ra một số « cử-tri Tổng-Thống » và các « cử-tri Tổng-Thống » này sẽ nhóm họp tại Hoa-thịnh-đốn vào tháng 12 để chính thức bầu Tổng Thống. Số « cử-tri Tổng-Thống » được dân chúng bầu lên để bầu cho ông Nixon là 521

người, trong khi ông chỉ cần có 270 đề cử cử. Tổng-cộng ông McGovern chỉ được có 17 « cử tri Tổng Thống ».

Nếu tính theo tỷ-lệ số phiếu của dân chúng thì ông Nixon được xếp vào hạng nhất từ xưa tới nay, chưa ai được tỷ-lệ cao như vậy. Nếu tính theo tỷ-lệ số « cử-tri Tổng-Thống » thì ông Nixon được xếp hạng hai sau F.Roosevelt năm 1936 với 523 cử-tri.

Ông Nixon lại còn nắm được đa-số tại 49 trên 50 tiểu bang. Ông McGovern chỉ thắng tại tiểu bang Massachusetts là « lãnh địa » của gia-đình Kennedy và tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn nơi có nhiều người da đen.

Câu hỏi đầu tiên mà người ta đặt ra khi ông Nixon được tái đắc cử là với một thắng lợi vinh quang như vậy, ông sẽ giải-quyết vấn-đề Việt-Nam ra sao ? Thật ra thì vấn-đề Việt-Nam không còn là một vấn-đề quan-trọng có tính-cách quyết-định trong cuộc bầu-cử Tổng-Thống nữa nên dù có bầu-cử hay không thì ông Nixon vẫn giải-quyết theo ý ông muốn.

Ngày 26-10 Bắc-Việt muốn làm áp lực với ông Nixon nên đã đột nhiên tiết-lộ thỏa-hiệp 9 điểm, mà theo họ, ông Kissinger đã đồng ý. Họ lại còn buộc Mỹ phải ký vào ngày 31-10. Làm như vậy Hà-nội hy vọng rằng ông Nixon sợ mất phiếu sẽ phải ký. Nhưng Hà-nội đã tính lầm. Ông Nixon thừa đủ ưu-thế để thắng một ứng-cử-viên kém uy-tín, không có một lập-trường vững chắc duy-nhất. Vì vậy mà cho đến tận giờ người ta

vẫn chưa thấy Hoa-kỳ chịu ký.

Nhưng dù sao thì vấn-đề Việt-nam vẫn được ông Nixon chú trọng đặc biệt. Vừa đắc-cử ông đã phái tướng Haig, phụ-tá của ông Kissinger, sang Saigon, nên hòa-bình tại Việt-nam giờ đây chỉ là một vấn-đề thời-gian.

Bầu cử tại Gia-nã-đại

Tại Gia-nã-đại người ta cũng đã bầu lại Hạ-viện. Sau 4 năm cầm quyền với tư cách lãnh-tụ đảng Tự-Do, ông Pierre Elliott Trudeau lại phải ra trước cử-tri.

Tuy trong 4 năm vừa qua ông Trudeau đã có một chính-sách đối-ngoại khá táo bạo, như xét lại thái-độ đối với Hoa-kỳ và với Minh-ước Đại-Tây-Dương, thừa nhận Trung-Cộng và tuy tình-hình nội-bộ không có gì khó khăn, nhưng ông Trudeau đã mất phiếu rất nhiều. Thật vậy, kết quả là đảng Tự-Do của ông đã mất 38 ghế tại Quốc-hội và chỉ còn có 109 ghế. Đảng Bảo-thủ đối-lập cũng có được 109 ghế và đảng Cấp-tiến chiếm 30 ghế.

Kết quả cuộc bầu cử này đã làm cho đời sống chính-trị Gia-nã-đại trở nên bất ổn. Ta thấy không có đảng nào nắm được đa số quá bán 132 phiếu cần thiết để cai-trị. Vì vậy mà đảng Cấp-tiến của ông Lewis, với 30 ghế, đang đóng vai trò trọng-tài trong cuộc khủng-hoảng chính-trị mới này.

Cuộc bầu cử trên đã tạo cho Gia-nã-đại một chính-phủ thiểu-số và tiếp tục sự chia-rẽ giữa các địa-phương

và giữa hai cộng-đồng dân gốc Pháp và gốc Anh.

Trong cuộc vận-động bầu-cử, ông Trudeau, 53 tuổi, không còn được các nữ cử-tri nồng-nhiệt ủng-hộ như trước nữa. Tuy khi đi cồ-động, ông còn mặc những bộ đồ bay bướm, áo sơ-mi hồng, một cành hoa cài trên ve áo, nhưng ông không còn là một ứng-cử-viên trẻ tuổi, đi đến đâu cũng bị nữ cử-tri rượt bắt đề hôn. Sự thất bại của ông Trudeau một phần cũng tại vì ông đã lấy vợ và có một đứa con trai 9 tháng. Vì vậy mà ông cũng trở nên đứng đắn hơn trước. Mặc dầu người ta đã tung ra những khẩu hiệu hấp-dẫn đề bầu cho « Siêu minh-tinh Trudeau » nhưng vì sao này đã mờ dần trên nền trời chính-trị Gia-nã-đại, nên nước này bước vào một tình trạng bất ổn. Một quốc-gia Bắc-Mỹ bất ổn cạnh Hoa-kỳ làm cho các giới chức Hoa-kỳ e ngại không kém.

Tình trạng rối loạn tại Chí-lợi

Nếu tại Bắc-Mỹ một cuộc khủng-hoảng chính-trị đang khởi sự thì tại Nam Mỹ cuộc khủng-hoảng đã bùng nổ.

Trong những ngày qua tại Thủ-đô Chí-lợi, các lực-lượng Cảnh-sát và Quân-đội đã được huy-động để đối phó với những cuộc biểu-tình của dân chúng. Chí-lợi là một nước ổn-định duy nhất tại Nam-Mỹ nên cảnh tượng cảnh-sát đàn áp người biểu-tình là một cảnh-tượng hiếm có.

Tổng-thống Chí-lợi Salvatore Allende, theo chủ-nghĩa Mác-xít, lên cầm quyền từ 2 năm qua và có tham vọng là thực-hiện chủ-nghĩa Mác-xít bằng những phương-tiện hòa-bình. Nhưng chính-sách kinh-tế mang nặng màu sắc xã-hội lại gặp những thất bại liên tiếp. Nạn lạm phát gia tăng trung bình 100% mỗi năm và nạn khan hiếm thực phẩm lan tràn khắp trong nước. Các bà nội trợ đua nhau tích trữ thực-phẩm và vật-dụng nên các cửa hàng phải đóng cửa không còn gì để bán.

Khi ông Allende quyết-định lập một hãng chế xe vận-tải tại một vùng hẻo lánh Aysén thì giới nghiệp-đoàn xe vận-tải cho rằng ông đang toan tính hữu-sản-hóa các ngành hoạt-động trong nước. Vì vậy họ nổi dậy đề phản đối chính-sách kinh-tế của ông Allende.

Trước các cuộc biểu tình rầm rộ của dân chúng, ông Allende đã phải đặt 21 tỉnh trên 25 trong tình trạng khẩn cấp do quân-đội kiểm-soát. Nếu tình-trạng này tiếp tục thì thí-nghiệm xã-hội-hóa bằng phương-tiện hòa-bình của ông Allende sẽ bị thất bại và những người thuộc khuynh-hướng Castro sẽ có dịp lợi dụng tình-thế để nhảy vào chính-trường.

Hội-nghị thượng-đỉnh 9 nước Âu-châu

Tuy Thị-trường-chung Âu-châu được thành-lập từ 15 năm nay nhưng ngay tại Pháp người ta còn chưa biết

tổ chức này là cái gì. Được nhà báo hỏi, một người đàn bà Pháp đã trả lời rằng đó là một siêu-thị. Hỏi khối Thị-trường-chung có bao nhiêu hội-viên thì bà ta trả lời là có khoảng 500 hội-viên !

Đề đẩy mạnh Thị-trường-chung, các Quốc-trưởng 9 nước hội-viên đã họp trong 2 ngày tại Paris dưới quyền chủ-tọa của Tổng-Thống Pháp Pompidou. Trong hội-nghị này người ta đã lập ra một quỹ tiền-tệ chung và đưa ra một chính-sách chung. Ngoài ra 9 nước còn cam kết là sẽ hoạt-động để đi tới một Liên-hiệp Âu-châu để đối phó với các đại-cường.

Tuy ai cũng có thiện-chí muốn đi tới một Liên-hiệp Âu-châu nhưng chưa nước nào đủ mạnh và Âu-châu cũng chưa đủ đoàn-kết để tiến tới mục-đích này. Liên-hiệp hiện thời chỉ là một ảo-mộng, nên tờ báo Pháp L'Express đã vẽ hí họa hội-nghị với những nhân-vật nhỏ siu ngồi họp dưới ba cái bóng vĩ đại của Nixon, Mao-Trạch-Đông và Brejnev.

TỪ-MINH

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có : bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1,9, 12, 28, 68, 70, 81, 88, 95, 107, 122, 130, 145, 177.) **Giá 23.000đ.**

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Hai cụ Hàn

Trong vòng 24 giờ, nước Pháp mất hai ông Hàn lâm.

Ngày 20-9-1972, ông cụ Pierre - Henri Simon qua đời sau một cuộc giải phẫu. Ngày 21-9-1972, ông cụ Henry de Montherlant bắn một phát súng lục vào mồm, tự tử. Cụ P.H. Simon sắp được bảy mươi; cụ Henry de Montherlant bảy mươi sáu tuổi, và mấy tháng trước đây đã đau yếu rề rề.

P. H. Simon từ năm 1961 đến nay vẫn viết mục điểm sách hàng tuần cho báo *Le Monde*. Hôm nọ, vẫn như thường lệ, ông cụ, mang đến trao bài cho tòa soạn; nhưng kèm theo bài báo có thêm một bài cáo biệt độc giả: ông cụ quyết định nghỉ ngơi xét vì tuổi già sức yếu v.v... Không ngờ, chẳng những nghỉ viết, ông cụ lại nghỉ sống luôn. Khóc thương P. H. Simon, một ông Hàn lâm khác là Georges Izard viết rằng: P. H. Simon chết, một mảng đời tôi sụp đổ theo!

H. de Montherlant, trái lại, không có mảng đời nào. Viết về cái chết của ông cụ, một cây bút nữ phái của báo *Le Monde* là Jacqueline Piatier đã than rằng ông cụ không để lại một tiểu sử nào cả, chỉ để lại cho đời có một bản thư-mục mà thôi. Nói cách khác suốt đời ông chỉ có viết văn; ngoài ra, không tham dự một hoạt động chính trị, xã hội nào đáng kể.

Một người điểm sách

Piere Henri Simon giữ mục điểm

sách, mỗi tuần viết một bài phê bình về một tác phẩm cho báo *Le Monde*. Trong bài cáo biệt độc giả, ông có kiểm điểm về công việc của mình. Thiết tưởng chúng ta nên xem qua một chút cho biết công việc của một người điểm sách ở nước Pháp trong thời hiện tại nó ra làm sao.

P. H. Simon bảo rằng ông giữ mục này đã 11 năm và 7 tháng, kể luôn cả những kỳ nghỉ hè 3 tuần lễ và một lần gián đoạn vì bệnh tật. Trong thời gian ấy, ông đã viết hơn 500 bài báo, nếu đem in ra thì được chừng 4.000 trang sách.

Mỗi năm trung bình ông phải đọc và phê bình ngót 200 tác phẩm. Mỗi bài phê bình làm tốn mất của ông từ 30 đến 40 giờ đồng hồ, vừa đọc sách vừa suy nghĩ, vừa viết bài.

Làm việc như thế đề được lãnh lương bao nhiêu mỗi tháng? Tiếc thay, điều quan trọng ấy ông cụ P. H. Simon cho là không đáng nói đến. Dầu sao chúng ta cũng biết được chi tiết này: là khi ông Chủ nhiệm đến mời cộng tác thì P. H. Simon đang dạy ở đại học Fribourg tại Thụy-sĩ. Ông đã đánh đổi một cái ghế giáo sư đại học tại đây để nhận một chân biên tập thì hẳn là ông cũng được đền bù tương xứng.

Những người thiện-chí

Hội chợ Quốc-tế về Sách, kỳ thứ 24, năm nay qui tụ tại Francfort-sur-le-Main từ 28-9 đến 3-10, hơn 3.600 nhà xuất bản từ 60 quốc-gia, mang đến triển lãm độ 400 nghìn thứ sách.

Một sáng kiến của Hội chợ, do hội Nhà văn Đức-quốc gợi ý, là có những văn-sĩ tình nguyện đem tác-phẩm đến đọc tại bệnh viện, nhà dưỡng lão, nhà tù v.v...

Cổ nhiên đây là một cử chỉ thật đẹp đẽ về phía các văn-nghệ-sĩ. Nhưng không hiểu tại sao các bệnh-nhân và tù nhân lại cần được người khác đọc sách cho nghe, mà không thể tự mình xem sách lấy. Nếu hạng người bất hạnh được lựa là hạng khiếm thị thì dễ hiểu hơn.

Ở Francfort không có người mù và trại mù chẳng ?

Âm-thanh của gió

Nửa năm sau khi ông tự tử, Yasunari Kawabata được dịch sang Anh - văn cuốn truyện thứ tư : dưới nhan đề *The master of Go*. (Dịch giả là Edward G. Seidensticker)

Đây là câu chuyện về một trò chơi cờ truyền ở Nhật. Đây cũng là sự

đụng độ bi đát giữa một thiên sư già nua, trầm lặng, thanh tĩnh, với một địch thủ ồn ào, hung hăng, cương quyết, trẻ tuổi. Đây là cái thảm cảnh của con người cũ lạc loài giữa xã hội náo nhiệt thời hậu chiến.

Con người cũ đã chán nản, thất bại, rồi ngã gục.

Hồi còn làm phóng viên cho các báo ở Tokyo và Osaka tác giả đã được xem trận đấu danh tiếng vào năm 1938 của Kitani Minoru. Phải chăng cuốn truyện này phản ánh trận đấu ấy ?

Người ta còn nhớ trong bài diễn văn đọc trong dịp nhận giải thưởng

Nobel, tác giả có dẫn câu nói của một họa sĩ Trung hoa : « Bạn vẽ một cảnh cây cho đẹp, và bạn sẽ nghe được tiếng gió thổi ». Đọc xong tác phẩm của Kawabata, có người bảo nghe được tiếng gió.

TRÀNG THIÊN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Phê bình cũ, phê bình mới

(tiếp theo trang 12)

có thể có sự góp sức sáng tạo, sửa chữa của quần chúng, như các câu ca dao vậy. Do đó mà khi Nguyễn Du trao bản thảo cho người bạn thân là Phạm Quí Thích thì lập tức ông này có thể tự tiện sửa chữa cho hay hơn và thích hợp hơn với miền Bắc. Cũng vì vậy mà tới nay Truyện Kiều có mấy chục bản, mà các bản đó có nhiều câu, nhiều chữ rất khác nhau. Tôi nghĩ việc cấp bách lúc này là các nhà nghiên cứu phải cố tìm cho ra một bản Kiều gần đúng với nguyên tác nhất, nghĩa là phải làm công việc « hiệu đính » Truyện Kiều. Có một bản gần với nguyên tác, người ta mới yên tâm mà tìm hiểu tác phẩm và phiên dịch ra các tiếng ngoại quốc để giới thiệu tác phẩm đó với các nước ngoài.

BUI HỮU SÙNG : Tôi rất đồng ý với ông Trung là hề nghiên cứu là phải làm việc trên tài liệu, chứ không thể suy diễn xuôi hay tán rộng được. Nhưng tôi có nhận xét là hiện nay có hai loại phê-bình : Một loại phê bình nghiên cứu và một loại phê bình mà tôi tạm gọi là phê bình thưởng thức của bình dân. Người bình dân, nhất là bình dân Việt-nam, đọc một tác phẩm không có cái óc phê bình nghiên cứu, họ không nhìn vào toàn bộ tác phẩm đó, mà có thể tách ra một nhân vật trong truyện, đặt vào đời sống hiện tại rồi so sánh, phê phán theo ý thích của mình, theo tâm sự riêng tư của mình, theo sự thưởng thức cá biệt của mình... Vậy chúng ta có thể chấp nhận lối phê bình mà tôi gọi là phê bình sáng tạo (création) đó không ?

NGUYỄN VĂN TRUNG : Tôi xin nói rõ là tôi trách một số nhà phê bình nghiên cứu của ta đã áp dụng phương pháp Tây phương vào việc nghiên cứu văn học V. N. mà không tìm hiểu xem ngày xưa người ta làm văn, làm thơ với một truyền thống ra sao, với chủ đích gì, trong hoàn cảnh nào. Thí dụ trước đây người ta không đặt vấn đề tác giả, như vậy nên một tác phẩm như Truyện Kiều, từ ông Phạm Quí Thích trở đi, ông nào muốn sửa chữ nào thì sửa, và rồi cứ việc đem mà khắc vào gỗ để in. Cũng vì không đặt vấn đề tác-giả nên sau cùng cũng không có sự lạm dụng, chỉ nói về tác-giả mà quên tác-phẩm. Mặt khác sự thưởng thức là mục tiêu chủ yếu của tác phẩm văn chương, nên có phê bình cũng chỉ là làm cho sự thưởng thức được đầy đủ mà thôi.

Ở Tây-phương bây giờ họ cũng trở lại với cái truyền thống nói trên của ta, nghĩa là họ chú trọng nhiều đến chính tác phẩm mặc dầu họ vẫn có rất nhiều tài liệu về tác giả. Như trường hợp Truyện Kiều, ai muốn hiểu thế nào cũng được, thân phận, quyền sống... giá trị của truyện Kiều vẫn không vì sự suy diễn đó mà thay đổi. Chẳng hạn người bình dân có thể tìm thấy hình ảnh cuộc đời của mình trong Truyện Kiều. Roland Barthes, một nhà phê bình cơ cấu Tây-phương, nói đại ý rằng : anh phải giải thích cho người ta thấy tại sao một tác-phẩm hay lại có khả năng phản ánh những chủ quan về tư tưởng hay tình cảm mà người đọc hay nhà phê bình gán cho nó. Như thế là phê bình sáng tạo.

(còn tiếp 1 kỳ)

GIAI PHẨM QUẢNG ĐÀ XUÂN QUÝ SỬU

HỘI AI HỮU QUẢNG ĐÀ (Quảng-Nam, Quảng-Tín, Đà-Nẵng) sẽ thực hiện một Đặc San lấy tên Giai Phẩm Quảng Đà Xuân Quý Sửu, phát hành trên toàn quốc vào tháng Chạp Nhâm Tý (tháng 01-1973).

Đề từ Giai Phẩm được xưng danh là « mỗi giây tình thần liên kết người dân Quảng Đà với nhau và với Quê hương », Hội thân ái kêu gọi Nhà Cầm Bút Đồng Hương trên toàn quốc đóng góp bài vở các loại : truyện, thơ, biên khảo v.v... trong tình thần trên.

Thư từ, bài vở xin gửi trước ngày 25-11-1972 về Trụ sở Hội Ai Hữu Quảng Đà số 182/18 Trương minh Ký Gia-Định, hoặc : Ông Nguyễn Thùy, 165 Tự Do Saigon.

HỘI AI HỮU QUẢNG ĐÀ

Sắp phát hành :

- HÌNH NHƯ LÀ TÌNH YÊU của Hoàng Ngọc Tuấn
- CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA của Ivo Andritch
Nguyễn Hiến Lê dịch
- MƯU SINH của Maxime Gorki
Trương Đình Cử dịch
- HỒI KÝ BỐN MỐT NĂM LÀM BÁO của Hồ Hữu Tường
- BỨC BÌNH PHONG của S. Maugham,
Nguyễn Minh Hoàng dịch
- TẤN BI KỊCH của Lâm Ngữ Đường,
Vi Huyền Đắc dịch
- PHI LẠC SANG TÀU của Hồ Hữu Tường
- NHỮNG NGÀY CẠN SỮA của Minh Quân
- DỊCH CÁT của Nguyễn Văn Xuân
- VƯƠNG DƯƠNG MINH của Phan Văn Hùm

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

19-21 Nguyễn Thiện Thuật Saigon 3 — Đ.T : 92017

Sách nhận được trước 15-11-72

Chúng tôi đã nhận được những sách sau đây, do Nhà xuất bản TRÍ ĐĂNG và LỬA THIÊNG gửi tặng,

— Hương rừng Cà-mau gồm những truyện ngắn của Sơn Nam mô tả, khám phá những phong tục của đồng bào ở miền Hậu-giang. Sách do Trí Đăng tái bản, bản dành để tặng không để giá.

— Thành Cát Tư Hãn của Nguyễn Trọng Khanh do Trí Đăng tái bản. Nội dung trình bày cuộc đời của Khả hãn từ lúc chào đời cho đến lúc từ trần với những trận chiến ác liệt nhất trong lịch sử chiến tranh nhân loại. Tác giả dựa vào tài liệu của Pháp, Anh Nga và Trung-hoa khiến chúng ta có thể tin được. Bản dành để tặng, không thấy để giá.

— Văn-chương Nam-bộ và cuộc kháng Pháp 1945-1950 của Nguyễn văn Sâm. Sách dày 296 trang sưu tập công phu gồm 2 phần chính : Văn chương Nam-bộ và ý hướng kháng Pháp ; những đóng góp của Văn chương Nam bộ vào cuộc kháng Pháp 1945-50. Phụ lục có hơn 20 hình ảnh một số nhà văn Nam-bộ kháng Pháp và bìa các tác phẩm. Lời bạt của Luật sư Nguyễn văn Lộc. Bản đặc biệt.

— Triết học và khoa học của Đặng Phùng Quân. Sách dày trên 200 trang gồm 6 chương trình bày : Triết học và khoa học, Đối tượng ngôn ngữ của khoa học, khoa học thiên nhiên và khoa học nhân văn vv... Phụ lục : Tiến triển của khoa sinh học từ Aristote đến Monod. Bản đặc biệt.

HỘP THƯ

— Cùng quý bạn đọc Bách-Khoa và quý bạn gửi bài :

Vì số đặc biệt về Nguyễn Du và Truyện Kiều dày hơn các số thường nên báo ra bị trễ một vài ngày, mong quý bạn thông cảm cho.

Cũng trong số này, mục « Sách báo mới » và « Hộp thư » bị kẹt trang, nên không giới thiệu được hết các sách báo đã gửi tặng cũng như không đăng được tên các bài đã gửi tới. Chúng tôi sẽ xin đăng đầy đủ vào số kế tiếp đây và xin cáo lỗi cùng các tác gia, các nhà xuất bản đã gửi tặng sách, cùng các bạn đã gửi bài.

Mong quý bạn vui lòng ghi ngày tháng cùng con số thích hợp vào khung trống ở trên phần Mục-lục để dễ tra cứu sau này.

Năm nay Bách Khoa sẽ ra Số kỷ niệm 16 năm vào ngày 15-1-1972 như thường lệ. Số này cũng sẽ là số Tết Quý Sửu. Vậy quý bạn gửi bài về số Tết xin gửi cho Ban Chủ trương Bách Khoa trước ngày 15-12-72. Xin cảm ơn quý bạn.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

NHẮN TIN

— Cùng quý anh em các nơi tôi ghé lại, dù đường đi trắc trở, tôi cũng đã đến được Sài-gòn bằng an. Liên lạc thư từ, xin gửi qua địa chỉ Bách Khoa. Anh Phạm Phú-Hải Đà-Nẵng, nhờ anh vui lòng thu góp bản thảo tại nhà tôi gìn giữ dùm, mong thư anh ghé lắm.

Thân kính,
VŨ HỮU ĐÌNH

— Cô Đoàn Nguyễn Ngọc Anh
Cô không để địa chỉ nên không trả lời được.

TÔN THẤT HÀM